

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
PHẠM THANH CƯỜNG**

**PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM THÀNH  
PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**NGÀNH: LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**



**Tp. Hồ Chí Minh, Năm 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

---

**PHẠM THANH CƯỜNG**

**PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM**  
**THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**TP. Hồ Chí Minh - Năm 2019**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đề tài luận văn tốt nghiệp và người hướng dẫn năm 2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản bảo vệ Chuyên đề của ngành Quản lý kinh tế vào ngày 16/02/2019;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và người hướng dẫn Cao học năm 2019 cho:

Học viên : **Phạm Thanh Cường**

MSHV: 1881403

Ngành : **Quản lý kinh tế**

Tên đề tài : **Phát triển khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang**

Người hướng dẫn : **TS. Nguyễn Thị Thanh Vân**

Thời gian thực hiện: **Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019**

**Điều 2.** Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành cao học và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận :**

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐH (3b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Lê Hiếu Giang

**BIÊN BẢN CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019**

**NGÀNH: Quản lý kinh tế KHÓA 2018-2020**

Hội đồng chấm LVTN theo QĐ số: 2168/QĐ-ĐHSPKT-SĐH, ngày 09/10/2019

Có mặt : ..... 05 ..... Vắng mặt: ..... 0 .....

Chủ tịch Hội đồng : TS. Trần Đăng Thịnh

Thư ký Hội đồng : TS. Phạm Xuân Thu

Học viên bảo vệ LVTN : **Phạm Thanh Cường**

MSHV: 1881403

Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Thị Thanh Vân

Giảng viên phản biện : TS. Nguyễn Giác Trí

TS. Trần Độc Lập

Tên đề tài LVTN : **PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**I. KẾT QUẢ BẢO VỆ:**

TT	Thành viên hội đồng	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1	TS. Trần Đăng Thịnh	6,7	
2	TS. Phạm Xuân Thu	6,5	
3	TS. Nguyễn Giác Trí	7,8	
4	TS. Trần Độc Lập	7,5	
5	TS. Đặng Quang Vắng	6,8	
<b>Tổng điểm</b>		<b>35</b>	
<b>Điểm trung bình</b>		<b>7,0</b>	

**II. KẾT LUẬN:**

(Thu ký hội đồng ghi rõ các ý kiến của thành viên hội đồng về việc chấp thuận, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

Chỉnh sửa theo yêu cầu của hội đồng  
Cần xây dựng thêm lý thuyết cho đề tài  
Cần viết lại mục tiêu nghiên cứu một cách cụ thể

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Trần Đăng Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Phạm Xuân Thu



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**PHIẾU NHẬN XÉT**  
**LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: **Phạm Thanh Cường**

MSHV: **1881403**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Nguyễn Giác Trí**

Chức danh: **Giảng viên**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường ĐH Đồng Tháp**

Điện thoại liên hệ: **0907.814584**

**I. Ý KIẾN NHẬN XÉT**

**1. Về hình thức & kết cấu luận văn.**

Kết cấu luận văn gồm 3 chương phù hợp

**2. Về nội dung**

**2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.**

luận văn đảm bảo tính khoa học, xét từ cách tiếp cận, mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Ngôn ngữ sử dụng trong sáng, rõ ràng và mạch lạc.

**2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.**

phù hợp

**2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.**

- Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể
- Phương pháp nghiên cứu: phù hợp

**2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.**

nhìn chung đề tài đáp ứng luận văn thạc sỹ.

**2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.**

Nội dung nghiên cứu đa dạng và phù hợp. Kết quả nghiên cứu đáp ứng mục tiêu nghiên cứu đề ra.

**2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.**

có khả năng ứng dụng.

**2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).**

Thứ nhất, sau mỗi bảng, tác giả cần diễn đạt nội dung. Chẳng hạn, ở bảng 2.7 (trang 57) tác giả cần diễn giải vì sao số ngày khách lưu trú trung bình tăng dần từ 2013 – 2018, nguyên nhân do đâu?

Thứ hai, đối với nội dung phỏng vấn chuyên gia (những người quản lý ở KDL Núi Sam), tác giả nên trình bày ở phần phụ lục bao gồm: thông tin chuyên gia, nội dung phỏng vấn, kết quả thu được là gì?.

## II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

- 1 Tác giả hãy làm rõ những tiềm năng phát triển các loại hình du lịch khác ngoài loại hình du lịch tâm linh tại Khu Du Lịch Núi Sam TP. Châu Đốc?

## III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

## IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phản biện ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Đồng ý cho bảo vệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2019

**Người nhận xét**

(Ký & ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Giác Trí



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**PHIẾU NHẬN XÉT**  
**LUẬN VĂN THẠC SĨ - HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: **Phạm Thanh Cường**

MSHV: **1881403**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Trần Độc Lập**

Chức danh: **Giảng viên**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **ĐH NÔNG LÂM TP.HCM**

Điện thoại liên hệ: **0902.606075**

**I. Ý KIẾN NHẬN XÉT**

**1. Về hình thức & kết cấu luận văn.**

Hình thức và kết cấu đạt yêu cầu

**2. Về nội dung**

**2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.**

Luận văn chỉ rõ được cơ sở khoa học để phát triển du lịch Núi Sam. Các luận cứ mang tính mô tả, nguồn minh chứng chưa thuyết phục

**2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.**

Đề tài còn nhiều lỗi trích dẫn nguồn, đề nghị bổ sung và chỉnh sửa lại cho phù hợp

**2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.**

Mục tiêu phát biểu không rõ ràng, cần phải chỉnh sửa lại cho rõ hơn. Mục tiêu cụ thể không tương thích với mục tiêu chung

**2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.**

Đề tài chủ yếu dựa vào các văn bản pháp lý để làm cơ sở cho nghiên cứu; còn thiếu các lý thuyết nền và các công trình nghiên cứu thực nghiệm có liên quan

**2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.**

Đạt yêu cầu. Tuy nhiên, cần phải bổ sung thêm các phân tích định lượng và kiểm định thống kê các kết quả nghiên cứu

**2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.**

Có thể làm tài liệu tham khảo cho địa phương

**2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).**

Xem những đề nghị ở các mục trên

**II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ**

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

### III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.		x
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.		x
4	Tổng quan của đề tài.		x
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

### IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phản biện ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Đồng ý cho bảo vệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét  
(Ký & ghi rõ họ tên)



TS. Trần Độc Lập



## LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh & học viên cao học)



Giới tính: Nam  
Nơi sinh: TP. Châu Đốc  
Dân tộc: Kinh

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ & tên: PHẠM THANH CƯỜNG  
Ngày, tháng, năm sinh: 04/10/1978  
Quê quán: thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang  
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi học tập, nghiên cứu: Giáo viên

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 28, đường số 10, Khu dân cư Khóm 8, P.Châu Phú A, TP. Châu Đốc, T.An Giang.

Điện thoại cơ quan: 0296.3550409

Điện thoại nhà riêng: 0966010029

Fax:

E-mail: phamthanhuongcdag1978@gmail.com

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

#### 1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Tại chức  
Thời gian đào tạo từ ...../1998 đến ...../ 2001  
Nơi học (trường, thành phố): Trường cao đẳng tài chính kế toán 4, TP.HCM.  
Ngành học: Kế toán

#### 2. Đại học:

Hệ đào tạo: Từ xa  
Thời gian đào tạo từ ...../2010 đến ...../ 2015  
Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Trà Vinh  
Ngành học: Kế toán  
Tên đồ án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày & nơi bảo vệ đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

#### 3. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo: Chính quy  
Thời gian đào tạo từ ...../2018 đến ...../2020  
Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.  
Ngành học: Quản lý kinh tế  
Tên luận văn: Phát triển khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ngày & nơi bảo vệ luận văn: 26/11/2019

Người hướng dẫn: Nguyễn Thị Thanh Vân

#### 4. Tiến sĩ:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ ...../..... đến ...../ .....

Tại (trường, viện, nước):

Tên luận án:

Người hướng dẫn:

Ngày & nơi bảo vệ:

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): B1 nơi cấp: Trường ĐHSPTK.TPHCM

6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày & nơi cấp:

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:**

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
09/1996 - 10/2004	Trường Tiểu học Trung Vương, thành phố Châu Đốc	Y tế học đường
11/2004 -05/2016	Trường Tiểu học Trung Vương, thành phố Châu Đốc	Kế toán
6/2016 - 07/2017	Trường Tiểu học Lê Lợi, thành phố Châu Đốc	Kế toán
08/2017 đến nay	Trường trung cấp nghề Châu Đốc	Giáo viên

**IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:**


**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN hoặc ĐỊA PHƯƠNG**

(Ký tên, đóng dấu)

**HIỆN TRƯỞNG**  
  
**Trần Chế Vỹ**

Ngày 9 tháng 11 năm 2019

Người khai ký tên

  
Phạm Thanh Cường

## **LỜI CAM ĐOAN**

Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Thị Thanh Vân. Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này hoàn toàn trung thực. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

**Học viên**

Phạm Thanh Cường

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ của Ban Giám hiệu, các phòng, khoa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, các sở, ngành tỉnh An Giang, các phòng, ban của thành phố Châu Đốc đã tạo điều kiện tốt nhất cho tôi được hoàn thành đề tài. Đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của TS. Nguyễn Thị Thanh Vân đã giúp tôi hoàn thành tốt đề tài. Qua đó, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến sự giúp đỡ này của Ban Giám hiệu, phòng đào tạo, khoa kinh tế của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm, tạo mọi điều kiện để tôi được tham gia và hoàn thành khóa đào tạo Thạc sĩ (2018-2020).

Xin trân trọng cảm ơn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang, Chi cục Thống kê, Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố Châu Đốc, Ban quản lý khu di tích và du lịch Núi Sam đã giúp đỡ nhiệt tình về tư liệu để tôi hoàn thành luận văn.

Đặc biệt tôi xin được bày tỏ sự kính trọng, biết ơn sâu sắc Cô giáo, TS. Nguyễn Thị Thanh Vân (giảng viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh) là người cô đã tận tụy giúp đỡ, hướng dẫn tôi trên bước đường học tập và nghiên cứu.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2019*

**Tác giả luận văn**

Phạm Thanh Cường

## TÓM TẮT

Khu du lịch Núi Sam Châu Đốc có nhiều tiềm năng về thiên nhiên, các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội độc đáo, mang tính đặc thù riêng. Núi sam là điểm đến có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh đặc sắc, vượt ra khỏi ranh giới của tỉnh An Giang, mang tính đại diện cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đây là yếu tố quan trọng để Núi Sam có thể phát triển để trở thành một điểm đến du lịch không chỉ có ý nghĩa địa phương mà còn có ý nghĩa quốc gia và khu vực.

Thông qua hoạt động của ngành du lịch đã đóng góp vào nguồn thu ngân sách của thành phố ngày càng lớn hơn. Tuy nhiên, du lịch Châu Đốc vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, như: ứng xử của một số hộ kinh doanh chưa thân thiện, chuyên nghiệp. Dù chính quyền địa phương đã kiên quyết thực hiện nhiều giải pháp, song tình trạng chèo kéo du khách vẫn còn diễn ra. Mặt khác, các loại hình du lịch, chưa đủ sức giữ chân du khách; môi trường du lịch, sản phẩm và các dịch vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan. Đặc biệt, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn yếu và thiếu, cán bộ quản lý du lịch chưa được đào tạo chuyên sâu.

## **ABSTRACT**

Sam Chau Doc Mountain tourist site has a lot of potentials for nature, historical sites and cultural relics, and unique festivals. Sam mountain is a potential tourism development destination, beyond the borders of An Giang province, which is representatie the Mekong Delta. This is an important factor for the development of Sam Mountain to become a tourist destination of not only local significance but also national and regional significance.

Through the tourism industry has contributed to the increasing budget of the city. However, Chau Doc tourism still has some limitations that need to be overcome, such as the conduct of some business households is not friendly and professional. Although the local government has firmly implemented many solutions, the situation of attracting tourists is still happening. On the other hand, the type of tourism, not enough to retain visitors; The tourism environment, products and tourism services do not meet the needs of visitors. In particular, human resources for tourism are weak and lacking, tourism managers have not received intensive training.

## MỤC LỤC

<b>1. Tính cấp thiết của đề tài .....</b>	<b>01</b>
<b>2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài .....</b>	<b>03</b>
<b>2.1. Mục tiêu nghiên cứu .....</b>	<b>03</b>
<b>2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu .....</b>	<b>03</b>
<b>3. Những nghiên cứu liên quan .....</b>	<b>03</b>
<b>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....</b>	<b>05</b>
<b>4.1. Đối tượng nghiên cứu.....</b>	<b>05</b>
<b>4.2. Phạm vi nghiên cứu.....</b>	<b>05</b>
<b>5. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>05</b>
<b>5.1. Các quan điểm nghiên cứu .....</b>	<b>05</b>
5.1.1. Quan điểm hệ thống .....	05
5.1.2. Quan điểm lãnh thổ.....	06
5.1.3. Quan điểm lịch sử - viễn cảnh.....	06
5.1.4. Quan điểm môi trường - sinh thái.....	06
5.1.5. Quan điểm phát triển bền vững.....	06
<b>5.2. Các phương pháp nghiên cứu.....</b>	<b>07</b>
5.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu.....	07
5.2.2. Phương pháp thống kê .....	08
5.2.3. Phương pháp dự báo .....	08
5.2.4. Phương pháp sơ đồ, bản đồ.....	09
<b>6. Đóng góp của đề tài.....</b>	<b>09</b>
<b>7. Cấu trúc của luận văn.....</b>	<b>09</b>
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DL .....</b>	<b>10</b>
<b>1.1. Cơ sở lý luận về du lịch.....</b>	<b>10</b>
1.1.1. Khái niệm về du lịch và khu du lịch .....	11
1.1.2. Một số loại hình du lịch .....	12
1.1.3. Sản phẩm du lịch .....	16
1.1.4. Tổ chức lãnh thổ du lịch .....	21
1.1.5. Tài nguyên du lịch.....	23
1.1.6. Phân loại tài nguyên du lịch.....	24
1.1.7. Các tiêu chí đánh giá tài nguyên du lịch .....	28
1.1.8. Phát triển bền vững và du lịch bền vững.....	28

1.1.8.1. Phát triển bền vững .....	28
1.1.8.2. Du lịch bền vững.....	29
<b>1.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch.....</b>	<b>30</b>
<b>1.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch .....</b>	<b>30</b>
1.2.1.1. Các nhân tố bên trong .....	30
1.2.1.2. Các nhân tố bên ngoài.....	33
<b>1.2.2. Hoạt động du lịch và KDL ở một số địa phương của Việt Nam ....</b>	<b>35</b>
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KDL NÚI SAM TP. CHÂU ĐỐC</b>	
<b>GIAI ĐOẠN 2013 – 2018 .....</b>	<b>39</b>
<b>2.1. Khái quát về khu Núi Sam – Châu Đốc .....</b>	<b>39</b>
2.1.1. Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ.....	39
2.1.2. Đặc điểm tự nhiên.....	39
2.1.3. Đặc điểm kinh tế - xã hội.....	40
<b>2.2. Tiềm năng phát triển du lịch .....</b>	<b>41</b>
2.2.1. Tiềm năng du lịch tự nhiên.....	41
2.2.2. Tiềm năng du lịch nhân văn .....	42
2.2.3. Cơ sở hạ tầng .....	48
2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	50
2.2.4.1. Cơ sở lưu trú.....	50
2.2.4.2. Cơ sở vui chơi giải trí.....	51
2.2.4.3. Cơ sở ăn uống.....	51
2.2.4.4. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch.....	51
2.2.5. Các nhân tố khác .....	52
<b>2.3. Thực trạng phát triển khu du lịch Núi Sam .....</b>	<b>52</b>
2.3.1. Tổ chức các cơ sở và hoạt động du lịch.....	52
2.3.2. Lao động và sử dụng lao động trong du lịch.....	53
2.3.2.1. Số lượng lao động trong Du lịch.....	53
2.3.2.2. Chất lượng lao động trong Du lịch.....	54
2.3.3. Khách du lịch .....	54
2.3.3.1. Lượt khách.....	54
2.3.3.2. Khách lưu trú.....	55
2.3.4. Doanh thu du lịch.....	56
2.3.5. Đánh giá chung về tiềm năng và thực trạng phát triển KDL Núi Sam.....	57
2.3.5.1. Về quản lý du lịch và vai trò của nhà nước.....	57



2.3.5.2. Về quy hoạch, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch.....	58
2.3.5.3. Về nguồn nhân lực du lịch .....	59
2.3.5.4. Về nguồn lực đầu tư cho phát triển SPDL và công nghệ.....	59
2.3.5.5. Về thị trường và sản phẩm du lịch.....	60
2.3.5.6. Về chất lượng cơ sở lưu trú và ẩm thực du lịch.....	61
2.3.5.7. Về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch .....	62
<b>Chương 3: NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM TP.CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2025 .....</b>	<b>64</b>
<b>3.1. Mục tiêu phát triển khu du lịch Núi Sam đến năm 2025.....</b>	<b>64</b>
3.1.1. Mục tiêu chung.....	64
3.1.2. Mục tiêu cụ thể .....	64
<b>3.2. Những định hướng phát triển chủ yếu .....</b>	<b>64</b>
3.2.1. Phát triển thị trường khách du lịch .....	64
3.2.2. Tổ chức không gian phát triển du lịch .....	65
3.2.3. Phát triển các tuyến du lịch chủ yếu.....	65
3.2.4. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch .....	66
3.2.5. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.....	67
3.2.6. Định hướng đầu tư phát triển khu du lịch.....	67
<b>3.3. Các giải pháp nhằm phát triển khu du lịch Núi Sam đến năm 2025.....</b>	<b>68</b>
3.3.1. Giải pháp quản lý du lịch và vai trò của nhà nước.....	68
3.3.2. Giải pháp quy hoạch và khai thác tài nguyên du lịch .....	70
3.3.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch.....	72
3.3.4. Giải pháp nguồn lực đầu tư cho phát triển SPDL và công nghệ.....	73
3.3.5. Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm du lịch .....	74
3.3.6. Giải pháp chất lượng dịch vụ lưu trú và ẩm thực du lịch .....	75
3.3.7. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng du lịch .....	76
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>78</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>80</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>81</b>

## **DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

- |                             |          |
|-----------------------------|----------|
| 1. Du lịch                  | : DL     |
| 2. Du lịch bền vững         | : DLBV   |
| 3. Đồng bằng sông cửu long  | : ĐBSCL  |
| 4. Tổng sản phẩm quốc nội   | : GDP    |
| 5. Khu du lịch              | : KDL    |
| 6. Kinh tế xã hội           | : KT-XH  |
| 7. Sản phẩm du lịch         | : SPDL   |
| 8. Tổ chức lãnh thổ du lịch | : TCLTDL |

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Bảng biểu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Bảng 1.1	Một số khu du lịch cấp quốc gia của Việt Nam 2018	12
Bảng 1.2	Một số điểm du lịch tâm linh của Việt Nam 2018	13
Bảng 2.1	Một số khách sạn ở Thành phố Châu Đốc 2019	50
Bảng 2.2	Một số đặc sản của KDL Núi Sam – Châu Đốc 2019	51
Bảng 2.3	Số lao động trực tiếp và tỷ lệ lao động trong ngành DL của KDL Núi Sam so với TP.Châu Đốc giai đoạn 2013-2018	53
Bảng 2.4	Chất lượng lao động trong ngành du lịch tại KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018	54
Bảng 2.5	Số lượt khách đến KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018	54
Bảng 2.6	Cơ cấu thị trường khách DL quốc tế đến KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018	55
Bảng 2.7	Lượt khách lưu trú tại KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018	55
Bảng 2.8	Lượng khách và tổng thu từ DL tỉnh An Giang giai đoạn 2013-2018	56
Bảng 2.9	Tổng thu từ DL của KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018	57
Bảng 2.10	Giá trị GDP du lịch và tỷ trọng của KDL Núi Sam so với TP.Châu Đốc giai đoạn 2013 – 2018	57

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Du lịch An Giang đặc biệt là Thành phố Châu Đốc với các đặc tính về du lịch tâm linh tín ngưỡng và sinh thái núi giữa đồng bằng đã tạo nên một vùng đất mang lại cho người dân khắp mọi miền đất nước một niềm tin vào cuộc sống hạnh phúc, an lành và thịnh vượng. Từ những đặc tính về lịch sử để lại và vị trí kinh tế thuận lợi xét trong phạm vi các nước tiểu vùng sông Mekong (GMS), Châu Đốc được đánh giá là một trong bốn trục chiến lược phát triển kinh tế du lịch của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và GMS là Cần Thơ – Kiên Giang (Phú Quốc) - An Giang (Châu Đốc) - Cambodia (Sihanoukville – Phnomphenh). Tiêu biểu là Núi Sam (với tên gọi khác là Vĩnh Tế Sơn hay Ngọc Lãnh Sơn), một ngọn núi cao 284m trong quần thể Bảy Núi (Thất Sơn) thuộc xã Vĩnh Tế (nay là phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc), cách thành phố Châu Đốc khoảng 5 km về phía Tây Nam.

Không chỉ hấp dẫn bởi địa hình núi giữa vùng đồng bằng, Núi Sam đặc biệt nổi tiếng với quần thể các di tích lịch sử văn hóa, trong đó tiêu biểu là Miếu Bà Chúa Xứ, Chùa Tây An, Lăng Thoại Ngọc Hầu, Chùa Phước Điền (còn gọi Chùa Hang) đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Lễ hội “Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam” là lễ hội cấp quốc gia, hàng năm thu hút lượng khách vào loại lớn nhất nước để tham gia các nghi lễ chính bao gồm: lễ Tắm Bà, lễ Thịnh sắc, lễ Túc yết, lễ Chánh tế và lễ Hồi sắc và các trò vui như: hát bội, múa võ, ca nhạc ngũ âm, múa lân, đánh cờ...

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011) và Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm

2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013) đã khẳng định vai trò của Núi Sam Châu Đốc đối với phát triển du lịch Việt Nam, theo đó Núi Sam nằm trong danh sách các điểm đến có tiềm năng phát triển để trở thành điểm du lịch Quốc Gia. Điều này là minh chứng, khẳng định về những giá trị đặc biệt ở tầm quốc gia của Núi Sam với lễ hội “Vía Bà Chúa Xứ” từ góc độ du lịch.

Với những tiềm năng phong phú về lợi thế phát triển du lịch, tỉnh An Giang xác định từng bước đưa ngành du lịch thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trên cơ sở tận dụng tiềm năng sẵn có kết hợp sự đầu tư đúng mức và sự hỗ trợ, quan tâm của nhà nước để tạo điều kiện tốt nhất cho ngành du lịch phát triển. Hằng năm, An Giang thu hút đông đảo lượng khách du lịch đến tham quan đặc biệt là KDL Núi Sam thành phố Châu Đốc gắn với Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ.

Trong thời gian qua hoạt động du lịch tại Châu Đốc nói riêng và An Giang nói chung luôn phát triển, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương với tư cách là trọng điểm của du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nếu như năm 2013, lượng khách du lịch đến khu du lịch đạt 4.069 triệu lượt, doanh thu từ phí tham quan đạt 14,84 tỷ đồng thì đến năm 2018, lượng khách du lịch đạt 6,908 triệu lượt, doanh thu từ phí tham quan đạt trên 31,72 tỷ đồng. Trong thực tế, thu nhập từ dịch vụ du lịch sẽ còn lớn hơn rất nhiều so với phí tham quan, vì vậy, đóng góp thực tế cho sự phát triển kinh tế của địa phương từ du lịch Châu Đốc là rất lớn.

Tuy nhiên, so với lợi thế về tiềm năng, thì mức độ khai thác, phát triển vẫn chưa tương xứng. Công tác quản lý còn nhiều bất cập, nội dung chương trình du lịch chưa phong phú, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chất lượng phục vụ chưa cao, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thấp và khả năng cạnh tranh

còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu, đánh giá cụ thể và có những định hướng và giải pháp hợp lý, nhằm phát triển bền vững KDL Núi Sam, nhằm đem lại hiệu quả cao, tương xứng với tiềm năng. Với mong muốn được đóng góp công sức của mình vào phát triển quê hương, tôi đã chọn đề tài: ***“Phát triển khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”***: giải pháp cho đề tài luận văn của mình hiệu quả nhất. Hy vọng kết quả từ đề tài nghiên cứu sẽ đóng góp cho việc phát triển du lịch của địa phương.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

### ***2.1. Mục tiêu nghiên cứu***

Vận dụng cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch ở các địa phương trong nước vào nghiên cứu phân tích đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tại khu du lịch Núi Sam trong những năm vừa qua. Qua đó, đề xuất những định hướng và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng phát triển khu du lịch Núi Sam theo hướng bền vững, đáp ứng nhu cầu thời kì hội nhập.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan đến phát triển du lịch và KDL.
- Phân tích, đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển khu du lịch Núi Sam trong những năm qua để tìm ra hướng phát triển, từ đó có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển du lịch có hiệu quả cao.
- Xây dựng định hướng và đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm đảm bảo cho phát triển KDL Núi Sam thành phố Châu Đốc trong tương lai.

## **3. Những nghiên cứu liên quan**

Từ những năm 2002 trở lại đây, ở nước ta, cùng với sự phát triển của các hoạt động du lịch, các công trình nghiên cứu về khu du lịch cũng được quan tâm. Số lượng các công trình này tuy chưa nhiều nhưng cũng làm sáng tỏ được nhiều vấn đề về cơ sở lý luận đến thực tiễn trong nghiên cứu phát triển khu du

lịch.

Tại Thành phố Châu Đốc với khu du lịch Núi Sam đầy tiềm năng phát triển, trong những năm gần đây được sự quan tâm của chính quyền địa phương và nhiều doanh nghiệp để đầu tư phát triển du lịch được thể hiện:

- Vào năm 2004, được sự chấp thuận của UBND tỉnh An Giang, công ty TNHH tư vấn & thiết kế TAD Architectura đã thiết lập quy hoạch chi tiết khu du lịch Văn hóa – Lịch sử Núi Sam làm điểm nhấn cho cả vùng du lịch Nam Bộ và hạ lưu sông Mê Công. Với ý tưởng quy hoạch phải đem lại lợi ích lâu dài, ổn định cho cư dân tại địa phương nên trong quy hoạch chi tiết TAD Architectura thể hiện: “Dựa vào núi, cấy vào dân, tin tưởng tương lai” để hoàn tất đồ án của mình. Đây là một dự án chiến lược dài cho việc phát triển vùng, với việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, trồng cây gây rừng, phủ hoang đồi trọc. Người dân địa phương không phải ly hương và chính họ được bố trí vào những khu dân cư tại chỗ đủ tiện nghi với công ăn việc làm ổn định trong khu du lịch.

- Các bài viết cho Hội thảo khoa học của bà Nguyễn Phi Phượng, 2016 (Trưởng phòng Nghiệp vụ du lịch thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và DL An Giang) về DL của Núi Sam – Châu Đốc đưa Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam Châu Đốc một lễ hội lớn cấp quốc gia.

- Tài liệu nghiên cứu về Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam của tác giả Trịnh Bửu Hoài, 2009 (nguyên CT. Hội Liên hiệp Văn học – Nghệ thuật tỉnh An Giang) nâng chất Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh: “Báo cáo tổng kết du lịch Núi Sam năm 2012” do bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Giám đốc Trung tâm giới thiệu việc làm TP Châu Đốc) làm chủ nhiệm đề tài: “Núi Sam - điểm du lịch tiêu biểu ĐBSCL”.

Tuy nhiên cho tới nay, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu cụ thể về thực trạng và định hướng phát triển cho KDL Núi Sam. Nhưng thông

qua những tiền đề đã nêu trên đã giúp cho tác giả nghiên cứu đề tài về khu du lịch Núi Sam một cách thuận lợi và đạt hiệu quả nhất.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Hệ thống, phân tích các điều kiện và các nhân tố tác động đến hoạt động trong ngành du lịch bao gồm các yếu tố tự nhiên, yếu tố nhân văn, hoặc có liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ cho du lịch như cơ sở lưu trú, dịch vụ vận chuyển, mua sắm, ẩm thực, dịch vụ vui chơi giải trí, ... trên địa bàn khu du lịch Núi Sam.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- **Không gian:** phạm vi không gian được giới hạn trên địa bàn KDL Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tuy nhiên đề tài cũng đề cập đến các tuyến, điểm du lịch liên quan trực tiếp đến phát triển du lịch của khu du lịch Núi Sam.

- **Về thời gian:** thời gian nghiên cứu về thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn KDL Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang từ 2013 đến 2018 và đề xuất giải pháp phát triển đến năm 2025.

- **Về nội dung:** tập trung chủ yếu vào phân tích, đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tại khu Núi Sam trong thời gian vừa qua và đề xuất những định hướng và giải pháp hợp lý nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, phát triển có hiệu quả KDL.

#### **5. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Các quan điểm nghiên cứu**

###### **5.1.1. Quan điểm hệ thống**

Khu du lịch là một tài sản môi trường nên tổng giá trị kinh tế của KDL về nguyên tắc có thể xem xét thông qua các thành phần giá trị. Trong đó giá trị giải trí là bộ phận cấu thành nên giá trị kinh tế của KDL. Đồng thời các hoạt



động du lịch sử dụng tổng hợp các yếu tố tự nhiên, tài nguyên du lịch, đặc điểm kinh tế - xã hội tùy theo từng loại hình du lịch và từng địa phương.

#### *5.1.2. Quan điểm lãnh thổ*

Hệ thống lãnh thổ du lịch là hệ thống xã hội được tạo thành bởi các thành tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử, con người có mối quan hệ qua lại, mật thiết gắn bó với nhau một cách hoàn chỉnh. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá các nguồn lực du lịch thường được nhìn nhận trong mối quan hệ về mặt không gian hay lãnh thổ nhất định để đạt được những giá trị đồng bộ về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

#### *5.1.3. Quan điểm lịch sử - viễn cảnh*

Bất cứ một đối tượng địa lí nào cũng có nguồn gốc phát sinh, quá trình tồn tại và phát triển. Các biến động đều xảy ra trong những điều kiện địa lí và xu hướng nhất định. Xu hướng phát triển của chúng là đi từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai. Với quan điểm lịch sử - viễn cảnh ta sẽ nhìn thấy được đối tượng trong quá khứ, liên hệ đến hiện tại và sau đó phát họa toàn cảnh bức tranh cho sự phát triển trong tương lai.

#### *5.1.4. Quan điểm môi trường - sinh thái*

Du lịch hiện nay đã thật sự trở thành một ngành kinh tế, mà hoạt động kinh tế rõ ràng phải tính đến lợi ích và chi phí. Những lợi ích thu về trong hoạt động du lịch không chỉ có ý nghĩa kinh tế và văn hoá mà còn phải tính đến lợi ích về môi trường. Do đó, phát triển KDL Núi Sam phải tính đến những thiệt hại về môi trường, các hệ sinh thái do tác động của hoạt động du lịch gây ra.

#### *5.1.5. Quan điểm phát triển bền vững*

Khai thác một KDL phải gắn liền với chiến lược phát triển bền vững của ngành và địa phương. Sử dụng các tài nguyên du lịch sao cho hợp lí nhất, có hiệu quả nhất nhưng vẫn đảm bảo phát triển hài hòa. Hiện nay, ở nhiều địa phương, tài nguyên phục vụ du lịch bị khai thác quá mức và môi trường bị ô

niêm đã ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển dài dài của ngành du lịch. Vì vậy, phát triển KDL Núi Sam cần phải có biện pháp tổ chức, quản lý chặt chẽ để ngăn ngừa những ảnh hưởng tiêu cực từ hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên và các di tích văn hóa – lịch sử.

## **5.2. Các phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tôi đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau làm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận văn kế thừa, bổ sung, vận dụng, tổng hợp các kết quả để đưa ra nhận định chung có liên quan đến việc phát triển du lịch.

### **5.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu**

Tài liệu là những hiện vật do con người tạo nên nhằm mục đích nào đó nhưng có tính chất truyền tin hoặc bảo lưu thông tin. Tài liệu trong điều tra xã hội học là vật chứa đựng thông tin bằng ngôn ngữ, chữ viết hiện vật. Phương pháp phân tích tài liệu là phương pháp thu thập thông tin thứ cấp của những tài liệu có sẵn. Phân tích tài liệu là xem xét các tài liệu có sẵn trong kho thông tin lưu trữ và các nguồn khác để nghiên cứu về đề tài cần thiết, không phải làm các cuộc phỏng vấn đề điều tra. Điều cốt lõi trong phương pháp này là cần sưu tầm được đúng và đầy đủ các tài liệu cần thiết cho nội dung nghiên cứu. Trước đây, công việc này rất khó khăn và mất rất nhiều thời gian nhưng hiện nay với sự trợ giúp đắc lực của mạng internet, thư viện trường và thư viện khoa xã hội học lượng tài liệu được tìm kiếm cần thiết được tìm kiếm khá dễ dàng. Nhưng điểm khó khăn mới là phải chọn lọc từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau và đặc biệt là từ những nguồn tư liệu không chính thống.

Đây là phương pháp được dùng rất phổ biến vì không tốn nhiều chi phí và công sức điều tra thực tế mà vẫn có được lượng thông tin cần thiết cho nghiên cứu. Với nghiên cứu của mình, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích định tính: để tìm ra những nội dung tư tưởng cơ bản của tài liệu, tìm

ra những vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu và xác định xem những vấn đề gì được giải quyết và những vấn đề gì chưa được giải quyết. Thu thập các đầu sách, xử lý số liệu và kết quả sẵn có ở các nghiên cứu trước về các vấn đề của Du lịch gặp phải hiện nay nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu, tham khảo vận dụng số liệu của một số báo cáo thống kê, báo cáo tổng kết, khảo sát của cơ quan nhà nước về thực trạng Du lịch, các dự án nghiên cứu khác có liên quan; các văn bản pháp lý hiện hành của nhà nước về xây dựng các công trình công cộng cho phát triển Du lịch, nhằm thu thập và phân tích những nội dung có liên quan đến nghiên cứu. Kết quả của công việc này vừa là minh chứng đúng đắn, thực tế của các nghiên cứu trước, mặt khác cung cấp cho cá nhân chúng tôi những kiến thức và kinh nghiệm để xây dựng báo cáo nghiên cứu của mình.

### ***5.2.2. Phương pháp thống kê***

Đây là phương pháp không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ chặt chẽ với mặt chất của các hiện tượng và quá trình, đối chiếu biến động, phát triển trong hoạt động du lịch. Phương pháp này áp dụng để thống kê các tài nguyên du lịch quan trọng và phụ trợ, thống kê hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, thống kê đánh giá lượng khách, đánh giá tỷ lệ doanh thu, tỷ trọng và mức tăng trưởng du lịch nói chung để đưa ra bức tranh chung về hiện trạng phát triển du lịch.

### ***5.2.3. Phương pháp dự báo***

Đề tài nghiên cứu có nhiệm vụ rất quan trọng là xác lập cơ sở khoa học để tổ chức phát triển có hiệu quả cao du lịch của khu Núi Sam. Vì vậy, phương pháp dự báo có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu, tổ chức hướng khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch một cách hiệu quả. Cần dự báo các yếu tố tác động trực tiếp, gián tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển DL là nguồn khách, cơ cấu khách và thị trường khai thác khách, khả năng đầu tư, tôn tạo, nâng cấp

các điểm du lịch bổ trợ, sự phát triển cơ sở hạ tầng, mức tăng trưởng và phát triển của ngành DL.

#### **5.2.4. Phương pháp sơ đồ, bản đồ**

Đây là phương pháp cần thiết trong quá trình nghiên cứu bất kỳ có liên quan đến quy hoạch tổ chức lãnh thổ nào. Bản đồ được sử dụng chủ yếu theo hướng chuyên ngành để phân tích đánh giá tiềm năng phát triển du lịch và điều kiện có liên quan trên địa bàn Khu du lịch Núi Sam nói riêng và thành phố Châu Đốc và tỉnh An Giang nói chung. Ngoài mục đích thể hiện tổ chức lãnh thổ du lịch, phương pháp này còn giúp cho các nhận định đánh giá sự phân bố những sản phẩm du lịch chính trong lãnh thổ nghiên cứu.

### **6. Đóng góp của đề tài**

- Tổng quan có chọn lọc được cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ cho đề tài và vận dụng chúng vào việc nghiên cứu sự phát triển của KDL Núi Sam.
- Tổng kết kinh nghiệm của một số khu du lịch trong nước.
- Phân tích, đánh giá toàn diện, sâu sắc tiềm năng và thực trạng phát triển khu du lịch Núi Sam trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018. Từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế để đề xuất các giải pháp phát triển đến năm 2025.
- Đề xuất được các định hướng và một số giải pháp phát triển du lịch phù hợp với những điều kiện tại Khu du lịch Núi Sam TP.Châu Đốc.

### **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung luận văn bao gồm 3 chương:

- Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch.
- Chương 2. Thực trạng phát triển khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc giai đoạn 2013-2018.
- Chương 3. Những định hướng và giải pháp phát triển Khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc đến năm 2025.

# Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1.1. Cơ sở lý luận về du lịch

### 1.1.1. Khái niệm về du lịch và khu du lịch

#### \* Du lịch:

Du lịch xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử loài người. Mỗi thời đại, quan niệm về du lịch khác nhau, buổi ban đầu thường đi kèm với hoạt động truyền giáo, buôn bán hoặc thám hiểm các vùng đất mới. Việc cung ứng các dịch vụ cho du khách để thu lợi nhuận với mục tiêu ưu tiên hàng đầu là thương mại hoá các sản phẩm du lịch. Từ đó xuất hiện hình thức du lịch đầu tiên và tồn tại cho đến ngày nay.

Thuật ngữ du lịch ngày nay được sử dụng phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên có rất nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của nó.

Năm 1811, định nghĩa du lịch xuất hiện lần đầu tiên ở Anh: *“du lịch là sự phối hợp nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực hành của các cuộc hành trình với mục đích giải trí”*.

Năm 1925, Hiệp hội quốc tế các tổ chức du lịch được thành lập tại Hà Lan, đánh dấu bước ngoặt trong việc thay đổi, phát triển các khái niệm về du lịch. Đầu tiên, du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong khoảng thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi, giải trí hay chữa bệnh.

Tháng 6-2005, Tổng cục du lịch Việt Nam ban hành luật du lịch (có hiệu lực từ 01/01/2006) và đưa ra khái niệm: *“du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định”*.

**\* Khu du lịch:**

Là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên du lịch tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

Khu du lịch được định nghĩa tại [Khoản 6 Điều 3 Luật Du lịch 2017](#) với nội dung như sau: *Khu du lịch là khu vực có ưu thế về tài nguyên du lịch, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Khu du lịch bao gồm khu du lịch cấp tỉnh và khu du lịch quốc gia.*

*Bên cạnh đó tại Điều này còn có định nghĩa về tài nguyên du lịch như sau: Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.*

**\* Đặc điểm khu DL:**

- *Khu du lịch cấp địa phương:*

- + Có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch.
- + Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của địa phương, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách du lịch một năm.

- *Khu du lịch cấp quốc gia:*

- + Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút lượng khách du lịch cao.
- + Có cơ sở dịch vụ du lịch phù hợp với cảnh quan, môi trường của khu du lịch khu du lịch.
- + Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một triệu lượt khách du lịch một năm, trong đó có cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của KDL.

**Bảng 1.1. Một số khu du lịch cấp quốc gia của Việt Nam 2018**

Stt	Tên khu du lịch	Tỉnh - Thành phố
1	Khu du lịch văn hóa <a href="#">Hương Sơn</a>	Hà Nội
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng <a href="#">Sa Pa</a>	Lào cai
3	<a href="#">Khu di tích lịch sử Kim Liên</a>	Nghệ An
4	Khu du lịch <a href="#">Tam Cốc - Bích Động</a>	Ninh Bình
5	Khu du lịch <a href="#">Phong Nha - Kẻ Bàng</a>	Quảng Bình
6	Khu du lịch sinh thái - lịch sử <a href="#">Côn Đảo</a>	Bà Rịa - Vũng Tàu
7	Khu du lịch sinh thái biển đảo <a href="#">Phú Quốc</a>	Kiên Giang

“Nguồn: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>”

### **1.1.2. Một số loại hình du lịch**

#### **\* Du lịch tâm linh**

**Quan niệm về du lịch tâm linh:** Du lịch tâm linh trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có những quan niệm khác nhau và đến nay vẫn chưa có một khái niệm chung nhất. Tuy nhiên, xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác. Theo đó, du lịch tâm linh mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch.

#### **Đặc điểm du lịch tâm linh ở Việt Nam:**

- Du lịch tâm linh gắn với tôn giáo và đức tin, trong đó Phật giáo có số lượng lớn nhất (chiếm tới 89%) cùng tồn tại với các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Cao đài, Hòa Hảo..

- Du lịch tâm linh gắn với tín ngưỡng thờ cúng, tri ân những vị anh hùng dân tộc, những vị tiền bối có công với nước, dân tộc trở thành du lịch về cội

nguồn dân tộc với đạo lí uống nước nhớ nguồn.

- Du lịch tâm linh gắn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, dòng tộc, tri ân báo hiếu đối với bậc sinh thành.

- Du lịch tâm linh gắn với những hoạt động thể thao tinh thần như thiền, Yoga hướng tới sự cân bằng, thanh tao, siêu thoát trong đời sống tinh thần, đặc trưng và tiêu biểu ở Việt Nam mà không nơi nào có đó là Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử.

- Ngoài ra, du lịch tâm linh ở Việt Nam còn có những hoạt động gắn với yếu tố linh thiêng và những điều huyền bí.

**Bảng 1.2.** Một số điểm du lịch tâm linh của Việt Nam 2018

Số thứ tự	Tên điểm du lịch tâm linh	Tỉnh - Thành phố
1	Chùa Hương	Hà Nội
2	Chùa Bái Đính	Ninh Bình
3	Yên Tử	Quảng Ninh
4	Chùa Thiên Mụ	Huế
5	Núi Bà Đen + Tòa Thánh Cao Đài	Tây Ninh
6	Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam	An Giang

“Nguồn: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>”

### \* Du lịch sinh thái

Trong luật du lịch năm 2005, có một định nghĩa khá ngắn gọn “*Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững*”.

Bản chất của du lịch sinh thái:

+ Là một hình thức du lịch tự nhiên mang tính khai sáng, góp phần bảo tồn hệ sinh thái mà vẫn tôn trọng sự hoà nhập của các cộng đồng địa phương.

+ Là một lĩnh vực đặc biệt của du lịch nói chung có đặc trưng là qua những chuyến đi, du khách được tiếp xúc với thiên nhiên bằng phương tiện



quan sát đơn giản hay những nghiên cứu có tính hệ thống.

**\* Du lịch văn hóa**

- Là loại hình du lịch mà du khách muốn được cảm nhận bề dày văn hóa của một nước, một vùng thông qua các di tích lịch sử, văn hóa, những phong tục tập quán, lễ hội còn hiện diện.

- Du lịch văn hóa còn được hiểu:

+ Là tổng của cái vật chất và của cái tinh thần có liên quan đến du lịch.

+ Là kết quả tác động lẫn nhau giữa chủ thể du lịch (du khách), khách thể du lịch (tài nguyên du lịch) với môi giới du lịch (ngành du lịch).

+ Một loại hình thái văn hóa của đời sống du lịch.

+ Một loại hình thái văn hóa đặc thù, lấy văn hóa giá trị nội tại của văn hóa chung làm chỗ dựa, lấy các yếu tố du lịch làm công tác du lịch tích lũy và sáng tạo ra trong hoạt động du lịch.

**\* Du lịch nghiên cứu – học tập**

- Du lịch nghiên cứu - học tập là loại hình du lịch kết hợp với học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết thực tế về địa lí, địa chất, lịch sử, khảo cổ, môi trường, sinh học, khoa học, du lịch... cho khách du lịch.

- Đặc điểm cơ bản:

+ *Khách du lịch*: chủ yếu là các nhà khoa học, học sinh, sinh viên có nhu cầu tìm hiểu thực tế, phục vụ nghiên cứu khoa học.

+ *Cơ sở hạ tầng*: các nhà cung ứng dịch vụ thường xây dựng những phòng học ngoài trời được thiết kế phù hợp với từng nội dung học tập. Các điểm đến du lịch có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc tìm hiểu, quan sát, phân tích, nghiên cứu....

+ *Thời gian lưu trú*: tùy vào đối tượng, mục đích nghiên cứu, học tập mà thời gian lưu trú có thể là ngắn ngày hay dài ngày. Đa số học sinh, sinh viên tham gia du lịch thường lưu trú trong thời gian ngắn để tìm hiểu thực tế, làm

báo cáo môn học... Còn các nhà khoa học thường có thời gian lưu trú dài ngày để làm các công trình nghiên cứu khoa học.

- *Hướng dẫn viên du lịch*: đa số hướng dẫn viên du lịch là các thầy cô giáo phụ trách chuyên môn, các chuyên gia hoặc người dân địa phương, hướng dẫn viên có kiến thức sâu rộng về điểm đến du lịch.

- *Điểm đến du lịch*: thường là các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, viện hải dương học, các khu di tích lịch sử, các bảo tàng, công trình kiến trúc, các khu giải trí ....

#### **\* Du lịch MICE**

- MICE là cụm từ viết tắt theo các chữ cái đầu tiếng Anh của các từ: Meeting (gặp gỡ, hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention/ Conference (hội nghị/ hội thảo) và Exhibition/ Event (triển lãm, sự kiện). Như vậy, MICE tour là sự kết hợp của Meeting tour, Incentive tour, Convention tour và Exhibiton tour, hay nói cách khác, MICE tour là một loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội họp, khen thưởng, triển lãm, sự kiện được kinh doanh bởi các công ty, các doanh nghiệp du lịch có tiếng tăm, uy tín và năng lực chuyên môn cao cũng như bởi các tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị có chức năng và thẩm quyền.

- Đặc trưng của du lịch MICE là loại hình du lịch có sự kết hợp với một hoặc nhiều hoạt động hội nghị, hội thảo, gặp gỡ, khen thưởng, triển lãm, sự kiện nổi bật ở một vùng, một quốc gia nhất định. Cũng như các loại hình du lịch khác, du lịch MICE có những đặc trưng riêng của mình.

#### **\* Du lịch trọn gói**

- Du lịch trọn gói là loại hình du lịch mà du khách muốn tham gia vào một tuyến du lịch với một số tiền nhất định, trong đó bao gồm tất cả các loại dịch vụ mà công ty lữ hành liên kết với các đơn vị kinh doanh khác nhau nhằm cung cấp cho du khách như lưu trú, vận chuyển, ăn uống, hướng dẫn, bảo

hiếm, tham quan... trong toàn bộ chuyến đi.

- Đặc điểm cơ bản:

+ Bao gồm hầu hết các thành phần dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, hướng dẫn và các dịch vụ khác đã được sắp đặt trước ở mức độ tối đa.

+ Giá trọn gói của tất cả các dịch vụ, chi phí thường thấp hơn so với dịch vụ cùng loại của các chương trình du lịch khác. Giá tính theo đầu khách ở buồng đôi, giá theo thời vụ du lịch.

+ Khách mua chương trình được tổ chức thành đoàn và hướng dẫn viên chuyên nghiệp được doanh nghiệp lựa chọn đi cùng khách và phục vụ suốt từ khi đón khách cho đến khi tiễn khách.

### ***1.1.3. Sản phẩm du lịch***

#### **\* Khái niệm về sản phẩm du lịch:**

Việc nghiên cứu vấn đề đa dạng hóa sản phẩm du lịch trước hết chúng ta cần làm rõ khái niệm. Sản phẩm du lịch là tổng thể những yếu tố có thể trông thấy hoặc không trông thấy được, làm thỏa mãn nhu cầu cho du khách trong hoạt động du lịch.

Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa (2006) đưa ra khái niệm “*Sản phẩm du lịch là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho khách hàng, được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực: cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động tại một cơ sở, một vùng hay một quốc gia nào đó*”.

Những tài nguyên thiên nhiên (bãi biển, núi rừng, sông suối, khí hậu, không gian thiên nhiên...) cũng như các cơ sở vật chất (khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí...) bản thân chúng không phải là SPDL, nhưng chúng lại trở thành SPDL khi mà các sản phẩm đó được sử dụng phục vụ cho nhu cầu của du khách. Thông thường người ta phân biệt ba mức độ trong khái niệm của

một sản phẩm du lịch:

- **Sản phẩm du lịch chính:** SPDL chính trả lời cho câu hỏi du khách thực sự muốn gì, sản phẩm chính không phải là xác định theo thành phần chính của sản phẩm mà là dựa vào nhu cầu cần thỏa mãn chính của du khách hoặc là phần lợi ích của sản phẩm này khác với các sản phẩm cạnh tranh khác.

- **Sản phẩm du lịch hình thức:** Tương ứng với sản phẩm mà nó có mặt lúc mua hoặc chọn lựa. Nó là sản phẩm cốt yếu được cụ thể hóa bằng những yếu tố hoặc những dịch vụ rõ ràng như khách sạn, nhà hàng, trang thiết bị. Nó không còn là một sản phẩm ở trong khái niệm mà là một thành phẩm được thương mại hóa và được du khách tiêu thụ. Chẳng hạn, nếu sản phẩm cốt yếu là một sân golf thì sản phẩm hình thức là toàn bộ khách sạn và dịch vụ thương mại phục vụ cho chơi golf cũng như những đặc tính kỹ thuật liên quan đến chơi golf.

- **Sản phẩm du lịch mở rộng:** Là toàn bộ những yếu tố liên quan đến du khách, là tổng thể các yếu tố nhìn thấy cũng như không nhìn thấy được cung cấp cho du khách. Sản phẩm du lịch mở rộng đó là hình ảnh hay đặc tính của sản phẩm mà du khách cảm nhận được. Hình ảnh đó bao gồm những yếu tố vật lý như kiến trúc, cảnh quan, màu sắc... và những yếu tố tâm lý như bầu không khí, lối sống, sự sang trọng, đẳng cấp xã hội...

#### **\* Những đặc tính của sản phẩm du lịch**

##### ***Tính nhìn thấy được và không nhìn thấy được***

- SPDL bao gồm một tập hợp các yếu tố nhìn thấy được chủ yếu là:

+ Tài nguyên thiên nhiên như: khí hậu, cảnh quan, núi rừng, sông suối, hồ, thác... Mỗi một địa phương đều có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, điều này góp phần tạo nên nét đặc thù độc đáo cho các SPDL.

+ Cơ sở vật chất cơ bản như: khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí. Đây là những cơ sở vật chất mà du khách sử dụng trong thời gian đi du lịch của

minh.

+ Những sản phẩm liên quan: phương tiện vận chuyển, các đặc sản, hàng lưu niệm...

- Các yếu tố không nhìn thấy được chia làm hai loại:

+ *Các dịch vụ du lịch*: dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ hướng dẫn, dịch vụ mua sắm... Các dịch vụ này rất quan trọng trong quá trình đa dạng hóa các SPDL. Để có được dịch vụ du lịch tốt trước hết phải có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

+ *Những yếu tố tâm lý như*: sự sang trọng, đẳng cấp xã hội, bầu không khí, tiện nghi, nếp sống thanh lịch... Khi đời sống xã hội ngày càng cao, du khách rất chú trọng đến những nhu cầu này.

### ***Tính đa dạng của các thành viên tham dự***

Thông thường các SPDL có nhiều yếu tố cấu thành như: hạ tầng cơ sở vật chất, các loại dịch vụ... Chính sự đa dạng này đôi khi là một trở ngại cho việc phối hợp và hoàn chỉnh giữa các bộ phận khác nhau, thậm chí gây tổn thất cho SPDL. Phần nhiều, SPDL không thu tóm hết cả chiều dọc lẫn chiều ngang vào một tổ chức duy nhất mà phần lớn là kết quả của sự chấp thuận giữa những thành viên liên quan mà quyền lợi đôi khi khác nhau, thậm chí còn có tính tranh chấp. *Những tính đặc thù của sản phẩm du lịch*

Sản phẩm du lịch là một dịch vụ đặc biệt, là những sản phẩm dịch vụ mà bản thân chúng không hề bị tiêu hủy sau khi du khách sử dụng. Tính đặc biệt của sản phẩm du lịch được thể hiện ở một số đặc điểm sau:

- Sự tham gia của du khách là cần thiết để thực hiện dịch vụ du lịch đòi hỏi phải có du khách để tồn tại.

- SPDL không thể để tồn kho. Bởi vì, một phòng của khách sạn, một chỗ ngồi trên máy bay không bán được thì không thể cất giữ vào kho.

- Tính không co giãn của cung so với cầu làm cho người ta không thể tăng

cung của sản phẩm du lịch trong ngắn hạn.

- Sản phẩm du lịch không phải là một loại sản phẩm có thể di chuyển về các thị trường tiêu thụ, mà trái lại các thị trường phải di chuyển về hướng sản phẩm du lịch. Chính vì vậy công tác tuyên truyền và quảng bá các sản phẩm du lịch vô cùng quan trọng.

### **\* Những yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch**

*Những yếu tố cấu thành cơ bản:* Cũng như tất cả những sản phẩm khác, sản phẩm du lịch gồm nhiều yếu tố kết hợp với nhau để đáp ứng cho thị trường mục tiêu, thỏa mãn tối đa nhu cầu của du khách. SPDL bao gồm những yếu tố cơ bản như sau:

- Tài nguyên thiên nhiên: khí hậu, cảnh đẹp thiên nhiên, núi rừng, bãi biển, sông suối...

- Tài nguyên nhân văn: các di sản văn hóa, di tích lịch sử, phong tục tập quán, các lễ hội, công trình kiến trúc lịch sử, công trình kiến trúc tôn giáo...

- Các cơ sở vật chất phục vụ ngành du lịch: khách sạn, nhà hàng, công viên, khu vui chơi giải trí...

- Hệ thống phương tiện giao thông phục vụ du lịch: máy bay, tàu lửa, ô tô, xe bus, taxi, tàu thủy, thuyền...

- Các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: hệ thống giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, y tế...

- Môi trường kinh tế và xã hội: giá cả liên quan đến hoạt động du lịch, an toàn xã hội, trình độ dân trí, văn minh đô thị...

### ***Môi trường kế cận***

Những yếu tố thiên nhiên là nguồn để tạo nên SPDL, đòi hỏi chúng phải được bao bọc bởi những vùng đệm chung quanh thật lôi cuốn, có như vậy mới tạo nên những SPDL đa dạng, giá trị và bền vững. Đây sẽ là nơi mở rộng thêm các loại hình du lịch khác phục vụ nhu cầu tiềm ẩn của du khách.

### ***Dân cư địa phương***

Du lịch tạo điều kiện cho du khách tiếp xúc với dân cư địa phương. Thông thường du khách và dân địa phương có những lối sống và văn hóa khác nhau.

Mối quan hệ giữa họ có thể làm phát sinh mâu thuẫn. Cho nên, thái độ của dân địa phương ảnh hưởng lớn đến sự cảm nhận của du khách đối với SPDL. Phần lớn, du lịch gồm những yếu tố kích thích tâm hồn và cảm xúc. Đây là vấn đề không nên coi nhẹ trong quá trình đa dạng hóa SPDL.

### ***Các dịch vụ công cộng phục vụ du lịch***

Những yếu tố cơ bản của SPDL thường khó thay đổi, trong khi đó dịch vụ công cộng lại có thể dễ dàng thay đổi và chính các yếu tố đó đã góp phần to lớn nâng cao chất lượng SPDL, gia tăng độ thỏa dụng cho du khách. Việc xây dựng một trung tâm hội nghị trong thành phố, một khu vui chơi giải trí, một khu thể thao, một công viên, trồng nhiều cây xanh trong thành phố... là những nhân tố làm thay đổi SPDL của một thành phố hoặc một điểm DL.

### ***Cơ sở lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ thương mại***

Du khách là những người ra khỏi nhà ở của mình trong một thời gian nhất định, tạm thời rời bỏ công việc bận rộn của mình tìm đến một nơi để nghỉ ngơi, thư giãn. Có những cảnh quan thiên nhiên tuyệt vời, có khí hậu trong lành, mát mẻ bên cạnh là các khách sạn, nhà hàng sang trọng, ẩm cúng, chắc chắn sẽ tạo ra các SPDL có giá trị cho du khách.

### ***Kết cấu hạ tầng giao thông***

Du lịch hàm ý một sự di chuyển của du khách ra khỏi nhà để đến chỗ lưu trú. Cho nên, các phương tiện giao thông, đường sá, sân bay, bến cảng... là những yếu tố vô cùng quan trọng để việc di chuyển đó có thể diễn ra trong những điều kiện tốt nhất (ít mệt, ít tốn thời gian) và chi phí thấp nhất. Những phương tiện đi lại trong trung tâm thành phố như xe bus, taxi, xích lô... và các điều kiện đi lại khác, là những vấn đề không thể coi thường bên trong sản

phẩm du lịch.

#### ***1.1.4. Tổ chức lãnh thổ du lịch***

##### **\* Khái niệm tổ chức lãnh thổ du lịch**

Trong việc nghiên cứu du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch (TCLTDL) là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu, bởi vì không thể tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động du lịch nếu không xem xét khía cạnh không gian lãnh thổ của nó. Để hoạt động du lịch phát triển có hiệu quả, không những mang tính chất nghỉ ngơi, chữa bệnh, ... mà còn là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước trên thế giới, thì TCLTDL phải được tổ chức một cách hợp lý khoa học. Vì TCLTDL chính là sự phân hoá không gian của du lịch căn cứ trên các điều kiện tài nguyên du lịch, hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động ngành cùng các mối liên hệ với điều kiện phát sinh của ngành với các ngành khác, với các địa phương khác và rộng hơn là mối liên hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới (I.I.Pirôgiôníc, 1985).

Cũng như tổ chức lãnh thổ công nghiệp, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, TCLTDL cũng là một hình thức tổ chức nền sản xuất xã hội theo lãnh thổ. Vì vậy, TCLTDL cũng phải giải quyết hai nhiệm vụ chính là kinh tế và xã hội.

Như vậy, hiểu một cách đơn giản nhất thì: *“Tổ chức lãnh thổ du lịch là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch và các cơ sở phục vụ có liên quan dựa trên việc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên du lịch (tự nhiên và nhân văn), kết cấu hạ tầng và nhân tố khác nhằm đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường”*.

##### **\* Các hình thức thể hiện chủ yếu của tổ chức lãnh thổ du lịch**

Là một dạng của tổ chức lãnh thổ xã hội, TCLTDL mang tính chất lịch sử. Cùng với sự phát triển của xã hội, trước hết của sức sản xuất xã hội, đã dần dần xuất hiện các hình thức TCLTDL. Có 3 hình thức chủ yếu: hệ thống lãnh thổ du lịch, thể tổng hợp lãnh thổ du lịch, vùng du lịch. Mỗi hình thức có quá trình



hình thành và phát triển, có các đặc trưng riêng, nhưng giữa các hình thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong TCLTDL thì phân công du lịch có ý nghĩa hết sức quan trọng với hệ thống phân vị của nó.

**\* Vai trò của tổ chức lãnh thổ du lịch trong việc phát triển du lịch**

*- Việc nghiên cứu TCLTDL và xây dựng được các hình thức tổ chức theo không gian hợp lý giúp cho hoạt động du lịch có cơ sở sử dụng hợp lý và có hiệu quả, các nguồn lực (nhất là tài nguyên du lịch) của cả nước cũng như từng địa phương.*

Các hình thức lãnh thổ có mối liên hệ chặt chẽ nhau. Sự phát triển của nền kinh tế xã hội làm hình thành các hình thức mới về TCLTDL phù hợp với nền sản xuất xã hội đó. Việc nhận thức đúng đắn và hình thành kịp thời các tổ chức lãnh thổ phù hợp chính là chìa khoá để sử dụng hợp lý hơn, hiệu quả hơn tài nguyên du lịch.

Như chúng ta đã biết, tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hoá của vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch bao trùm trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn. Trong chừng mực nhất định có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển du lịch. Vì vậy, khi xây dựng các hình thức TCLTDL nói chung và các tuyến, điểm du lịch nói riêng cần nghiên cứu và đánh giá kỹ nguồn tài nguyên du lịch.

*- Việc nghiên cứu TCLTDL tạo điều kiện đẩy mạnh chuyên môn hoá DL.*

Chuyên môn hoá có tính chất đặc biệt. Đây là một hiện tượng khách quan gắn liền với các nguồn lực (trước hết là tài nguyên du lịch), với sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các quy luật khách quan khác trong các hình thái kinh tế xã hội khác nhau, liên quan mật thiết đến trình độ phát triển của sức sản xuất.

Khi nền sản xuất xã hội phát triển, nhu cầu trong du lịch ngày càng cao thì

sự chuyên môn hoá du lịch ngày càng sâu sắc. Thực tế du lịch ở nhiều nước đã cho thấy có 4 hướng chuyên môn hoá trong du lịch:

- + Chuyên môn hoá theo loại hình dịch vụ
- + Chuyên môn hoá theo loại hình du lịch
- + Chuyên môn hoá theo giai đoạn của quá trình du lịch
- + Chuyên môn hoá theo các công đoạn sản xuất dịch vụ du lịch

Cả 4 hướng chuyên môn hoá trong du lịch diễn ra ở những quy mô khác nhau phụ thuộc vào tốc độ và quy mô phát triển du lịch ở từng vùng trong cả nước. Chuyên môn hoá du lịch được tiến hành trong nội bộ một doanh nghiệp hoặc trong một hệ thống các loại hình dịch vụ, trong toàn ngành du lịch và theo lãnh thổ.

- *Việc nghiên cứu TCLTDL nói chung và vạch ra các tuyến, điểm du lịch trên một lãnh thổ nói riêng góp phần quan trọng tạo ra những SPDL đặc sắc có khả năng thu hút khách du lịch.*

Sản phẩm du lịch là một trong những yếu tố quyết định đối với việc thu hút khách du lịch. Những sản phẩm càng độc đáo, chất lượng càng cao, sự lôi cuốn khách du lịch càng mạnh. Nhưng việc hình thành các sản phẩm du lịch phụ thuộc nhiều vào nguồn tài nguyên du lịch và việc biến những tiềm năng đó thành hiện thực. Tài nguyên sẽ vẫn mãi ở dạng tiềm năng nếu không có sự tổ chức khai thác của con người phục vụ cho du lịch. Chính việc TCLTDL và xây dựng các tuyến điểm du lịch là một trong những biện pháp hàng đầu tạo ra và khai thác có hiệu quả các sản phẩm du lịch độc đáo.

#### ***1.1.5. Tài nguyên du lịch***

##### **\* Khái niệm**

Theo Pirojnik (1985): *Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên, văn hóa – lịch sử và những thành phần của chúng giúp cho việc phục hồi và phát triển thể lực, khả năng lao động và sức khỏe của con người mà chúng được sử dụng*

*trực tiếp hoặc gián tiếp để tạo ra dịch vụ du lịch gắn với nhu cầu ở thời điểm hiện tại hay tương lai và trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật cho phép.*

Theo Nguyễn Minh Tuệ (2011): “*Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên, văn hóa – lịch sử cùng các thành phần của chúng có sự hấp dẫn với du khách, đã, đang và sẽ được khai thác, cũng như bảo vệ nhằm đáp ứng nhu cầu của du lịch một cách hiệu quả và bền vững*”.

**\* Đặc điểm tài nguyên du lịch**

- Tài nguyên du lịch là đối tượng khai thác của nhiều ngành KT-XH.
- Tài nguyên du lịch có phạm trù lịch sử.
- Tài nguyên du lịch mang tính biến đổi.

Hiệu quả và mức độ khai thác tài nguyên du lịch phụ thuộc vào một số yếu tố.

- Tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, có các giá trị thẩm mỹ, văn hóa, lịch sử, tâm linh, giải trí có sức hấp dẫn với du khách.

- Tài nguyên du lịch bao gồm các loại tài nguyên vật thể và tài nguyên phi vật thể.

- Tài nguyên du lịch là những loại tài nguyên có thể tái tạo.

- Tài nguyên du lịch có tính sở hữu chung.

- Việc khai thác tài nguyên du lịch gắn chặt với vị trí địa lí.

- Tài nguyên du lịch thường có tính thời vụ và việc khai thác tài nguyên du lịch mang tính mùa vụ.

- Tài nguyên du lịch mang tính diễn giải và cảm nhận.

***1.1.6. Phân loại tài nguyên du lịch***

Theo luật du lịch Việt Nam (2005), tài nguyên du lịch được chia thành 2 nhóm cơ bản: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

**\* Tài nguyên DL tự nhiên**

Theo luật du lịch Việt Nam (2005), tại điều 13, chương 2 quy định: “*Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch*”.

**- Địa chất – địa hình – địa mạo:**

Các quá trình địa chất là nguyên nhân tạo ra bề mặt địa hình, việc nghiên cứu chúng có thể phát hiện ra những giá trị để hấp dẫn du khách, là cơ sở quan trọng để phát triển du lịch địa phương và quốc gia.

Địa hình có vai trò hết sức quan trọng đối với du lịch. Bề mặt địa hình là nơi diễn ra các hoạt động của du khách, đồng thời cũng là nơi xây dựng các công trình thuộc cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch. Đặc trưng hình thái và chất lượng hình thái có thể thuận lợi hoặc gây khó khăn cho hoạt động du lịch. Ở những vùng có độ dốc lớn cũng như mức độ chia cắt ngang và chia cắt sâu mạnh gây trở ngại cho giao thông và xây dựng các công trình du lịch. Ngược lại, ngoài những thuận lợi cho việc xây dựng các công trình du lịch thì việc đi lại của du khách cũng dễ dàng và sức chứa của lãnh thổ cũng lớn hơn.

**- Khí hậu:**

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên có tác động với hoạt động du lịch. Điều này được thể hiện ở khả năng thu hút khách thông qua đặc điểm khí hậu sinh học, ở những nơi có khí hậu điều hòa thường được rất nhiều du khách ưa thích, ngược lại ở những vùng có khí hậu khắc nghiệt hơn như quá lạnh hoặc quá khô thì không thích hợp cho sự phát triển du lịch.

**- Tài nguyên nước:**

Nước được coi là một tài nguyên quan trọng, tạo điều kiện để phát triển du lịch nói chung. Tài nguyên nước bao gồm nước trên lục địa và nước biển, đại dương. Nhiều loại hình du lịch được triển khai dựa trên đặc điểm của từng

nguồn nước. Chẳng hạn, nước khoáng phục vụ cho chữa bệnh, những dòng sông thơ mộng thuận lợi cho du lịch du ngoạn trên sông, vùng núi có các thác nước để phát triển du lịch mạo hiểm...

**- Tài nguyên sinh vật:**

Tài nguyên sinh vật bao gồm toàn bộ các loài động, thực vật sống trên lục địa và dưới nước vốn có sẵn trong tự nhiên và do con người thuần dưỡng, chăm sóc, tôn tạo.

Tài nguyên sinh vật vừa góp phần cùng với các loại tài nguyên khác tạo nên phong cảnh đẹp, hấp dẫn, vừa có ý nghĩa bảo vệ môi trường, thảm thực vật còn cung cấp mùn cho đất.

Tài nguyên sinh vật cung cấp nhiều loại dược liệu cho việc phát triển các loại hình du lịch chữa bệnh và an dưỡng, cung cấp nguồn thực phẩm cho khách. Vì vậy, tài nguyên sinh vật có ý nghĩa cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, đi bộ, leo núi ...

**\* Tài nguyên du lịch nhân văn**

Theo luật du lịch Việt Nam (2005) quy định tại điều 13, chương 2: “*Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch*” [6].

**- Các di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa:**

Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử - văn hóa được xem là những tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng nhất. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng các hoạt động du lịch. Qua các thời đại, di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa đã chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hóa, tôn giáo và xã hội loài người.

### **- Lễ hội:**

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu giúp cho người tham dự có điều kiện tiếp xúc với những bí ẩn vừa mơ, vừa thực. Lễ hội có sự lôi cuốn đông đảo người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách.

Các lễ hội thường bao gồm 2 phần là nghi lễ và phần hội: Phần nghi lễ là phần mở đầu cho các lễ hội với những nghi thức nghiêm trang, trọng thể. Phần hội diễn ra những hoạt động tiêu biểu, điển hình cho tâm lí và văn hóa cộng đồng, chứa đựng những quan niệm của một dân tộc về thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên.

### **- Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học:**

Mỗi một dân tộc có điều kiện sinh sống, đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang sắc thái riêng của các dân tộc trên địa bàn cư trú của mình.

Mỗi dân tộc trên thế giới có tập tục riêng về cư trú, về tổ chức xã hội, về sinh hoạt, trang phục và ẩm thực, về ca múa nhạc... Tất cả những điều kiện đó đã làm nên nét văn hóa độc đáo, có sức hấp dẫn khách du lịch rất lớn.

### **- Làng nghề thủ công truyền thống:**

Nghề thủ công truyền thống cũng là loại tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Đây chính là những đặc tính riêng của nền văn hóa và là sức hấp dẫn của các làng nghề truyền thống đối với khách du lịch.

### **- Các đối tượng văn hóa, thể thao và hoạt động nhận thức khác:**

Những đối tượng văn hóa như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện, các bảo tàng, ... đều có sức thu hút khách du lịch đến tham quan và nghiên cứu.

Ngoài ra, những hoạt động mang tính sự kiện như các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, các liên hoan phim quốc tế, các lễ hội điển hình, ... cũng là những đối tượng thu hút khách du lịch.

### ***1.1.7. Các tiêu chí đánh giá tài nguyên du lịch***

#### **\*Các tiêu chí đánh giá chung:**

- Khả năng thu hút thị trường khách
- Khoảng cách từ điểm du lịch đến các tỉnh
- Khả năng tiếp cận tham quan du lịch
- Tính liên kết với các điểm du lịch khác

#### **\*Các tiêu chí đánh giá riêng:**

##### **- *Đối với điểm du lịch tự nhiên***

- + Độ bền vững của môi trường tự nhiên
- + Thời gian hoạt động du lịch trong năm
- + Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

##### **- *Đối với điểm du lịch nhân văn:***

- + Giá trị lịch sử, nghệ thuật, thẩm mỹ của điểm du lịch
- + Thời gian tham quan tại điểm du lịch
- + Tính nguyên vẹn của điểm du lịch so với lúc mới hình thành

### ***1.1.8. Phát triển bền vững và du lịch bền vững***

#### ***1.1.8.1. Phát triển bền vững***

Cụm từ “phát triển bền vững” có nguồn gốc từ thực tiễn quản lý rừng ở Đức vào thế kỷ XIX, nhưng mãi đến thập niên 80 của thế kỷ XX mới được phổ biến rộng rãi. Năm 1980, IUCN cho rằng: “*Phát triển bền vững phải cân nhắc đến việc khai thác các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo, đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức các kế hoạch hành động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau*”.

Theo hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất năm 1992, được tổ chức Rio DeJaneiro thì: *“Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, xen cài và thoả hiệp giữa ba hệ thống là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ xã hội”*.

Ngày nay, hầu như tất cả các quốc gia đều đề cập đến “phát triển bền vững” trong quá trình hoạch định chính sách và quản lý phát triển kinh tế với ý muốn nhấn mạnh phương thức và việc sử dụng có trách nhiệm các nguồn lực của sự phát triển.

Đối với Việt Nam, “phát triển bền vững” được thể hiện trong chỉ thị 36/CT của Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 25/6/1998: Mục tiêu và các quan điểm cơ bản của phát triển bền vững chủ yếu dựa vào hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên như một cấu thành không thể tách rời của phát triển bền vững.

#### ***1.1.8.2. Du lịch bền vững***

##### **\* Khái niệm:**

Xuất hiện vào năm 1996 trên cơ sở cải tiến và nâng cấp khái niệm về du lịch mềm của những năm 90 và thật sự gây được sự chú ý rộng rãi. Mặc dù chưa đạt đến giai đoạn chín muồi, nhưng nó cũng thể hiện được điểm đặc trưng cơ bản của du lịch bền vững.

*“Du lịch bền vững là việc di chuyển và tham quan đến các vùng tự nhiên một cách có trách nhiệm với môi trường để tận hưởng và đánh giá cao tự nhiên, các đặc điểm văn hoá kèm theo (có thể là cả trong quá khứ và hiện tại) theo cách khuyến cáo về bảo tồn, có tác động thấp từ du khách và mang lại những lợi ích cho sự tham gia chủ động về kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương”* (World Conservation Union, 1996).

Cũng trong thời gian này, Hội đồng du lịch và lữ hành quốc tế khái niệm: *“Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng*



du lịch mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ tương lai”.

### **\* Phát triển du lịch bền vững**

Theo quan điểm của Tổng cục du lịch Việt Nam, phát triển du lịch phải được định hướng và quản lý theo phương châm: kết hợp hài hoà nhu cầu của hiện tại và tương lai trên cả hai góc độ sản xuất và tiêu dùng du lịch; khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển tài nguyên du lịch tự nhiên; chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; tránh hiện đại hoá hoặc làm biến dạng môi trường, cảnh quan di tích; xây dựng và giữ gìn môi trường xã hội lành mạnh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đặc biệt là ở các đô thị du lịch và các điểm tham quan du lịch.

Như vậy, du lịch bền vững không phải là trào lưu du lịch mà đó là cương lĩnh phát triển du lịch của thời đại.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch**

### **1.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch**

#### ***1.2.1.1. Các nhân tố bên trong***

#### **\* Tài nguyên du lịch**

Tài nguyên du lịch là điều kiện cần thiết phải có để phát triển một hoặc một số loại hình du lịch nào đó. Tài nguyên du lịch mang tính khách quan và có vai trò rất lớn để phát triển du lịch của một quốc gia hay một địa phương. Việc tổ chức lãnh thổ là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong việc nghiên cứu du lịch, bởi vì không thể tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động này nếu không xem xét khía cạnh vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch. Du lịch là ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt, tài nguyên ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch. Một lãnh thổ có nhiều tài nguyên du lịch, với các loại có chất lượng cao, có sức hấp dẫn và mức

độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách du lịch càng mạnh. Tài nguyên du lịch được chia làm 2 loại: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

#### **\* Dân cư và lao động**

Dân cư là nhân tố quan trọng đối với hoạt động du lịch: vừa là lực lượng sản xuất, vừa là lực lượng tiêu thụ gắn với nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch. Dân số càng đông, lực lượng lao động tham gia càng nhiều thì du lịch càng có điều kiện phát triển.

#### **\* Các nhân tố chính trị, chính sách**

Để phát triển du lịch, ngoài tài nguyên là cơ sở quan trọng, thì yếu tố con người và cơ chế có ý nghĩa quyết định:

Yếu tố chính trị có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch ở một địa phương hay một quốc gia nào đó. Chính trị ổn định, an ninh trật tự đảm bảo an toàn cho du khách thì du lịch mới phát triển, mang lại hiệu quả cao. Chính sách phát triển du lịch nói riêng và chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung của mỗi địa phương, mỗi quốc gia có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành du lịch. Đặc biệt trong lĩnh vực kêu gọi đầu tư, nếu chính sách mở cửa thông thoáng, hướng tới hội nhập cùng phát triển thì sẽ có nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm cung cấp nguồn vốn giúp ngành du lịch phát triển mạnh. Ngành du lịch là ngành mang tính chất quốc tế hoá cao, cần có sự liên kết các nước, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc. Không thể phát triển du lịch trong một nước, một khu vực mà cần mở rộng trên tất cả các quốc gia.

#### **\* Cơ quan quản lý và lực lượng lao động du lịch**

Tổ chức quản lý nhà nước và nguồn lao động du lịch là nguồn tài nguyên giữ vai trò quan trọng và mang tính quyết định của sự phát triển du lịch mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Ở các địa phương có bộ máy quản lý nhà nước du lịch hoàn hảo, chuyên

môn nghiệp vụ cao, phẩm chất tốt làm việc hiệu quả thì ngành du lịch phát triển tốt. Số lượng, chất lượng, phẩm chất của người lao động trong ngành du lịch cũng rất quan trọng, họ quyết định đẳng cấp của SPDL và thu hút được khách du lịch. Chính vì điều đó, mỗi quốc gia và mỗi địa phương cần có chiến lược phát triển, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực phù hợp, đúng đắn để phát triển du lịch.

### **\* Cơ sở hạ tầng**

Bao gồm giao thông, điện, nước, phương tiện thông tin... là tiền đề cho mọi hoạt động kinh tế, trong đó có du lịch. Đây là nguồn lực quan trọng, tạo sức hấp dẫn đối với du khách và thuận lợi cho phát triển du lịch.

Trong các điều kiện, cơ sở hạ tầng giao thông là quan trọng nhất trong hoạt động du lịch vì:

- + Đảm bảo sự di chuyển của con người trong quá trình du lịch
- + Tạo điều kiện khai thác sớm và có hiệu quả các tài nguyên du lịch
- + Du lịch có điều kiện trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội

Ở các nước phát triển, các nước mới phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hệ thống thông tin hiện đại đã tạo ra các tiện ích, rút ngắn khoảng cách về không gian, giảm giá thành sản phẩm cho du khách. Đây là những điều kiện thuận lợi, hấp dẫn du khách và hoạt động kinh doanh du lịch. Ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, hệ thống giao thông chưa tốt làm hạn chế việc khai thác tài nguyên du lịch và triển khai hoạt động du lịch.

### **\* Điều kiện vật chất kỹ thuật du lịch**

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cung cấp các SPDL, đáp ứng các nhu cầu về ăn uống, lưu trú, mua bán, thể thao, y tế, các công trình phục vụ thông tin văn hoá....

Cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò đảm bảo cho du lịch hoạt động bình thường, tạo ra tiện nghi hấp dẫn du khách. Hoạt động du lịch tại một địa

phương, một quốc gia có phát triển hay không, mức độ hấp dẫn du khách phụ thuộc rất nhiều vào cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

Ở nước ta, những năm gần đây đã quan tâm đầu tư để phát triển du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được cải thiện đáng kể. Tuy vậy, so với các nước phát triển thì cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch của ta còn quá nghèo nàn, chất lượng thấp, thiếu các KDL, khách sạn, nhà hàng, nhất là khu vui chơi giải trí, khu mua sắm có chất lượng cao. Ngoài ra việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch thiếu quy hoạch, hoặc quy hoạch chưa tốt, đã tác động không tốt đến tài nguyên môi trường và làm giảm hiệu quả kinh doanh.

#### **\* Các hoạt động marketing du lịch**

Do đặc điểm sản phẩm du lịch thường không thể trưng bày, vận chuyển đến nơi người tiêu dùng, mà công tác marketing du lịch đóng một vai trò quan trọng để giới thiệu cho khách du lịch biết được thông tin để chọn lựa nơi đến và các nhà kinh doanh biết để họ quyết định địa điểm đầu tư. Hoạt động marketing có thể nói là cầu nối giữa khách, nhà đầu tư và địa bàn du lịch, cung cấp cho khách và nhà đầu tư du lịch những thông tin về tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, các dịch vụ du lịch, giá cả, môi trường du lịch... Những nước có nền du lịch phát triển tốt thường trích khoảng 9-12% doanh thu du lịch để xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch.

#### ***1.2.1.2. Các nhân tố bên ngoài***

##### **\* Thị trường khách du lịch**

Đây là nhân tố ảnh hưởng rất quan trọng đến hoạt động du lịch. Ngành du lịch có duy trì hoạt động và phát triển hay không là phụ thuộc vào lượng khách và thị trường khách du lịch. Tùy vào các loại hình và SPDL ở từng điểm, từng khu du lịch, từng địa phương hay từng quốc gia mà có thị trường khách du lịch khác nhau. Thị trường khách du lịch bao gồm thị trường khách du lịch nội địa

và thị trường khách du lịch quốc tế.

### **\* Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch**

Vấn đề đô thị hóa, công nghiệp hóa, kéo dài tuổi thọ... là những nguyên nhân của nhu cầu nghỉ ngơi du lịch.

Đô thị hoá tạo nên lối sống đặc biệt, lối sống “thành thị”. Quá trình đô thị hoá tạo điều kiện thay đổi đời sống vật chất và văn hoá cho con người theo hướng tích cực. Tuy nhiên, quá trình này còn dẫn tới sự thay đổi điều kiện tự nhiên, tách con người ra khỏi thiên nhiên bao quanh, làm thay đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và cuộc sống của con người. Mật độ dân số cao, lượng thông tin quá nhiều, tần số tiếp xúc lớn, giao thông ách tắc... là những nguyên nhân gây căng thẳng thần kinh, bệnh trầm cảm. Các nghiên cứu cho thấy cư dân tại các đô thị và các khu có mật độ tập trung, nhu cầu du lịch cao hơn nhiều so với nông thôn. Họ muốn đến những nơi có môi trường trong lành, yên tĩnh để nghỉ dưỡng, thư giãn nhằm phục hồi sức khoẻ thể chất và tinh thần. Cần nghiên cứu nhu cầu nghỉ ngơi để có kế hoạch phát triển ngành du lịch hiệu quả.

### **\* Thời gian nhàn rỗi**

Được sự trợ giúp của máy móc, năng suất lao động tăng cao, con người có thể hoàn thành khối lượng các công việc sản xuất, phục vụ một cách nhanh chóng và phần thời gian còn lại dành cho du lịch, nghỉ ngơi. Hiện nay thời gian làm việc giảm, ở nhiều nước trong đó có Việt Nam quy định mỗi tuần chỉ làm việc 5 ngày, mỗi năm có số ngày nghỉ tổng cộng có thể đạt 120-130 ngày. Mặt khác, xã hội đang phát triển các ngành dịch vụ, sản xuất nhiều máy móc phục vụ trong đời sống và công việc gia đình, nội trợ như máy giặt, thức ăn chế biến sẵn, máy móc hỗ trợ khác... cho nên con người càng ngày càng có nhiều thời gian hơn cho du lịch.

### **\* Sự bùng nổ khoa học kỹ thuật và phát triển của các ngành kinh tế**

Sự bùng nổ cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghiệp phát triển và tự động hóa quá trình sản xuất là những nguyên nhân vừa trực tiếp vừa gián tiếp cho việc phát triển du lịch. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và dịch vụ phát triển tạo điều kiện nhiều mặt cho du lịch phát triển.

### **1.2.2. Hoạt động du lịch và khu du lịch ở một số địa phương của Việt Nam**

#### **\* Khu di tích lịch sử Đền Hùng (Phú Thọ)**

- Khu di tích lịch sử Đền Hùng ở Phú Thọ nằm trên vùng đất Tổ, cội nguồn của dân tộc Việt Nam. Nơi đây các Vua Hùng đã dựng nước Văn Lang - quốc gia đầu tiên của Việt Nam, thủ đô là Phong Châu. Đây là vùng đất thiêng liêng đối với mỗi người dân Việt Nam. Nhiều địa phương trong nước đã xây dựng các đền thờ Vua Hùng. Vào ngày giỗ Tổ Hùng Vương, nhiều tỉnh tổ chức lễ tế vọng về Đền Hùng, đồng thời tổ chức các lễ hội dân gian để tưởng niệm các Vua Hùng có công dựng nước. Khu di tích lịch sử Đền Hùng ở Phú Thọ phát triển các loại hình du lịch tâm linh và loại hình du lịch văn hóa, lễ hội gắn với Lễ giỗ tổ Hùng Vương.

- Các sản phẩm du lịch tiêu biểu như: tham quan và cúng bái đền thờ vua Hùng, tham dự lễ hội giỗ Tổ với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tham quan các di tích lịch sử ...

#### **\* Khu du lịch tâm linh chùa Bái Đính (Ninh Bình)**

- Khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính cùng với khu bảo tồn đặc biệt (khu cổ đô Hoa Lư), khu trung tâm, khu hang động, khu dịch vụ du lịch là 5 khu chức năng nằm trong KDL sinh thái Tràng An nằm phía Đông tỉnh Ninh Bình, có tổng diện tích gần 2000 ha. Toàn khu có 47 di tích lịch sử với nhiều hang động ẩn mình trong những núi đá vôi, các thung lũng và hệ thống sông ngầm đan xen tạo nên một không gian huyền ảo và thơ mộng. Với hàng trăm pho tượng lớn nhỏ, Bái Đính (Gia Viễn, Ninh Bình) được coi là một trong

những ngôi chùa lớn nhất và có nhiều tượng nhất Việt Nam.

- Khu du lịch tâm linh Chùa Bái Đính chủ yếu phát triển loại hình tâm linh. Du khách đến đây tham quan, cúng bái vào ngày lễ Phật Đản, ngày Tết và các ngày giữa các tháng Âm lịch.

- Sản phẩm du lịch KDL tâm linh núi chùa Bái Đính:

+ Lễ hội chùa Bái Đính: khai hội ngày mùng 6 tháng Giêng và diễn ra trong suốt mùa xuân. Về phần lễ ở chùa Bái Đính diễn ra tương đối trang trọng vì ở đây không chỉ thờ các vị sơn thần, phật tổ, bà chúa thượng ngàn mà còn gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc với các danh nhân đức Thánh Nguyễn, Quang Trung, Đinh Bộ Lĩnh. Phần lễ ở chùa Bái Đính gồm tổng hòa toàn thể hệ thống tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam, có sự sùng bái tự nhiên, có Đạo, có Phật và có cả Nho.

+ Chùa Bái Đính được trung tâm kỷ lục Việt Nam xác lập gồm:

. Khu chùa có diện tích rộng nhất Việt Nam: 107 ha. Điện thờ Tam Thế và Pháp Chủ có diện tích lên tới 1000 m<sup>2</sup>.

. Tượng Phật bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á: tượng Phật Tổ Như Lai nặng 100 tấn, Ba pho Tam Thế mỗi pho nặng 50 tấn.

. Hai quả chuông lớn nhất Đông Nam Á: 36 và 27 tấn.

. Chùa có nhiều tượng La Hán nhất Việt Nam với 500 vị bằng đá, cao khoảng 2 mét.

. Kỷ lục về số cây bồ đề nhiều nhất Việt Nam với 100 cây được chiết từ cây bồ đề Ấn Độ.

#### **\* Khu du lịch Lâm Viên – Núi Cấm (An Giang)**

- Lâm Viên – Núi Cấm là khu du lịch thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang với diện tích hơn 2.000 ha. Núi Cấm còn có tên là Thiên Cấm Sơn, đây là một trong những ngọn núi sót nằm trong dãy Thất Sơn của An Giang. Lâm

Viên là khu vui chơi, giải trí nằm dưới chân núi. Loại hình du lịch tại khu du lịch Lâm Viên – Núi Cẩm là du lịch tâm linh và leo núi dã ngoại.

- Các sản phẩm du lịch nơi đây bao gồm:

+ Hành hương, tham quan và cúng bái chùa Phật Lớn, chùa Vạn Linh, tượng Phật Di Lặc (tượng Phật Di Lặc trên núi lớn nhất Việt Nam), điện Bồ Hong, Bàn Chân Tiên...

+ Âm thực độc đáo với món bánh xèo trứng đà điều ăn với rau rừng Núi Cẩm.

+ Tham quan giải trí câu cá, xem động vật nuôi trong khuôn viên Lâm Viên như: đà điều, voi, cá sấu, các loài chim. Du khách nghỉ ngơi và tắm suối Thanh Long trên lưng chừng Núi Cẩm.

### **Tóm tắt chương 1**

Phát triển du lịch hiện nay là một nhu cầu không thể thiếu đối với chúng ta, là xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới và du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói của nền kinh tế quốc dân. Xu hướng phát triển du lịch chịu sự tác động trực tiếp của những thành tựu về phát triển khoa học - công nghệ và phát triển trên cơ sở của sự xuất hiện nền kinh tế tri thức. Chính vai trò quan trọng như thế nên việc thực hiện các giải pháp để phát triển du lịch ở khu du lịch Núi Sam - Châu Đốc cần được sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp, mọi thành phần kinh tế và các giải pháp phù hợp để thực hiện hiệu quả tốt nhất.

Vì thế, du lịch cần nghiên cứu sâu về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của ngành du lịch để làm cơ sở khoa học đánh giá chính xác thực trạng của du lịch địa phương từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp để tác động có hiệu quả, khả thi đến ngành du lịch Châu Đốc và du lịch tỉnh An Giang phát triển đạt hiệu quả cao hơn. Ngoài ra, luận văn còn quan tâm đặc biệt đến vấn đề điều hành thực tiễn các hoạt động du lịch, xây dựng mô hình phát triển du lịch hiện đại,



tích lũy kinh nghiệm tốt rút ra từ phát triển du lịch của các địa phương trong nước để vận dụng vào địa phương.

Như vậy, chương 1 đã tổng quan có chọn lọc cơ sở lí luận và thực tiễn để vận dụng vào việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng, tìm ra các nhược điểm, hạn chế, bất cập... Từ đó có cơ sở đầy đủ để đưa ra định hướng và giải pháp phù hợp, khả thi cho việc phát triển du lịch của địa phương.

## **Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC GIAI ĐOẠN 2013 - 2018**

### **2.1. Khái quát về khu du lịch Núi Sam – Châu Đốc**

#### **2.1.1. Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ**

- **Vị trí địa lý:** Khu vực nghiên cứu có vị trí địa lý ở phía Tây của tỉnh An Giang, có đường biên giới tiếp giáp của Việt Nam với Campuchia; thuộc địa phận hành chính phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khu du lịch Núi Sam bao gồm diện tích Núi Sam và khu vực phụ cận với tổng diện tích rộng 1.487 ha. Phường Núi Sam được thành lập năm 2002 được tách ra từ xã Vĩnh Tế (*Theo Nghị định số 29/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc - nay là thành phố Châu Đốc*).

**- Diện tích:** 14.870.000 m<sup>2</sup>

**- Địa giới hành chính phường Núi Sam:**

- + Phía Đông Bắc giáp phường Châu Phú A.
- + Phía Đông Nam giáp phường Châu Phú B.
- + Phía Tây Bắc giáp xã Vĩnh Tế.
- + Phía Tây Nam giáp phường đất nông nghiệp.

#### **2.1.2. Đặc điểm tự nhiên**

Theo quan điểm lãnh thổ và quan điểm hệ thống tổng hợp ta xem xét điều kiện tự nhiên của KDL Núi Sam trên phương diện toàn thành phố Châu Đốc:

**- Về địa hình**

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ và đặc biệt là du lịch.

### **- Về khí hậu**

An Giang mang một đặc thù của khu vực thuộc vùng nhiệt đới cận xích đạo, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, với 2 mùa mưa, nắng rất rõ rệt, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25°C - 29°C, nhiệt độ cao nhất từ 36°C - 38°C, nhiệt độ thấp nhất dưới 18°C. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.500 mm. Khí hậu thành phố Châu Đốc có nhiều điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch.

### **- Về thủy văn**

Trữ lượng nguồn nước của TP. Châu Đốc khá dồi dào, có thể khai thác và phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt từ sông Hậu và kênh rạch chằng chịt.

#### **2.1.3. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

- Khu du lịch Núi Sam nằm trên địa phận đường Núi Sam, TP. Châu Đốc, cách trung tâm thành phố khoảng 5,5 km. Phường Núi Sam có 10 khóm - ấp: Vĩnh Đông, Vĩnh Đông 1, Vĩnh Đông 2, Vĩnh Phước 1, Vĩnh Phước 2, Vĩnh Xuyên, Vĩnh Tây, Vĩnh Tây 1, Vĩnh Tây 2, Vĩnh Tây 3.

- Tổng số dân : 26.450 người (năm 2018)

- Mật độ dân số : 1.830 người/km<sup>2</sup>

- Thành phần dân tộc: có 4 dân tộc Kinh, Hoa, Chăm và Khmer. Trong đó người Kinh chiếm đa số với hơn 95% dân số của phường. Đa số các dân tộc đều hòa nhập với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương nhưng bên cạnh đó, mỗi dân tộc vẫn còn lưu giữ cho mình những phong tục tập quán riêng biệt như:

+ *Người Kinh vẫn giữ truyền thống trồng lúa, chế biến nông sản (các loại mắm và khô cá nước ngọt rất nổi tiếng).*

+ *Người Hoa giỏi buôn bán, thường xuyên đến các chùa chiền cầu an đặc biệt là chùa Huỳnh Đạo và miếu Bà Chúa Xứ.*

+ *Người Khmer đặc trưng với những chiếc khăn quấn trên đầu, những*

*con bò kéo cày và những chiếc xe ngựa thô hàng ra chợ. Ẩm thực của người Khmer nổi tiếng với bánh bò làm từ trái thốt nốt, cốm dẹp làm từ loại nếp trồng trên vùng đất cát ven núi rất đặc biệt.*

+ *Người Chăm rất đặc trưng bởi chiếc xà rông và nghề dệt thổ cẩm.*

Số lượt khách đến Núi Sam hàng năm rất đông. Đây là một trung tâm du lịch trọng điểm của Châu Đốc và tỉnh An Giang.

## **2.2. Tiềm năng phát triển du lịch**

### **2.2.1. Tiềm năng du lịch tự nhiên**

Với một vị trí địa lí thuận lợi, địa hình bao gồm cả núi và đồng bằng, nằm gần sông Hậu và có kênh Vĩnh Tế chảy qua nên KDL Núi Sam nối liền với thị xã Hà Tiên tỉnh Kiên Giang. *Tiềm năng du lịch bao gồm:*

- **Núi Sam:** có tên gọi là Vĩnh Tế Sơn hay Học Lãnh Sơn, có độ cao vừa phải, chu vi khoảng 5.179 mét, trước kia thuộc xã Vĩnh Tế, nay thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Đây là một ngọn núi độc lập nổi lên giữa đồng bằng như một con Sam khổng lồ bám trên mặt ruộng. Một cách giải thích khác cho rằng nơi đây xưa kia là một hòn đảo nhô lên giữa biển, có nhiều con Sam biển sinh sống nên được gọi là “Học Lãnh Sơn” hay là núi “Con Sam”. Nơi đây có nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị như: Miếu Bà Chúa Xứ, Tây An Cổ Tự, chùa Hang ... cùng với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp. Núi Sam có thể phát triển các loại hình du lịch như:

+ Du lịch sinh thái Vườn Tao Ngộ trên đỉnh Núi Sam

+ Du lịch khám phá hang động

+ Du lịch gắn với hoạt động thể thao, giải trí như: *leo núi, đua xe đạp vượt núi, đua bò, hệ thống máng trượt, cáp treo, dù lượn trên đỉnh núi Sam...*

+ Phát triển loại hình du lịch dã ngoại, cắm trại trên núi Sam.

- **Đồng bằng ven núi Sam:** với cánh đồng lúa và vườn trái cây xung quanh chân núi có thể phát triển loại hình du lịch gắn với cộng đồng như: du

lịch nông trại, du lịch nông dân,...

- **Kênh Vĩnh Tế:** đây là một con kênh do trấn thủ Nguyễn Văn Thoại chỉ huy dân binh bắt đầu đào từ năm 1819, dài khoảng 87 km đi qua địa phận phường Núi Sam nối liền Châu Đốc với cửa biển Hà Tiên, song song với biên giới Việt Nam – Campuchia. Vua Minh Mạng lấy tên vợ của Nguyễn Văn Thoại là Châu Vĩnh Tế đặt tên kênh là Vĩnh Tế. Công trình đào kênh Vĩnh Tế đã huy động hàng vạn nhân dân cùng binh lính của Việt Nam và cả Campuchia ở vùng biên giới với Việt Nam. Trong triều Nguyễn, kênh có giá trị về mặt giao thông, thủy lợi, thương mại, biên phòng... Qua đó thể hiện sức mạnh và sự sáng tạo xây dựng đất nước của nhân dân ta và chính sách coi trọng thủy lợi để phát triển nông nghiệp. Ngày nay, ngoài những giá trị trên, kênh Vĩnh Tế còn góp phần phục vụ cho phát triển du lịch của TP.Châu Đốc.

### **2.2.2. Tiềm năng du lịch nhân văn**

#### **\* Hệ thống di tích lịch sử văn hóa**

- **Miếu Bà Chúa Xứ:** Miếu Bà Chúa Xứ tọa lạc tại chân núi Sam, thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Đây là một di tích lịch sử, kiến trúc và tâm linh quan trọng của địa phương cũng như của tỉnh An Giang. Miếu Bà được dựng lên từ năm 1870, lúc đầu chỉ cất đơn sơ bằng tre và lá. Đến năm 1972, miếu được xây dựng lại theo kiến trúc của phương Đông, ngôi miếu có màu xanh đặc trưng với vẻ lộng lẫy, đồ sộ và rất độc đáo. Bên trong miếu, tượng Bà được đặt giữa chánh điện, đầu đội mũ, mặc áo thêu rồng, phụng lấp lánh. Tại đây, từ ngày 23 – 27 tháng 4 Âm lịch hàng năm diễn ra Lễ hội cấp quốc gia Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam thu hút đông đảo du khách khắp nơi trong và ngoài nước về tham dự.

#### **- Chùa Tây An:**

Chùa Tây An (Tây An cổ tự) do một vị quan triều Nguyễn đời Minh Mạng (1820) là Tổng đốc Nguyễn Nhật An xây dựng theo lời nguyện của ông

khi được triều đình phái đi Cao Miên. Theo lời nguyện này, nếu ông đi thành công, khi về sẽ dựng một ngôi chùa thờ Phật tại chân núi Sam. Vào ngày rằm tháng riêng, rằm tháng 7 và tháng 10 âm lịch là ngày nhân dân đến cúng lễ đông nhất.

Chùa Tây An hay Tân An cổ tự là một ngôi chùa Phật giáo tọa lạc tại ngã ba dưới chân núi Sam, thuộc phường Núi Sam, TP.Châu Đốc. Chùa nằm trên nền cao, thoáng rộng, trong khuôn viên có diện tích 15.000 m<sup>2</sup>. Chùa cất theo lối chữ “Tam”, có kiến trúc kết hợp phong cách Ấn Độ và kiến trúc cổ của dân tộc Việt Nam. Trong chính điện có khoảng 150 pho tượng lớn nhỏ: tượng Phật, Bồ Tát, La Hán, Bát bộ kim cang, Ngọc Hoàng, Huỳnh Đế, Thần Nông, ... Đa số tượng đều làm bằng gỗ quý, chạm trổ công phu và mỹ thuật, tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc của Việt Nam thế kỉ XIX.

Chùa đã được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích “Kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia” theo quyết định số 92/VH.QĐ ngày 10/7/1980 và được Trung tâm sách kỉ lục Việt Nam chính thức công nhận đây là “Ngôi chùa có kiến trúc kết hợp phong cách nghệ thuật Ấn Độ và kiến trúc cổ dân tộc đầu tiên tại Việt Nam”.

- **Chùa Hang:** Chùa Hang hay còn gọi là Phước Điền Tự cách chùa Tây An, lãng Thoại Ngọc Hầu, miếu Bà Chúa Xứ núi Sam khoảng 1km, có lịch sử hơn 100 năm tuổi. Với không gian yên tĩnh, tầm nhìn thoáng đãng, chùa Hang được xem là điểm đến du lịch tâm linh không thể bỏ qua của du khách khi đến thành phố Châu Đốc trong dịp lễ hội Vía Bà Chúa xứ...

Chùa Hang do bà Lê Thị Thợ (biệt danh bà Thợ), pháp hiệu Diệu Thiện lập nên. Ban đầu, chùa chỉ là một chiếc am nhỏ bằng tre lợp lá. Năm 1885, cảm mến công đức bà Thợ, ông phán Thông (Nguyễn Ngọc Cang) đã cùng Nhân dân Châu Đốc quyên góp tiền và ngày công xây dựng lại chùa, với nền lát gạch tàu, cột bằng cãm xe, kèo thao lao... Đây là một di tích lịch sử cấp quốc gia tại

Việt Nam.

Tương truyền, cảnh am bà Thợ tu hành có 1 hang núi sâu, bên trong có đôi măng xà to, hung tợn. Từ khi bà Thợ đến tu, đôi măng xà trở nên hiền lành, thường đến am bà Thợ nằm im lắng nghe kinh kệ. Bà Thợ đặt tên chúng là Thanh Xà, Bạch Xà. Sau khi bà Thợ qua đời, đôi măng xà cũng bỗng dung biến mất.

**- Lăng Thoại Ngọc Hầu:** Lăng Thoại Ngọc Hầu còn gọi là Sơn Lăng, là một công trình kiến trúc nguyên vẹn hiếm hoi tiêu biểu thời nhà Nguyễn còn lại ở đất phương Nam. Đây là một công trình bề thế, tuyệt mỹ, mang ý nghĩa về văn hóa, lịch sử, kiến trúc cao.

Sơn Lăng nằm dưới chân núi Sam, bên cạnh vô vàn các di tích khác, nhưng kỳ lạ thay lại không bao giờ ồn ào náo nhiệt như các lăng miếu khác ở đây mà luôn có một không khí lặng lẽ, trang nghiêm, thành kính. Lăng vừa là lăng mộ, vừa bao gồm đền thờ, thờ Nguyễn Văn Thoại, tức Thoại Ngọc Hầu, một vị quan triều Nguyễn, được triều đình cử vào khai phá và trấn giữ An Giang.

Ông là một vị quan mà người Châu Đốc, An Giang dành cho sự biết ơn tốt bậc bởi những công hiến vĩ đại của ông cho con người và xứ sở trong những năm tháng làm quan đất này.

Ông đã tập hợp lưu dân, khai sơn khẩn đất, phát triển nông nghiệp. Dưới sự cai quản của ông, những vùng hoang hóa, rừng rậm không người lui tới trở thành những vùng ruộng đất tốt tươi, con người tập trung sinh sống hòa bình, sung túc. Đặc biệt, công lao to lớn nhất của ông đối với miền Nam là đã tổ chức đào hai con kênh chiến lược là kênh Thoại Hà và kênh Vĩnh Tế, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong giao thông, thương mại thời bấy giờ.

Hiện vẫn chưa rõ Sơn Lăng được xây dựng từ năm nào. Nhưng theo sách sử thì khi người vợ thứ Trương Thị Miệt của Thoại Ngọc Hầu mất năm 1821,

ông cho an táng ở đây. Rồi khi người vợ cả Châu Thị Tế mất vào năm 1826, ông cũng cho an táng tại đây và dành sẵn một phần đất cho mình ở giữa hai khu mộ của hai người vợ. Vậy có thể thấy thời gian khởi dựng khu lăng tẩm này đã được bắt đầu trước khi ông qua đời vào năm 1829. Và đây cũng chính là vùng đất cao ráo, thoáng mát, nên đã được ông chọn cho giấc ngủ ngàn thu. Đây là một di tích lịch sử cấp quốc gia được xếp hạng năm 1997.

- **Đình Châu Phú:** Đình Châu Phú có tên chữ là Trung Nghĩa Từ, còn được gọi là Lễ Công Từ Đường, tọa lạc tại góc đường Trần Hưng Đạo – Nguyễn Văn Thoại. Ngôi đình được Nguyễn Văn Thoại đứng ra xây dựng vào năm 1817 để thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Đến những năm 1838 – 1858, đình đã sửa lại và xây nền gạch. Đình có diện tích 240 m<sup>2</sup>.

Hội đình Châu Phú vừa mang ý nghĩa tưởng nhớ một vị có công khai phá miền Nam Bộ, vừa cầu mong một cuộc sống ấm no. Lễ hội thu hút đông đảo nhân dân quanh vùng qui tụ về với lễ vật trên tay, trang phục chỉnh tề thành tâm cầu thần linh ban cho mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an.

Ngày 16 tháng 11 năm 1988, Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) đã ra quyết định số 1288/VH-QĐ công nhận đình Châu Phú là một “Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia”. Du khách có thể đến đây tham quan, đặc biệt vào các ngày mùng 9, 10 và 11 tháng 5 Âm lịch đều có tổ chức cúng kì yên (cầu an) trọng thể.

- **Đình Vĩnh Nguơn:** Đình thần Vĩnh Nguơn tọa lạc tại ấp Vĩnh Chánh I, xã Vĩnh Nguơn, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang, gần trụ sở Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Nguơn, bên kia bờ kênh Vĩnh Tế, đoạn giao nhau với sông Châu Đốc. Đình thờ Nguyễn Hữu Lễ, một nhân vật do vua sắc phong không rõ sự tích, hiện nay sắc còn lưu giữ tại đình. Cứ 3 năm đình tổ chức nghênh sắc một lần, sắc được rước đi khắp ba ấp trong xã.

Đình Vĩnh Nguơn được xây dựng từ năm nào không ai biết cụ thể, vật liệu bằng cây lá đơn sơ. Đến năm 1929, đình được xây dựng lại khang trang,



rộng đẹp và kiên cố. Đình được xây dựng trên diện tích 526,60 m<sup>2</sup>, gồm các công trình: Đại điện, võ qui, võ ca, nhà khói, sân và cổng rào.

Đình Vĩnh Nguơn có nhiều ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm linh của nhiều thế hệ người dân sinh ra và lớn lên tại đây. Ngày 02 tháng 06 năm 2011, ngôi đình đã được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công nhận là “Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia” theo quyết định 1713/QĐ-BVHTTDL.

- **Chùa Huỳnh Đạo:** Chùa Huỳnh Đạo tọa lạc tại phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Đây là một danh thắng và là danh lam của tỉnh. Chùa được xây dựng năm 1996, trong một khuôn viên rộng rãi. Lúc đầu, chùa chỉ có ngôi chính điện. Những năm tiếp theo, xây thêm gác chuông, Quan Âm các và nhiều công trình khác tạo nên một khuôn viên hoành tráng và đẹp đẽ. Chùa được xây dựng theo kiến trúc Trung Hoa...

Đây là một ngôi chùa được xây dựng theo kiến trúc hiện đại nhưng mang đậm nét văn hóa của Phật giáo. Vào các ngày lễ lớn như: lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, ngày rằm các tháng Âm lịch... thu hút đông đảo các tín đồ Phật giáo và du khách khắp nơi về tham dự lễ hội và cúng viếng.

#### **\* Lễ hội văn hóa, thể thao**

Lễ hội cấp quốc gia vía Bà Chúa Xứ núi Sam (TP. Châu Đốc, An Giang) chính thức diễn ra (từ ngày 5 đến 10-6). Lễ hội có nhiều hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phong phú, hấp dẫn.

Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam năm 2018 diễn ra từ ngày 5 đến 10-6 (nhằm ngày 22 đến 27-4 âm lịch năm Mậu Tuất).

Cùng với phần lễ hội truyền thống, Châu Đốc còn tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phục vụ du khách. Theo đó, trong tuần diễn ra lễ hội có rất nhiều hoạt động phong phú, như: biểu diễn văn nghệ vào thứ bảy hàng tuần tại phố đi bộ (từ ngày 21-4 đến 2-6); liên hoan đờn ca tài tử cấp thành phố; giải quần vợt; triển lãm, giao lưu ảnh nghệ thuật truyền thống

(từ ngày 29-5 đến 3-6); hội thi lân - sư - rồng (lúc 18 giờ, ngày 2-6); hội thi chim hót nghệ thuật (ngày 3-6); liên hoan 4 dân tộc Kinh, Chăm, Hoa, Khmer (từ ngày 3 đến 6-6); giải võ Taekwondo và lễ hội hoa đăng (ngày 3-6); giải cờ tướng (ngày 3 và 4-6); gian hàng giới thiệu các đặc sản địa phương và bánh Nam Bộ (từ ngày 4 đến 6-6); thả diều, hội thi leo núi (ngày 5-6); hội thi gà chọi (ngày 6-6)...

### **\* Làng nghề thủ công**

Nét đặc biệt và độc đáo khi du khách đến KDL Núi Sam – Châu Đốc là tham quan làng nghề truyền thống làm mắm các loại cá nước ngọt như: mắm cá lóc, mắm cá linh, mắm cá sặc, mắm thái, mắm ruột ... Nghề chế biến các loại cá khô cũng nổi tiếng và có thương hiệu như: khô cá tra phòng, khô cá lóc, khô cá sặc ...

### **\* Các loại hình nghệ thuật truyền thống**

Núi Sam – Châu Đốc là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa dân tộc độc đáo của bốn cộng đồng dân tộc anh em: Kinh – Chăm – Khmer – Hoa. Với nhiều đặc trưng văn hóa truyền thống đã hình thành bức tranh văn hóa nghệ thuật sinh động, nhiều màu sắc và hình thức phong phú như:

- Người Chăm nổi tiếng với dân ca và biểu diễn kèn Saranai, trống Pàna, trống Paranung theo phong cách Hồi giáo...

- Người Khmer với nghệ thuật truyền thống là hát Dù Kê, múa trống, múa Chàng, ...

- Người Kinh nổi tiếng với đờn ca tài tử, cải lương, điệu hò Nam bộ...

- Riêng người Hoa độc đáo với nghệ thuật múa Dù, múa Quạt, múa Lân Sư Rồng...

### **\* Các sản phẩm Du lịch**

Khu du lịch Núi Sam chủ yếu phát triển các sản phẩm du lịch gắn với loại hình du lịch tâm linh, còn một số loại hình như: du lịch sinh thái, du lịch gắn

với mua sắm và ẩm thực .... cũng phát triển nhưng sản phẩm chưa đa dạng và phong phú.

- **Sản phẩm du lịch gắn với tín ngưỡng và lễ hội:** Các sản phẩm du lịch gồm tua hành hương Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam - Châu Đốc, Lễ hội Đua bò Bảy Núi, Lễ hội Búng Bình Thiên, Lễ hội văn hóa dân tộc Chăm.

- **Sản phẩm du lịch gắn với lịch sử, văn hóa:** Các sản phẩm DL gồm tua tham quan Khu lưu niệm Bác Tôn – Khu di tích khảo cổ Óc Eo – Khu di tích lịch sử Đồi Túc Dụp – Cụm di tích lịch sử Núi Sam Châu Đốc – Nhà mồ Ba Chúc.

- **Sản phẩm du lịch gắn với hệ sinh thái sông nước và đồng quê:** Các sản phẩm du lịch gồm tua du lịch tham quan Núi Sam – tham quan Làng bè Châu Đốc trên sông Hậu – tham quan Làng lụa Tân Châu – du lịch Homestay đồng quê tại cù lao Ông Hồ và cù lao Giêng.

- **Sản phẩm du lịch gắn với hội chợ, thương mại vùng biên giới:** Các sản phẩm du lịch gồm tua du lịch mua sắm đặc sản Núi Sam - Châu Đốc – tua tham quan mua sắm tại siêu thị miễn thuế cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên.

- **Sản phẩm du lịch gắn với ẩm thực và mua sắm:** Các sản phẩm du lịch gồm tua kết hợp thưởng thức đặc sản ẩm thực đặc trưng của Châu Đốc và kết hợp mua sắm các đặc sản như mắm Châu Đốc, khô cá tra phòng, trái thốt lốt.

### **2.2.3. Cơ sở hạ tầng**

Hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật KDL Núi Sam tương đối tốt, cơ bản đáp ứng nhu cầu ăn uống, lưu trú... và các nhu cầu khác của khách DL.

#### **\* Hệ thống giao thông vận tải và phương tiện vận tải**

##### **- Đường bộ**

Toàn bộ hệ thống giao thông đường bộ TP.Châu Đốc dài khoảng 58km, mặt đường được mở rộng từ 6 - 12 m. Có hơn 10 km quốc lộ 91 chạy ngang nối liền KDL Núi Sam với Long Xuyên và cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên. Về

phương tiện vận tải các doanh nghiệp xe khách như: Phương Trang, Huệ Nghĩa, Hùng Cường.

**- Đường thủy**

Thành phố Châu Đốc có sông Hậu và kênh Vĩnh Tế chảy qua, là tuyến giao thông đường thủy và là cầu nối cho du khách đến KDL Núi Sam từ các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các nước bạn như: Campuchia, Thái Lan.

Về hệ thống bến tàu: Châu Đốc có một bến tàu tại khách sạn Victoria và bến phà Châu Giang (đi Tân Châu – Phú Tân – An Phú).

**\* Hệ thống cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc**

**- Cung cấp điện**

KDL Núi Sam cũng như cả tỉnh được cung cấp điện từ nhà máy điện Trà Nóc với công suất sử dụng 166 MW và lưới truyền tải 220 KV với nguồn điện Phú Mỹ và trạm 500 KV Phú Lâm, có 2 lưới điện là 220 KV và 110 KV.

**- Cung cấp nước**

Nguồn nước: Nguồn nước sinh hoạt của KDL Núi Sam được cung cấp từ nhà máy nước của TP. Châu Đốc khai thác nguồn nước chủ yếu từ sông Hậu.

Hệ thống thoát nước thải: KDL Núi Sam, hệ thống nước thải chưa được thiết kế riêng mà còn dùng chung với hệ thống thoát nước mưa. Các loại nước thải sinh hoạt đều được thải trực tiếp ra sông mà chưa có hình thức xử lý nào.

**- Hệ thống thông tin liên lạc**

Về bưu chính viễn thông: Núi Sam có hai Bưu cục, một của VNPT và một của Viettel.

Về thông tin liên lạc: gồm mạng điện thoại, mạng Internet...

**\* Hệ thống văn hóa - giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ**

**- Văn hóa - giáo dục, y tế**

*Về giáo dục và đào tạo:* từng bước nâng cao chất lượng, bồi dưỡng nghiệp vụ để cung cấp nguồn nhân lực du lịch cho địa phương.

*Về y tế:* công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương và du khách ngày được quan tâm.

**- Thương mại – dịch vụ**

Đây là một ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của Phường Núi Sam cũng như thành phố Châu Đốc.

**2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm các cơ sở lưu trú và ăn uống, phương tiện vận chuyển, các cơ sở phục vụ thể thao, vui chơi giải trí...

**2.2.4.1. Cơ sở lưu trú**

Cơ sở lưu trú bao gồm khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách, khu nghỉ dưỡng cao cấp. Cùng với xu hướng chung của các địa phương trong cả nước, lượng khách du lịch nội địa và quốc tế ngày càng tăng nên các khách sạn, nhà trọ ngày càng được xây dựng thêm để đáp ứng nhu cầu của du khách.

Trên toàn thành phố có 32 cơ sở lưu trú bao gồm: 1 khách sạn 4 sao, 1 khách sạn 3 sao, 5 khách sạn 2 sao, 7 khách sạn 1 sao, 6 khách sạn đạt chuẩn, 5 nhà nghỉ và 8 khách sạn chưa phân loại.

**Bảng 2.1.** Một số khách sạn ở Thành phố Châu Đốc 2019

Tên khách sạn	Victoria	Hạ Long	Châu Phố	Đông Nam	Bông Sao	Trung Nguyên
Đạt chuẩn	4 sao	3 sao	2 sao	2 sao	2 sao	1 sao
Số phòng	92	80	67	44	29	14
Số giường	160	135	120	90	55	26

“Nguồn: Phòng Thống kê thành phố Châu Đốc”.

**2.2.4.2. Cơ sở vui chơi giải trí**

Núi Sam là một khu du lịch chưa nhiều khu vui chơi giải trí. Những loại

hình vui chơi giải trí phục vụ nhân dân địa phương và du khách, kéo dài thời gian lưu trú và tăng thêm mức chi tiêu của du khách ở khu du lịch Núi Sam còn thiếu.

#### **2.2.4.3. Cơ sở ăn uống**

Ẩm thực tại Núi Sam - Châu Đốc nổi tiếng với các món ăn đặc sản đặc sản như: mắm thái Châu Đốc, khô cá tra phòng, bún cá, canh chua cá bông lau... tại các nhà hàng nổi tiếng như: Nhà hàng – khách sạn Victoria, Nhà hàng Trường Phát, Nhà hàng Hoa viên Phương Nam, Nhà hàng Hàng Châu...

**Bảng 2.2.** Một số đặc sản của KDL Núi Sam – Châu Đốc 2019

<b>Ẩm thực</b>	<b>Mua sắm đặc sản</b>
Bún mắm Châu Đốc	Các loại mắm Châu Đốc
Cá linh kho mía	Sản phẩm mỹ nghệ ...
Lẩu mắm	Khô cá tra phòng
Lẩu chua cá linh, bông điên điển	Khô cá lóc
Bún cá Châu Đốc	Đường thốt nốt
Bún kèn dứa Châu Đốc	
Bánh bò đường thốt nốt	
Canh chua cá bông lau	
Gỏi sầu đâu khô cá tra phòng	

*“Nguồn: Phòng Thống kê Thành phố Châu Đốc”.*

#### **2.2.4.4. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch**

Phương tiện vận chuyển còn nhiều hạn chế, số lượng phương tiện chỉ dành cho việc chuyên chở khách còn rất ít. Phương tiện vận tải với nhiều doanh nghiệp xe khách như: Phương Trang, Huệ Nghĩa, Hùng Cường .... Vì thế đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu một bộ phận du khách muốn đến khu du lịch Núi Sam.

### **2.2.5. Các nhân tố khác**

- Các chủ trương, chính sách phát triển du lịch
- Quan điểm và chỉ đạo của UBND Thành phố Châu Đốc là: Phát triển du lịch theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, hiện đại có trọng tâm. Chú trọng trùng tu, tôn tạo, nâng cấp các di tích, di sản văn hoá, khôi phục lại các làng nghề, khu vui chơi giải trí, văn hoá văn nghệ tại KDL Núi Sam.

## **2.3. Thực trạng phát triển KDL Núi Sam**

### **2.3.1. Tổ chức các cơ sở và hoạt động du lịch**

#### **\* Phát triển các điểm du lịch:**

Các điểm du lịch với đặc trưng và thế mạnh. Trong đó nổi bật là điểm du lịch Miếu Bà Chúa Xứ, còn lại là các điểm du lịch được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh với nhiều phong cảnh đẹp, có ý nghĩa, hấp dẫn du khách.

- Các điểm du lịch thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa Núi Sam: bao gồm Núi Sam, miếu Bà Chúa Xứ, chùa Tây An, chùa Hang, lăng Thoại Ngọc Hầu trong đó có 2 điểm tham quan tiêu biểu là miếu Bà Chúa Xứ và lăng Thoại Ngọc Hầu với tổng diện tích khoảng 2 ha. Đặc biệt khu di tích Núi Sam được xem là điểm tham quan, du lịch hành hương tiêu biểu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hàng năm, KDL này thu hút hơn 5 triệu lượt khách hành hương và tham quan. Loại hình du lịch tâm linh là loại hình du lịch chính tại KDL Núi Sam gắn với Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam. Lễ hội diễn ra từ ngày 23 đến 27 tháng 4 Âm lịch, các lễ chính gồm:

- + Lễ Tắm Bà diễn ra lúc 0 giờ đêm ngày 23 rạng sáng ngày 24 tháng 4.
- + Lễ Thỉnh sắc tức là rước sắc và bài vị Thoại Ngọc Hầu cùng 2 phu nhân từ Sơn Lăng về miếu Bà, được diễn ra lúc 15 giờ chiều ngày 24.
- + Lễ Túc Yết và lễ Xây Châu: lễ Túc Yết là lễ dâng lễ vật và tiến hành nghi thức cúng Bà, diễn ra lúc 0 giờ khuya đêm ngày 25 rạng ngày 26. Ngay sau đó là lễ Xây Châu để mở đầu cho nghệ thuật hát bội.

+ Lễ Chánh Tế được diễn ra vào 4 giờ sáng ngày 27.

+ Lễ Hồi Sắc được cử hành lúc 16 giờ chiều cùng ngày sau khi lễ Chánh Tế kết thúc.

Từ năm 2001, Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) công nhận là lễ hội cấp quốc gia. Khách du lịch đến Châu Đốc thường đến viếng miếu Bà, hàng năm thu hút hơn 2 triệu khách du lịch nội địa và quốc tế.

- *Điểm du lịch sinh thái Vườn Tao Ngộ trên đỉnh núi Sam*: điểm du lịch sinh thái Vườn Tao Ngộ là nơi dừng chân tham quan trên núi.

- *Điểm du lịch dưới chân Núi Sam*: Khi đến khu du lịch Núi Sam, du khách không thể bỏ qua nơi này để mua các món quà của Núi Sam về cho người thân, bạn bè như: khô cá tra phòng, các loại mắm, ...

### **2.3.2. Lao động và sử dụng lao động trong du lịch**

Chất lượng các dịch vụ du lịch phụ thuộc rất nhiều vào trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vào thái độ giao tiếp của nhân viên phục vụ. Số lượng lao động và chất lượng lao động có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ du lịch. Lực lượng lao động trong du lịch bao gồm lực lượng phục vụ trực tiếp phục vụ trong ngành như lữ hành, khách sạn, nhà hàng, các khu du lịch và lực lượng lao động gián tiếp tham gia vào lĩnh vực du lịch như ngành thủ công mỹ nghệ, dịch vụ hỗ trợ như ngành y tế, viễn thông, ngân hàng, giao thông vận tải.

#### **2.3.2.1. Số lượng lao động trong Du lịch**

**Bảng 2.3.** Số lao động trực tiếp và tỷ lệ lao động trong ngành DL của KDL Núi Sam so với thành phố Châu Đốc giai đoạn 2013-2018

Năm	KDL Núi Sam (người)	TP.Châu Đốc (người)	Tỷ lệ lao động trong DL của KDL Núi Sam so với TP.Châu Đốc (%)
2013	116	203	57,14



2014	136	233	58,36
2015	162	267	60,67
2016	228	306	74,51
2017	279	345	80,87
2018	281	367	76,57

### 2.3.2.2. Chất lượng lao động trong Du lịch

**Bảng 2.4.** Chất lượng lao động trong ngành Du lịch tại Khu du lịch Núi Sam giai đoạn 2013-2018

Năm	Đại học và sau đại học		Cao đẳng, trung cấp		Đào tạo nghiệp vụ		Tổng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
2013	24	20,7	53	45,7	39	33,6	116	100
2014	34	25	59	43,4	43	31,6	136	100
2015	36	22,2	62	38,3	64	39,5	162	100
2016	47	26,7	64	36,4	65	36,9	176	100
2017	49	26,9	66	36,3	67	36,8	182	100
2018	51	27,4	67	36,0	68	36,6	186	100

“Nguồn: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch An Giang”.

### 2.3.3. Khách du lịch

#### 2.3.3.1. Lượt khách

**Bảng 2.5.** Số lượt khách đến KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018

Năm	Tổng lượng khách (lượt)	Tăng so với năm trước
2013	4.069.100	10,57%

2014	4.200.000	2,8%
2015	4.274.800	1,78%
2016	4.398.000	1,04%
2017	4.578.290	1,05%
2018	4.815.460	1,07%

“Nguồn: Báo cáo kinh tế - xã hội TP. Châu Đốc”

**Bảng 2.6.** Cơ cấu thị trường khách Du lịch quốc tế đến khu du lịch Núi Sam giai đoạn 2013-2018

Một số thị trường lớn	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Australia	%	11	11	10	12	12	15
Campuchia	%	2	3	3	4	6	15
Đức	%	11	10	9	11	14	17
Malaysia	%	1	2	2	3	5	9
Hoa Kỳ	%	15	16	15	20	25	34
Pháp	%	21	22	20	24	26	31
Nhật Bản	%	4	4	3	5	6	9
Italia	%	5	6	5	7	8	12
Israel	%	1	2	1	3	5	7
Thái Lan	%	2	2	2	3	6	9
Các thị trường khác	%	30	30	29	31	35	41

“Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang”

### 2.3.3.2. Khách lưu trú

**Bảng 2.7.** Lượt khách lưu trú tại KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018

TT	Chỉ tiêu	Năm					
		2013	2014	2015	2016	2017	2018
<b>I</b>	<b>Tổng ngày khách (ngày)</b>	<b>325.842</b>	<b>165.389</b>	<b>264.151</b>	<b>298.188</b>	<b>342.000</b>	<b>349.922</b>
<sup>1</sup>	Khách quốc tế	30.466	50.265	45.141	52.326	54.458	56.249

2	Khách nội địa	295.376	115.124	219.010	245.862	287.542	291.673
II	<b>Ngày khách lưu trú trung bình</b>	<b>1,28</b>	<b>1,18</b>	<b>1,2</b>	<b>2,6</b>	<b>3,0</b>	<b>3,4</b>
1	Khách quốc tế	0,83	1,26	0,7	0,7	0,9	1,1
2	Khách nội địa	1,19	1,01	1,0	1,9	2,1	2,3

“Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang”

#### 2.3.4. Doanh thu du lịch

Doanh thu du lịch bao gồm các khoản chi trả của du khách khi đến một địa điểm khác nơi cư trú như dịch vụ lưu trú, mua vé tham quan, ăn uống, vận chuyển, mua sắm, dịch vụ y tế, ... Trên thực tế, số liệu thống kê du lịch vẫn chưa hoàn thiện nên chưa thể thống kê hết các khoản thu gián tiếp cho DL. Chính vì vậy, số liệu thống kê về doanh thu DL chỉ mang tính tương đối và dựa trên báo cáo thống kê qua các năm từ Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch của tỉnh An Giang

\* Về tổng doanh thu du lịch:

**Bảng 2.8.** Lượng khách và tổng thu từ DL tỉnh An Giang giai đoạn 2013-2018

Năm	Tổng lượng khách	Khách quốc tế	Tăng so với năm trước	Tổng thu từ DL		Tăng so với năm trước
				Tổng thu xã hội	Tổng thu trực tiếp	
2013	5.726.000	57.317	0,89%	1.168	320	6,1%
2014	6.000.000	61.002	0,95%	1.239	342	6%
2015	6.250.000	58.051	0,96%	1.520	385	22%
2016	6.314.654	61.025	0,99%	1.648	428	23%
2017	6.839.287	63.793	0,92%	1.763	487	25%
2018	6.908.002	74.197	0,99%	1.821	502	28%

“Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang”

Tổng lượt khách đến Núi Sam tăng khá nhanh từ 2015 đến nay (tính từ các khu, điểm, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn).

**Bảng 2.9.** Tổng thu từ du lịch của KDL Núi Sam giai đoạn 2013-2018

Năm	Tổng thu từ du lịch (ĐVT: tỷ đồng)	
	Tổng thu từ khách Du lịch	Trong đó, thu từ phí tham quan tại KDL Núi Sam
2013	379,517	15,517
2014	492,967	19,967
2015	632,411	30,411
2016	679,846	34,467
2017	701,493	37,168
2018	736,458	39,534

“ Nguồn: Phòng Thống kê Thành phố Châu Đốc ”

Chưa kể nguồn thu từ Ban quản trị Lăng miếu Núi Sam (bình quân 100 tỷ đồng / năm).

**Bảng 2.10.** Giá trị GDP du lịch và tỷ trọng của KDL Núi Sam so với TP.Châu Đốc giai đoạn 2013 – 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	2018
GDP toàn TPCĐ	Ti	4.684	5.468	4.040	4.684	5.468	5.779
Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng GDP KDL Núi Sam	Ti	359	422	236	359	422	467
Tỷ trọng GDP KDL Núi Sam/GDP TPCĐ	%	7,66	7,71	5,84	7,66	7,71	8,08

### 2.3.5. *Đánh giá chung về tiềm năng và thực trạng phát triển KDL Núi Sam*

#### 2.3.5.1. Về quản lý du lịch và vai trò của nhà nước

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch chậm được đổi mới; Luật du lịch và các luật, pháp lệnh liên quan, hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn thi

hành còn thiếu đồng bộ và chưa huy động được các nguồn lực cho phát triển du lịch. Nhiều chính sách còn chông chéo. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành chưa được hình thành; thủ tục hành chính còn rườm rà và quy trình quản lý chất lượng dịch vụ còn nhiều yếu kém.

- Tổ chức bộ máy của ngành có nhiều thay đổi, chưa thực sự ổn định để phát huy hiệu lực, hiệu quả; quản lý liên ngành, liên vùng rất yếu. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch du lịch còn nhiều bất cập, hiệu quả chưa được như mong muốn.

- Công tác quản lý đảm bảo phát triển bền vững, an ninh, an toàn, văn minh du lịch còn thiếu kinh nghiệm và chưa có tầm nhìn dài hạn nên kém hiệu quả và thiếu tính bền vững; quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nhận thức về du lịch cả ở cấp quản lý nhà nước, quản lý kinh doanh và trong nhân dân còn thấp, chưa đầy đủ và đồng bộ, tầm nhìn ngắn hạn trong tư duy chịu tác động của nhóm lợi ích cục bộ do vậy vẫn còn khoảng cách xa so với yêu cầu phát triển.

#### **2.3.5.2. Về quy hoạch, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch**

- Mặc dù KDL Núi sam Châu Đốc sở hữu nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú và đa dạng nhưng cho tới nay chưa khai thác tương xứng với tiềm năng đó, thể hiện hệ thống sản phẩm du lịch vẫn còn nghèo nàn, đơn điệu.

- Cho đến nay tài nguyên du lịch cả tự nhiên và nhân văn chưa được thống kê, đánh giá, phân loại và xếp hạng để quản lý khai thác một cách bền vững, hiệu quả. Dẫn tới tài nguyên du lịch thì nhiều nhưng khai thác bừa bãi, mới dừng ở bề nổi, khai thác cái sẵn có chưa phát huy giá trị của tài nguyên.

- Sự khai thác bừa bãi, cạn kiệt tài nguyên du lịch gắn với quá trình cạnh tranh và trách nhiệm của các bên không rõ ràng dẫn tới nguy cơ suy thoái

nhanh giá trị của tài nguyên. Sự xung đột về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể kinh tế và các ngành, tầm nhìn ngắn hạn và hạn chế về công nghệ dẫn tới một số tài nguyên du lịch bị tàn phá, sử dụng sai mục đích...tác động tiêu cực tới phát triển du lịch bền vững.

### **2.3.5.3. Về nguồn nhân lực du lịch**

- Đây cũng vẫn là điểm yếu trường kỳ. Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác phát triển nguồn nhân lực du lịch thời gian qua nhưng so với yêu cầu về tính chuyên nghiệp của ngành dịch vụ hiện đại và hội nhập, toàn cầu hóa thì nhân lực du lịch chưa đáp ứng kịp về kỹ năng chuyên nghiệp, hội nhập, liên kết toàn cầu.

- Lực lượng lao động du lịch tuy đông đảo nhưng tỷ lệ được đào tạo bài bản chuyên nghiệp du lịch thấp, hơn nữa chất lượng đào tạo du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thích ứng kịp với xu hướng hội nhập, cạnh tranh toàn cầu.

- Đánh giá mặt bằng chung chất lượng nhân lực du lịch vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về tính chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, giao tiếp và chất lượng phục vụ. Ngành du lịch thực sự thiếu đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp du lịch kiểu mẫu của thời đại với yêu cầu cạnh tranh và hội nhập cao. Đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp với nhiều loại hình du lịch và ứng với các ngôn ngữ thuộc thị trường mục tiêu vẫn chưa sẵn sàng đầy đủ.

### **2.3.5.4. Về nguồn lực đầu tư cho phát triển SPDL và công nghệ**

- Nhu cầu đầu tư vào khu du lịch là rất lớn trong khi đó nguồn lực về vốn và công nghệ của khu du lịch Núi sam Châu Đốc còn rất hạn chế. Thị trường vốn của thành phố Châu Đốc mới được hình thành nhưng tiềm lực còn yếu và vì vậy chưa ổn định và chưa phát huy được vai trò điều tiết.

- Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên, hiện nay sản phẩm du lịch vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách, các khu vui chơi giải trí ít về số lượng, đơn điệu về chất lượng và nghèo nàn về

chủng loại, chưa tạo được ấn tượng sâu sắc về sản phẩm đặc thù của du lịch Châu Đốc. Những nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch thông qua việc nâng chất lượng khách sạn, nhà hàng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, dịch vụ vui chơi, giải trí mới chưa thực sự hiệu quả do nguồn lực đầu tư của thành phố Châu Đốc còn hạn hẹp.

- Sự tự lực kháng sinh về công nghệ, kỹ thuật và nguồn nhân lực bậc cao của thành phố Châu Đốc còn rất hạn chế và phụ thuộc vào phía đối tác liên doanh liên kết bên ngoài.

#### **2.3.5.5. Về thị trường và sản phẩm du lịch**

- Sản phẩm du lịch chậm đổi mới; phần lớn các doanh nghiệp du lịch có quy mô vừa và nhỏ, thiếu vốn, công nghệ nên khai thác những tài nguyên có sẵn hoặc sao chép để hình thành sản phẩm du lịch. Vì vậy tính chất độc đáo, giá trị nguyên bản và ý tưởng của sản phẩm du lịch rất nghèo nàn và trùng lặp giữa các vùng miền. Quá trình phát triển sản phẩm chưa được nghiên cứu bài bản vì vậy chất lượng và giá trị hàm chứa trong sản phẩm thấp. Sự nghèo nàn, ít sáng tạo, thiếu tính độc đáo, đặc sắc; thiếu đồng bộ và thiếu liên kết là thuộc tính phổ biến của sản phẩm du lịch hiện nay và là điểm yếu chính của khu du lịch Núi sam Châu Đốc. Kết quả là sản phẩm, dịch vụ du lịch có hàm lượng giá trị gia tăng thấp, sản phẩm trùng lặp.

- Sự hạn chế, yếu kém trong nghiên cứu thị trường du lịch cả ở tầm vĩ mô và ở cấp doanh nghiệp. Việc nghiên cứu phân đoạn thị trường để xác định thị trường mục tiêu chưa thực sự đi trước một bước và thường thụ động. Kết quả nghiên cứu thị trường chưa được ứng dụng, theo đuổi triệt để, dẫn tới các chính sách thị trường rất cảm tính, thiếu cơ sở và bị nhiễu loạn thông tin, biểu hiện trong sự a ru a, bày đàn trong đầu tư và cạnh tranh trên thị trường.

- Xúc tiến quảng bá du lịch chưa chuyên nghiệp, chưa bài bản, chưa hiệu quả; mới dừng ở quảng bá hình ảnh chung, chưa tạo được tiếng vang và sức

hấp dẫn đặc thù cho từng sản phẩm, thương hiệu du lịch. Một số địa danh du lịch được du khách biết đến như: Chùa Tây An, Chùa Hang, Lăng Thoại Ngọc Hầu, Đình Châu Phú, Đình Vĩnh Nguơn, Chùa Huỳnh Đạo,... nhưng hình ảnh vẫn chưa đậm nét.

#### **2.3.5.6. Về chất lượng cơ sở lưu trú và ẩm thực du lịch**

##### **\* Cơ sở lưu trú:**

- Lưu trú du lịch là sản phẩm không thể thiếu trong chuỗi dịch vụ du lịch, có vị trí quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng du lịch, thu hút du khách. Chỉ dịch vụ có chất lượng mới tạo ra được uy tín, góp phần nâng cao tính cạnh tranh và tạo nên thương hiệu cho từng đơn vị và toàn ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả khu du lịch Núi Sam Châu Đốc, hoạt động lưu trú du lịch cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Theo đánh giá sơ bộ, ngoài hệ thống khách sạn cao cấp, các cơ sở lưu trú khối nhà nghỉ du lịch, nhà có phòng cho thuê (home-stay) và các cơ sở lưu trú chưa xếp loại còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhiều cơ sở lưu trú chưa chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, đáng lưu ý là khối khách sạn 2 sao trở xuống. Đặc biệt nhiều cơ sở lưu trú hoạt động tự phát, chưa được xếp loại, cơ sở vật chất, nhân lực hạn chế gây ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ, thương hiệu của điểm đến.

Công tác quản lý hoạt động lưu trú của địa phương đã được phân cấp chưa thực sự hiệu quả, nhiều cơ sở hoạt động tự phát. Dễ thấy hoạt động còn bộc lộ những hạn chế như: Lao động chưa qua đào tạo nghiệp vụ chiếm cao, chạy theo lợi nhuận trước mắt, thiếu ngoại ngữ đặc biệt là ngoại ngữ hiếm như: Hàn, Nhật, Nga; chất lượng cơ sở lưu trú không đồng đều ...

Công tác thanh kiểm tra chưa thường xuyên, đề rà soát cải thiện và chấn chỉnh các cơ sở lưu trú về đảm bảo các tiêu chuẩn về trang thiết bị, chất lượng dịch vụ, chất lượng đội ngũ...



### **\* Ẩm thực:**

Những nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực ở từng vùng miền khác nhau sẽ thể hiện thói quen, phong tục tập quán, lịch sử, văn hóa của vùng miền ấy. Sẽ là một thiếu sót lớn trong hành trình du lịch khám phá mà không có dấu ấn của một món ăn, thức uống nơi vùng đất mình đã đi qua. Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang nhận thức rất rõ vai trò của văn hóa ẩm thực trong sự phát triển của ngành du lịch. Ở một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Pháp, Ý... ẩm thực được định vị như một thế mạnh góp phần tạo nên sự khác biệt, thu hút du khách.

Thế nhưng trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ thức ăn, đồ uống và những lĩnh vực liên quan còn chưa được chú trọng, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng trong việc chế biến và cung cấp thức ăn và đồ uống cho khách, đặc biệt là khách nước ngoài. Đây là một vấn đề lớn không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe của khách mà ảnh hưởng tới toàn bộ cộng đồng trong xã hội.

Đặc biệt hơn là hành vi “chặt chém”, “móc túi” du khách, ảnh hưởng xấu đến nền du lịch trong nước nói chung và khu du lịch Núi Sam Châu Đốc nói riêng, tình trạng trên đã khiến nhiều người dân phẫn nộ.

#### **2.3.5.7. Về cơ sở hạ tầng du lịch**

- Hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp cận điểm đến còn nghèo nàn, thiếu đồng bộ. Hiện tại chỉ có số ít các bến xe đón khách bằng đường bộ; chưa có bến tàu đáp ứng yêu cầu đón tàu du lịch; hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông đến các điểm du lịch chưa đồng bộ và chất lượng thấp, chưa kết nối thành mạng lưới. Vì vậy những trở ngại về cơ sở hạ tầng tiếp tục là điểm yếu cần đầu tư dài hơi.

### **Tóm tắt chương 2**

Khu du lịch Núi Sam Châu Đốc có nhiều tiềm năng về thiên nhiên, các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội độc đáo, mang tính đặc thù riêng. Thông qua hoạt

động của ngành du lịch đã đóng góp vào nguồn thu ngân sách của thành phố ngày càng lớn hơn. Tuy nhiên, du lịch Châu Đốc vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, như: ứng xử của một số hộ kinh doanh chưa thân thiện, chuyên nghiệp. Dù chính quyền địa phương đã kiên quyết thực hiện nhiều giải pháp, song tình trạng chèo kéo du khách vẫn còn diễn ra. Mặt khác, các loại hình du lịch, chưa đủ sức giữ chân du khách; môi trường du lịch, sản phẩm và các dịch vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan. Đặc biệt, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn yếu và thiếu, cán bộ quản lý du lịch chưa được đào tạo chuyên sâu.

Qua chương 2 đã phân tích các vấn đề có liên quan trực tiếp đến thực trạng phát triển du lịch cùng với việc phân tích những điểm mạnh yếu của hoạt động du lịch tại Khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc. Ngành du lịch Châu Đốc cần phải nhận diện một cách đầy đủ có giải pháp để khai thác tốt lợi thế, tiềm của địa phương ngày càng hiệu quả hơn.

### **Chương 3: NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM TP.CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2025**

#### **3.1. Mục tiêu phát triển khu du lịch Núi Sam đến năm 2025**

##### **3.1.1. Mục tiêu chung**

Phân đầu đến trước năm 2025, phát triển khu du lịch Núi Sam đáp ứng các tiêu chí của Khu du lịch Quốc gia; đến năm 2030, Khu du lịch Quốc gia Núi Sam trở thành trung tâm du lịch đặc sắc về văn hóa tâm linh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, cùng với thành phố Châu Đốc và các điểm du lịch lân cận trở thành một điểm đến quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

##### **3.1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Chỉ tiêu về khách du lịch: Đến năm 2025 đón khoảng 7,2 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 750 ngàn lượt khách lưu trú. Đến năm 2030 đón khoảng 9,8 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 1,2 triệu lượt khách lưu trú.

- Tổng thu từ khách du lịch (theo giá hiện hành): Năm 2025 đạt trên 2.600 tỷ đồng. Phân đầu đến năm 2030 đạt trên 7.000 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu việc làm: Đến năm 2025 tạo việc làm cho trên 5.000 lao động trực tiếp; đến năm 2030 tạo việc làm cho gần 9.000 lao động trực tiếp.

#### **3.2. Những định hướng phát triển chủ yếu**

##### **3.2.1. Phát triển thị trường khách du lịch**

- *Khách du lịch nội địa*: là thị trường khách chính của Khu du lịch Quốc gia Núi Sam; trong đó, tập trung khai thác thị trường khách du lịch văn hóa - tâm linh, lễ hội; từng bước mở rộng thị trường khách vui chơi giải trí, khám phá, thể thao và nghỉ dưỡng. Chú trọng khai thác có hiệu quả khách du lịch nội vùng đồng bằng sông Cửu Long, khách du lịch đến từ Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ, vùng Tây Nguyên đi theo đoàn lớn.

- *Khách du lịch quốc tế*: Chú trọng thu hút thị trường khách quốc tế đến từ các nước thuộc Tiểu vùng Mê Kông mở rộng đi qua các cửa khẩu quốc tế của An Giang và các tỉnh lân cận.

- *Phát triển sản phẩm du lịch*

- *Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh*, trong đó mục đích chính là việc hành hương, lễ Bà chúa Xứ, thăm lăng Thoại Ngọc Hầu và các điểm di tích khác. Bên cạnh đó phát triển các loại hình du lịch tham quan, khám phá, du lịch thể thao.

- *Đa dạng hóa sản phẩm du lịch* với các sản phẩm du lịch bổ trợ như du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, cắm trại, dịch vụ vui chơi giải trí.

- *Hình thành các sản phẩm du lịch liên kết* với các địa bàn khác như kết hợp tham quan, mua sắm tại cửa khẩu Tịnh Biên, chợ biên giới Vĩnh Nguơn, Châu Đốc; đua bò vùng Bảy Núi; tham quan Núi cấm, khu di tích lịch sử Đồi Túc Dục, rừng trà Trà Sư, khu di tích Nhà mồ Ba Chúc, khu du lịch Búng Bình Thiên.

### **3.2.2. Tổ chức không gian phát triển du lịch**

- *Nguyên tắc tổ chức không gian phát triển du lịch*: khai thác hợp lý giá trị và sự phân bố của hệ thống di tích, các điểm cảnh quan; hình thành mối liên hệ giữa các phân khu chức năng, giữa các điểm du lịch trong không gian quy hoạch nhằm tạo không gian kiến trúc, cảnh quan hài hòa; có liên kết với các điểm du lịch lân cận; hạn chế tối đa chuyển đổi đất nông nghiệp và di chuyển dân cư; giảm thiểu tác động đến cảnh quan môi trường, đời sống của người dân trong khu vực quy hoạch.

### **3.2.3. Phát triển các tuyến du lịch chủ yếu**

- *Tuyến du lịch trong Khu du lịch Quốc gia Núi Sam*:

+ Tuyến du lịch văn hóa - tâm linh Núi Sam kết hợp thăm lăng Thoại Ngọc Hầu và các điểm di tích khác;

+ Các tuyến du lịch tham quan, vui chơi giải trí tại các phân khu chức năng của Khu du lịch Quốc gia;

“ Các tuyến du lịch nội tỉnh: kết nối từ Khu du lịch Quốc gia đến các điểm du lịch nổi bật trên địa bàn tỉnh An Giang như cửa khẩu Tịnh Biên, rừng tràm Trà Sư, núi Cấm (huyện Tịnh Biên), Khu di chỉ Óc Eo (huyện Thoại Sơn), Khu di tích lịch sử đò Túc Dục (huyện Tri Tôn), Búng Bình Thiên (huyện An Phú)...

- **Các tuyến du lịch liên tỉnh và quốc tế:** Châu Đốc - Long Xuyên theo Quốc lộ 91 kết nối với thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh; Châu Đốc đi Hà Tiên theo kênh Vĩnh Tế; Châu Đốc đến BoKor, Sihanouk Ville (Campuchia, qua cửa khẩu Tịnh Biên); Châu Đốc đi Phnompenh, Tonle Sap, Siem Reap và Kampong Cham (Campuchia); thành phố Cần Thơ - thành phố Long Xuyên - thành phố Châu Đốc - PhnomPenh (theo sông Hậu).

#### **3.2.4. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch**

- **Về cơ sở lưu trú:** Phát triển buồng lưu trú cho khách du lịch đồng thời với việc đầu tư nâng cấp chất lượng cơ sở lưu trú hiện có, bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- **Cơ sở vui chơi giải trí:** Ưu tiên phát triển các cơ sở vui chơi giải trí thể thao, vui chơi giải trí tổng hợp tại phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ; phân khu công viên văn hóa du lịch để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch và thu hút khách du lịch vào mùa thấp điểm.

- **Cơ sở thương mại, dịch vụ, ăn uống:** Phát triển các siêu thị, chợ truyền thống tại phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ. Từng bước hình thành các khu dịch vụ đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, chú trọng các sản phẩm gắn liền với đặc sản của địa phương. Đồng thời, nâng cấp các nhà hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng phục vụ khách du lịch, phát triển văn hóa ẩm thực truyền thống.

### **3.2.5. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch**

- **Hệ thống giao thông:** Tuyến giao thông đối ngoại: từ Châu Đốc đến Kiên Giang phục vụ phát triển du lịch. Tuyến giao thông đối nội: nâng cấp, cải tạo đường lên các khu du lịch; mở thêm các tuyến đường xung quan Núi Sam để điều tiết giao thông khu vực Núi Sam và thành phố Châu Đốc.

#### **- Hệ thống cầu cảng, bãi đỗ xe, trạm dừng chân:**

+ Xây dựng trạm dừng chân, bãi đỗ xe, bến thuyền, cầu Châu Đốc ... để kết nối với tuyến đường vào Khu du lịch Núi Sam phục vụ khách du lịch. Bãi đỗ xe và bến thuyền, bãi đỗ xe...

### **3.2.6. Định hướng đầu tư phát triển khu du lịch**

- Giai đoạn trước 2025, tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Quốc gia và một số dự án quan trọng thuộc phân khu du lịch văn hóa - tâm linh Núi Sam, phân khu Công viên văn hóa du lịch và các khu vực khác để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hoá sản phẩm du lịch của Khu du lịch Quốc gia.

- Huy động hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển KDL Quốc gia Núi Sam, bao gồm: vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn huy động hợp pháp trong nước khác. Trong đó ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu chức năng theo quy hoạch để phát triển sản phẩm du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

- Căn cứ vào khả năng cân đối vốn hàng năm, ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ một phần để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Quốc gia Núi Sam; hỗ trợ một phần cho công tác xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu Khu du lịch Quốc gia; phát triển nguồn nhân lực; bảo vệ tài nguyên môi trường, trong đó chú trọng bảo vệ và phát huy giá trị di sản, văn hóa truyền thống của cộng đồng trong Khu du lịch Quốc gia.

### **3.3. Các giải pháp nhằm phát triển khu du lịch Núi Sam đến năm 2025**

*Để đưa ra các giải pháp tác giả còn phải thu thập thông tin, phỏng vấn trực tiếp đối với những người quản lý trực tiếp Khu du lịch Núi Sam Châu Đốc như:*

1. Bà Lê Thị Tuyết Em - Trưởng ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và Du lịch núi Sam.
2. Ông Trần Lê Kiên Tâm - Phó Trưởng Ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và Du lịch núi Sam.
3. Ông Huỳnh Văn Đường - Trưởng ban Quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam.
4. Ông Đào Minh Tâm - Phó Trưởng ban quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam.
5. Bà Vũ Thanh Trúc - Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc.

Nhằm khai thác những thế mạnh và khắc phục hạn chế trong công tác quản lý khu du lịch Núi sam tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới cụ thể như:

#### **3.3.1. Giải pháp quản lý du lịch và vai trò của nhà nước**

- Rà soát các quy định pháp luật về du lịch và dịch vụ liên quan; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các quy định không hợp lý, không còn phù hợp; cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính; cải thiện hơn quyền tự do kinh doanh, tăng mức độ an toàn và giảm chi phí kinh doanh.

- Hình thành cơ chế phối hợp hữu hiệu giữa cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch với các cấp trong hệ thống quản lý du lịch của tỉnh (thành phố), thành phố Châu Đốc.

- Phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ

tầng du lịch. Thu hút đầu tư phát triển sản phẩm du lịch quy mô lớn, chất lượng cao tại các địa bàn thành phố động lực phát triển du lịch.

- Xem xét tiến độ đầu tư phát triển các trung tâm, công trình hạ tầng du lịch hiện có; xác định những khó khăn, vướng mắc; trực tiếp hỗ trợ giải quyết, đồng thời, khuyến khích đẩy nhanh tiến độ đầu tư mở rộng.

- Tiêu chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các điều kiện, tiện nghi phục vụ du lịch, bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh (hiện nay trên địa bàn thành phố chỉ có 4 nhà vệ sinh), trạm dừng nghỉ, nhà hàng, cơ sở mua sắm bảo đảm yêu cầu phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường tính kết nối và đảm bảo sự đồng bộ về chất lượng trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch.

- Phổ biến và tuyên truyền Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trong địa bàn tỉnh An Giang được (Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 10/08/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh An Giang), đây là những quy định mang tính chuẩn mực nhằm định hướng hành vi, thái độ, thói quen, cách thức ứng xử văn minh của tổ chức và cá nhân khi tham gia các hoạt động du lịch. Nội dung bộ quy tắc tập trung tuyên truyền các vấn đề về cách ứng xử văn minh, lịch sự của những người làm du lịch, cộng đồng địa phương và cả du khách trong việc tuân thủ các nội quy, quy định của điểm đến du lịch góp phần xây dựng môi trường du lịch thân thiện, hấp dẫn và chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường tự nhiên, gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa địa phương.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nắm bắt kịp thời các vấn đề liên quan đến hoạt động của khách du lịch qua lại biên giới, có phương án xử lý kịp thời các tình huống. Cấp và thu hồi phép, giấy hoạt động trong hoạt động du lịch.



- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên, giá trị của thương hiệu điểm đến để bảo đảm hiệu quả bền vững từ hoạt động du lịch; thực hiện đúng nguyên tắc tham vấn cộng đồng với các kế hoạch phát triển du lịch và dịch vụ trong khu vực.

- Nghiên cứu thuê tư vấn (có thể tư vấn chuyên nghiệp nước ngoài) xây dựng quy hoạch sử dụng các tài nguyên du lịch (thiên nhiên và văn hóa); xây dựng các trung tâm, điểm du lịch; thực hiện đấu thầu xây dựng, sử dụng và phát triển tài nguyên du lịch theo hình thức hợp tác công - tư (PPP),...

### ***3.3.2. Giải pháp quy hoạch, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch***

- Đề xuất mô hình quản lý khu du lịch Quốc gia Núi Sam theo quy định của Luật du lịch và pháp luật liên quan để thống nhất quản lý các hoạt động đầu tư, phát triển du lịch, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, thắng cảnh Núi Sam; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, lập quy hoạch xây dựng khu du lịch Quốc gia, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong khu du lịch Quốc gia. Tiến hành rà soát các dự án đã được phê duyệt trong khu du lịch Quốc gia để bảo đảm theo đúng định hướng của quy hoạch này.

***- Tập trung phát triển khu du lịch với 8 phân khu chức năng chính như:***

+ *Phân khu đô thị cũ để bảo tồn kiến trúc, văn hóa truyền thống Châu Đốc:*

Trục đường Nguyễn Văn Thoại, tiếp giáp sông Châu Đốc thuộc, phường Châu Phú A.

+ *Phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp dịch vụ, du lịch:*

Trục Châu Đốc - Núi Sam và trục đường Nguyễn Văn Thoại.

- *Phân khu công viên văn hóa du lịch, vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng phục vụ khách du lịch:*

Giáp phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp, dịch vụ, du lịch.

+ *Phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ phục vụ khách du lịch:*

Giáp trục Châu Đốc - Núi Sam, giáp phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp dịch vụ, du lịch.

+ *Phân khu cơ sở lưu trú nghỉ dưỡng của khách du lịch:*

Giáp khu công viên văn hóa du lịch, vui chơi giải trí, thể thao.

+ *Phân khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái:*

Giáp phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ phục vụ khách du lịch.

+ *Phân khu nghỉ dưỡng kết hợp nông nghiệp sạch (Eco-Farm):*

Giáp khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái.

+ *Phân khu du lịch văn hóa - tâm linh, lễ hội Núi Sam:*

Tại khu Núi Sam, phường Núi Sam.

- Việc đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi khu du lịch Quốc gia Núi Sam tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch xây dựng được duyệt, quy chế quản lý khu du lịch Quốc gia Núi Sam, các quy định pháp luật khác có liên quan. Tuyệt đối chấp hành khu vực khoanh vùng bảo vệ khu di tích Núi Sam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định có liên quan.

- Chuyên giao đất quốc phòng về địa phương quản lý (khu vực: giáp biên giới, đỉnh Núi Sam, đường kênh Hòa Bình...) sử dụng trong phạm vi Quy hoạch này thực hiện theo đúng quy định tại Điều 148 Luật đất đai.

- Bảo đảm hành lang bảo vệ nguồn nước; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định pháp luật liên quan khác trong phạm vi Quy hoạch.

- Thực hiện nghiêm túc công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích trong phạm vi Khu du lịch Quốc gia; xây dựng các chính sách phù hợp để du lịch đóng góp

tích cực và trách nhiệm cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường đối với Khu du lịch Quốc gia và thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định về thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch thân thiện môi trường; sử dụng năng lượng tái tạo và áp dụng các công nghệ để tiết kiệm năng lượng trong các cơ sở dịch vụ du lịch trong phạm vi Khu du lịch Quốc gia.

- Tập trung triển khai các giải pháp thu gom, xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn trước khi xả thải vào môi trường để phòng, chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

- Các dự án đầu tư cụ thể trong khuôn khổ quy hoạch phải tuân thủ các quy định về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Ưu tiên các dự án đầu tư du lịch có các giải pháp cụ thể giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, mang lại các hiệu quả trực tiếp cho cộng đồng và lâu dài cho toàn xã hội,

- Xây dựng và lựa chọn các giải pháp phù hợp nhằm ứng phó với ảnh hưởng bất lợi như: cạn kiệt nguồn nước, phòng chống xâm nhập mặn... và khắc phục giảm thiểu những hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng, về biến đổi khí hậu.

### ***3.3.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch***

- Nhà nước hỗ trợ một phần từ ngân sách để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực, đặc biệt tập trung vào đội ngũ quản lý, quản trị và lao động nghiệp vụ bậc cao.

- Nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp địa phương, đồng thời tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng. Chú trọng dạy nghề nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng căn bản về du lịch cho lao động gián tiếp, người dân địa phương tham gia kinh doanh du lịch.

- Tăng cường năng lực đào tạo của hệ thống các cơ sở đào tạo du lịch trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch. Hiện nay Trường trung cấp nghề Châu Đốc đang thực hiện Đề án ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo nghề trọng điểm “Nghề vụ nhà hàng” trình độ trung cấp, được nhà nước miễn thu học phí toàn khóa học.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực du lịch, tiếp thu trình độ công nghệ tiên tiến quốc tế.

#### ***3.3.4. Giải pháp về nguồn lực đầu tư cho phát triển sản phẩm du lịch và công nghệ***

- Nghiên cứu và đề xuất ban hành cơ chế thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư (cơ sở chế biến, các làng nghề truyền thống, doanh nghiệp,...) theo hướng khuyến khích các dự án đầu tư đa năng kết hợp dịch vụ du lịch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Xây dựng, quảng bá và cung cấp sản phẩm có trách nhiệm đến với người tiêu dùng. Nâng cao sự hiểu biết và hiệu quả của cơ sở, doanh nghiệp sẽ hỗ trợ họ thực hiện các vai trò như là “nhà cung cấp” sản phẩm du lịch có trách nhiệm và đóng quan trọng vào sự phát triển chung, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch cũng như xây dựng hình ảnh khu du lịch Núi Sam Châu Đốc như là điểm đến du lịch có trách nhiệm.

- Tạo điều kiện cho các làng nghề thủ công truyền thống phát triển như: nghề mộc chạm trổ, nghề trồng dâu nuôi tằm, nghề rèn, nghề dệt, nghề gạch

ngói, nghề vẽ tranh trên kiếng... Nhu cầu về du lịch sẽ định hướng cho sự phát triển của ngành, và đóng góp vai trò ảnh hưởng lớn trong việc định hình xây dựng các sản phẩm và dịch vụ có trách nhiệm. Qua cách lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ các hoạt động tham gia và chỉ tiêu của mình, khách du lịch có thể mang tạo nên những tác động mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

- Khuyến khích sự tham gia của địa phương, phát triển sản phẩm du lịch có trách nhiệm sẽ giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường, mang lại nhiều lợi ích hơn cho người dân tham gia vào quá trình quyết định những vấn đề ảnh hưởng tới kinh tế của họ, từ đó tác động đến ý thức cộng đồng của địa phương. Giảm thiểu các tác động đối với xã hội như: thương mại hóa các nền văn hóa truyền thống, đánh mất các kỹ năng và giá trị truyền thống, khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường do rác thải du lịch.

### ***3.3.5. Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm du lịch***

#### ***- Về thu hút thị trường:***

+ *Đối với thị trường khách du lịch nội địa:* Có chính sách kích cầu vào mùa thấp điểm nhằm khắc phục tính thời vụ của du lịch Núi Sam. Tập trung thu hút phân đoạn thị trường du lịch gắn với mục đích lễ hội kết hợp với hành hương; thị trường khách trẻ tuổi yêu thích khám phá, thể thao, sinh thái trải nghiệm nông nghiệp, tham quan vườn ươm, trang trại.

+ *Đối với thị trường khách du lịch quốc tế:* Chú trọng phát triển thị trường khách quốc tế đi đường bộ từ Thái Lan và Campuchia qua các cửa khẩu quốc tế của An Giang. Phát triển thị trường khách quốc tế khác thông qua các hãng lữ hành tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***- Về phát triển sản phẩm:***

*Cần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch An Giang.*

+ Ưu tiên nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch kể các tuyến du lịch khám phá Núi Sam kết hợp với chương trình tìm hiểu vườn thực vật; xây dựng trung tâm diễn giải môi trường và thông tin du lịch, hệ thống đường mòn, chòi vọng cảnh, điểm dừng chân, nhà vệ sinh và lắp đặt hệ thống biển chỉ dẫn.

+ Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí: xây dựng hệ thống các cơ sở lưu trú đa dạng hướng tới các phân đoạn thị trường khác nhau; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí với các tính chất, hình thức đa dạng.

+ Phát triển sản phẩm du lịch thể thao và tổ chức các sự kiện thể thao nhằm thu hút sự quan tâm của khách du lịch.

+ Phát triển sản phẩm dòng du lịch sinh thái ngấm nước (tại rừng tràm Trà Sư), du lịch cộng đồng (Mỹ Hòa Hưng nằm trên Cù lao Hổ giữa sông Hậu), du lịch thể thao sông nước (Đua ghe ngo trên kênh Trà Sư - Lễ hội của người Khmer), du lịch biên giới (Campuchia).

+ Phát triển sản phẩm du lịch ẩm thực: trong xu thế phát triển du lịch, ẩm thực không chỉ đóng vai trò phục vụ về ăn uống đơn thuần mà đã trở thành mục đích của du khách trong các tuyến du lịch. Chính vì thế, để phát huy tiềm năng và khai thác thế mạnh của ẩm thực, góp phần phát triển du lịch, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của du khách. Do vậy cần nâng cao kỹ năng nghề pha chế, quan tâm đến chất lượng phục vụ, nội dung trình bày bắt mắt... và thỏa mãn nhu cầu thưởng thức ẩm thực của du khách.

### ***3.3.6. Giải pháp phát triển dịch vụ lưu trú và ẩm thực du lịch***

Nghiên cứu phân bố các cơ sở lưu trú ở cả trong Khu du lịch Quốc gia và các khu vực lân cận phù hợp quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm mật độ xây dựng và sức chứa của Khu du lịch Quốc gia. Hình thành các khu lưu trú du lịch có chất lượng cao gắn với không gian sinh thái (khu biệt thự cao cấp, khu nghỉ dưỡng sinh thái), gắn với sông nước hướng tới dòng khách có khả năng chi trả cao. Ưu tiên phát triển loại hình cơ sở lưu trú tại nhà dân (homestays).

Để thu hút khách các điểm lưu trú cần phải đầu tư nâng chất cả phần "cứng" và "mềm". Phần "cứng" là cơ sở hạ tầng, vật chất của khách sạn cần phải đầu tư, nâng chất thường xuyên; phần "mềm" chính là con người, nhân viên phục vụ phải là những người được đào tạo bài bản, kỹ năng chuyên nghiệp, tận tâm trong phục vụ khách có như vậy mới giữ chân được khách dài lâu.

Một trong những cơ sở quan trọng quyết định thành công trong một chuyến du lịch là chỗ lưu trú của du khách. Do vậy, việc nâng chất cơ sở hạ tầng, chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú cũng là một trong những yếu tố phát triển cho ngành du lịch của địa phương.

### ***3.3.7. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch***

#### ***- Hệ thống giao thông:***

+ Tuyến giao thông đối ngoại: nâng cấp tuyến tránh Quốc lộ 91, tỉnh lộ 55A chạy dọc theo kênh Vĩnh Tế, đường đê kênh Hòa Bình, tuyến đường kênh đào, đường dẫn cầu Cồn Tiên đến khu công viên văn hóa Núi Sam, đường trục chính nối đường Tôn Đức Thắng với khu du lịch sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ. Nạo vét tuyến kênh Vĩnh Tế từ Châu Đốc đến Kiên Giang phục vụ phát triển du lịch.

+ Đường tránh quốc lộ 91 (tại phường Vĩnh Mỹ, TP.Châu Đốc) cụ thể:

. Giáp với các tuyến đường như: Nguyễn Tri Phương, Tôn Đức Thắng, Thủ Khoa Huân.

+ Tuyến giao thông đối nội: nâng cấp, cải tạo đường lên đỉnh Núi Sam; tuyến đường vòng công viên văn hóa Núi Sam, đường Nguyễn Văn Thoại; nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đạo Cật, đường Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong (đoạn từ 955A-N1) để điều tiết giao thông khu vực Núi Sam.

**- Hệ thống cầu cảng, bãi đỗ xe, trạm dừng chân:**

+ Xây dựng trạm dừng chân ở Núi Sam phục vụ khách du lịch, cầu Châu Đốc để kết nối với tuyến N1 vào Khu du lịch Núi Sam nhằm điều tiết các phương tiện giao thông của du khách.

+ Nâng cấp bến tàu cao tốc Châu Đốc phục vụ khách du lịch đường sông; xây dựng mới cảng hành khách - dịch vụ du lịch.

+ Bãi đỗ xe và bến thuyền: xây dựng mới các bãi đỗ xe đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Xây dựng bến thuyền, bến tàu du lịch trên kênh Vĩnh Tế, kênh Bờ Sáng, kênh đào du lịch.



## KẾT LUẬN

1. Núi sam là điểm đến có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh đặc sắc, vượt ra khỏi ranh giới của tỉnh An Giang, mang tính đại diện cho vùng đồng bằng sông Cửa Long. Đây là yếu tố quan trọng để Núi Sam có thể phát triển để trở thành một điểm đến du lịch không chỉ có ý nghĩa địa phương mà còn có ý nghĩa quốc gia và khu vực.

2. Núi Sam đã được xác định là điểm du lịch quốc gia trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Điều này cũng phù hợp với vai trò của Núi Sam là một trung tâm du lịch của An Giang và vùng ĐBSCL, là yếu tố tiền đề để phát triển thành KDL Quốc gia.

3. Thời gian qua, kết cấu hạ tầng xã hội của Núi Sam đã có những bước phát triển đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tạo điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch. Tuy nhiên sự phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng này còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò và khả năng phát triển của Khu du lịch Núi Sam.

4. Bước vào giai đoạn phát triển mới, du lịch Núi Sam sẽ có nhiều thuận lợi và cơ hội khi có được sự quan tâm của Chính phủ, UBND tỉnh An Giang để tạo sự quan tâm và sức hút của du khách, đặc biệt là khách du lịch quốc tế khi được định hướng phát triển thành Khu du lịch Quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội, du lịch Núi Sam sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn về năng lực phát triển khi nhiều điều kiện còn chưa sẵn sàng và trong bối cảnh cạnh tranh giữa các điểm đến du lịch ngày càng gay gắt.

5. Trên cơ sở phân tích một cách tổng quan và có hệ thống về nguồn lực phát triển du lịch; những kết quả và hạn chế của Khu du lịch Núi Sam thời gian qua; xu thế và bối cảnh phát triển du lịch trong giai đoạn phát triển mới với những thuận lợi – cơ hội, khó khăn - thách thức đặc ra đối với phát triển du lịch

của Núi Sam với vai trò là Khu du lịch Quốc gia, những định hướng phát triển cơ bản theo ngành và lãnh thổ của du lịch Núi Sam đã được xác định. Đây là yếu tố để định hướng phát triển Khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang trong tương lai./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý Khu du lịch Núi Sam (2010), Các dự án đầu tư phát triển du lịch trong khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang.
2. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2010), Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
3. Luật Du lịch Việt Nam (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Luật Du lịch Việt Nam (2017), thông qua kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/6/2017 có hiệu lực thi hành 01/01/2018.
5. Phạm Trung Lương (2000), Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Trịnh Bửu Hoài (2011), Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam Châu Đốc, Nxb Văn học Nghệ thuật, An Giang.
7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch An Giang (2015), Quy hoạch du lịch tỉnh An Giang đến năm 2020.
8. Lê Bá Thảo (2000), Thiên nhiên Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh (2004), Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. UBND tỉnh An Giang (2005), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, An Giang.
11. Phòng kinh tế thành phố Châu Đốc, các báo cáo phát triển kinh tế hàng năm của thành phố.
12. Theo báo cáo tình hình KT-XH năm 2018 của UBND tỉnh An Giang.
13. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa, 2006. Giáo trình kinh tế du lịch: Nxb Lao động Xã hội.
14. Trang web Tổng cục Du lịch VN, “ An Giang vẫn chưa khai thác hết tiềm năng” <http://www.vietnamtourism.gov.vn>
15. Trang Web Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang  
<http://sovhttdl.angiang.gov.vn>
16. Trang Web Công thông tin điện tử thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang  
<http://chaudoc.angiang.gov.vn/wps/portal>

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TP.CHÂU ĐỐC**

<b>Stt</b>	<b>Tên di tích</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Xếp hạng</b>	<b>Ngày quyết định</b>	<b>Số quyết định</b>
1	Núi Sam	Danh lam thắng cảnh	Phường Núi Sam, TP.Châu Đốc	Cấp quốc gia	10/07/1980	92/VH.QĐ
2	Miếu Bà Chúa Xứ	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Phường Núi Sam, TP.Châu Đốc	Cấp quốc gia	10/07/1980	92/VH.QĐ
3	Lăng Thoại Ngọc Hầu	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Phường Núi Sam, TP.Châu Đốc	Cấp quốc gia	10/07/1980	92/VH.QĐ
4	Chùa Tây An	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Phường Núi Sam, TP.Châu Đốc	Cấp quốc gia	10/07/1980	92/VH.QĐ
5	Chùa Hang	Di tích lịch sử	Phường Núi Sam, TP.P Châu Đốc	Cấp quốc gia	10/07/1980	92/VH.QĐ
6	Đình Vĩnh Tế	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Phường Núi Sam, TP.Châu Đốc	Cấp tỉnh	21/05/2002	1249/QĐ-CT.UB
7	Đình Châu Phú	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Cấp quốc gia	16/11/1988	1288/VH.QĐ
8	Đình Vĩnh Ngươn	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật	Phường Vĩnh Ngươn, TP. Châu Đốc	Cấp quốc gia	02/06/2011	1713/QĐ-BVHTTDL
9	Chùa Bồng Lai	Di tích lịch sử cách mạng	Xã Vĩnh Tế, TP.Châu Đốc	Cấp tỉnh	27/10/2006	2134/QĐ-UBND

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH MỘT SỐ CƠ SỞ LƯU TRÚ (KHÁCH SẠN, NHÀ NGHỈ)**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

<b>Stt</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ -- Điện thoại</b>	<b>Tổng số phòng</b>	<b>Phân loại</b>
1	Khách sạn Bến Đá Núi Sam	Địa chỉ: Quốc lộ 91, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3861745	71	2 sao
2	Khách sạn Bưu điện Châu Đốc	Địa chỉ: P.Núi Sam, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3861666	20	1 sao
3	Khách sạn Á Châu	Địa chỉ: Quốc lộ 91, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3571777	27	1sao
4	Khách sạn Victoria	Địa chỉ: 32 Lê Lợi, TP Châu Đốc Điện thoại : 076 3562892	92	4 sao
5	Khách sạn Hạ Long	Địa chỉ: Núi Sam, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3571661	80	3 sao
6	Khách sạn SFO	Địa chỉ: Quốc lộ 91, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3862809	18	1 sao
7	Khách sạn Hoàng Mai	Địa chỉ: Đường Vĩnh Đông 1, Quốc lộ 91, Núi Sam, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3571179	25	1sao
8	Khách sạn 777	Địa chỉ: Khóm 4 Nguyễn Đình Chiểu, Châu Phú A, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3866055	24	1 sao
9	Khách sạn Hàng Châu 2	Địa chỉ: 10 Nguyễn Văn Thoại, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3868891	32	1 sao
10	Khách sạn Hòa Bình	Địa chỉ: Lê Lợi, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3866280	24	1 sao
11	Khách sạn Châu Phố	Địa chỉ: Trưng Nữ Vương Nối dài, P.Châu Phú B, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3564119	53	3 sao

12	Nhà nghỉ Ngọc Trinh	Địa chỉ: 36 Mai Thị Láng, Núi Sam, TP.Châu Đốc, An Giang Điện thoại : 076 3861777	14	1 sao
13	Khách sạn Đông Nam	Địa chỉ: P.Châu Phú A, TP.Châu Đốc, An Giang	26	2 sao

### DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG PHÒNG VẤN

Stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐỊA CHỈ
1	Bà Lê Thị Tuyết Em	Trưởng ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và DL núi Sam	Khóm Châu Long 7, P.Châu Phú B, TPCĐ, AG
2	Ông Trần Lê Kiên Tâm	Phó Trưởng Ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và DL núi Sam	Khóm Châu Long 1, P.Vĩnh Mỹ, TPCĐ, AG
3	Ông Huỳnh Văn Đường	Trưởng ban Quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam	Khóm Châu Long 2, P.Châu Phú B, TPCĐ, AG
4	Ông Đào Minh Tâm	Phó Trưởng ban quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam	Khóm Châu Quới 2, P.Châu Phú B, TPCĐ, AG
5	Bà Vũ Thanh Trúc	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc	Khóm 6, P.Châu Phú A, TPCĐ, AG

**NỘI DUNG PHÒNG VẤN:** Thực trạng quản lý du lịch, những định hướng sắp tới, tình hình xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch, kinh doanh du lịch, cơ sở hạ tầng du lịch... trong thời gian qua.

**PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG  
DEVELOPMENT OF MOUNTAIN TRAVEL AREA IN CHAU DOC CITY,  
AN GIANG PROVINCE**

**Phạm Thanh Cường**

*Học viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh*

**TÓM TẮT**

Khu du lịch Núi Sam Châu Đốc có nhiều tiềm năng về thiên nhiên, các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội độc đáo, mang tính đặc thù riêng. Núi sam là điểm đến có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh đặc sắc, vượt ra khỏi ranh giới của tỉnh An Giang, mang tính đại diện cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đây là yếu tố quan trọng để Núi Sam có thể phát triển để trở thành một điểm đến du lịch không chỉ có ý nghĩa địa phương mà còn có ý nghĩa quốc gia và khu vực. Thông qua hoạt động của ngành du lịch đã đóng góp vào nguồn thu ngân sách của thành phố ngày càng lớn hơn. Tuy nhiên, du lịch Châu Đốc vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, như: ứng xử của một số hộ kinh doanh chưa thân thiện, chuyên nghiệp. Dù chính quyền địa phương đã kiên quyết thực hiện nhiều giải pháp, song tình trạng chèo kéo du khách vẫn còn diễn ra. Mặt khác, các loại hình du lịch, chưa đủ sức giữ chân du khách; môi trường du lịch, sản phẩm và các dịch vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan. Đặc biệt, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn yếu và thiếu, cán bộ quản lý du lịch chưa được đào tạo chuyên sâu. Từ thực trạng trên tác giả đề xuất giải pháp góp phần phát triển khu du lịch núi sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Du lịch; Du lịch bền vững; Đồng bằng sông cửu long; Tổng sản phẩm quốc nội; Khu du lịch; Kinh tế xã hội; Sản phẩm du lịch; Tổ chức lãnh thổ du lịch.

**ABSTRACT**

Sam Chau Doc Mountain tourist site has a lot of potentials for nature, historical sites and cultural relics, and unique festivals. Sam mountain is a potential tourism development destination, beyond the borders of An Giang province, which is representatie the Mekong Delta. This is an important factor for the development of Sam Mountain to become a tourist destination of not only local significance but also national and regional significance. Through the tourism industry has contributed to the increasing budget of the city. However, Chau Doc tourism still has some limitations that need to be overcome, such as the conduct of some business households is not friendly and professional. Although the local government has firmly implemented many solutions, the situation of attracting tourists is still happening. On the other hand, the type of tourism, not enough to retain visitors; The tourism environment, products and tourism services do not meet the needs of visitors. In particular, human resources for tourism are weak and lacking, tourism managers have not received intensive training. From the above situation, the author proposes solutions to contribute to the development of Sam Mountain mountain tourist area of Chau Doc city, An Giang province in the coming time.

**Keywords:** Travel; Sustainable Tourism; Mekong River Delta; Gross domestic product; Tourist area; Socioeconomic; Tourism products; Tourism territory organization.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch An Giang đặc biệt là Thành phố Châu Đốc với các đặc tính về du lịch tâm linh tín ngưỡng và sinh thái núi giữa đồng bằng đã tạo nên một vùng đất mang lại cho người dân khắp mọi miền đất nước một niềm tin vào cuộc sống hạnh phúc, an lành và thịnh vượng. Từ những đặc tính về lịch sử để lại và vị trí kinh tế thuận lợi xét trong phạm vi các nước tiểu vùng sông Mekong (GMS), Châu Đốc được đánh giá là một trong bốn trục chiến lược phát triển kinh tế du lịch của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và GMS là Cần Thơ- Kiên Giang (Phủ Quốc)-An Giang(Châu Đốc)-Cambodia(Sihanoukville-Phnomphenh). Tiêu biểu là Núi Sam (với tên gọi khác là Vĩnh Tế Sơn hay Ngọc Lãnh Sơn), một ngọn núi cao 284m trong quần thể Bảy Núi (Thất Sơn) thuộc xã Vĩnh Tế (nay là phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc), cách thành phố Châu Đốc khoảng 5 km về phía Tây Nam.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011) và Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013) đã khẳng định vai trò của Núi Sam Châu Đốc đối với phát triển du lịch Việt Nam, theo đó Núi Sam nằm trong danh sách các điểm đến có tiềm năng phát triển để trở thành điểm du lịch Quốc Gia. Điều này là minh chứng, khẳng định về những giá trị đặc biệt ở tầm quốc gia của Núi Sam với lễ hội “Vía Bà Chúa Xứ” từ góc độ du lịch.

Tuy nhiên, so với lợi thế về tiềm năng, thì mức độ khai thác, phát triển vẫn chưa tương xứng. Công tác quản lý còn

hiều bất cập, nội dung chương trình du lịch chưa phong phú, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chất lượng phục vụ chưa cao, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thấp và khả năng cạnh tranh còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu, đánh giá cụ thể và có những định hướng và giải pháp hợp lý, nhằm phát triển bền vững KDL Núi Sam, nhằm đem lại hiệu quả cao, tương xứng với tiềm năng. Với mong muốn được đóng góp công sức của mình vào phát triển quê hương, tôi đã chọn đề tài: “*Phát triển khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang*”: giải pháp cho đề tài luận văn của mình hiệu quả nhất. Hy vọng kết quả từ đề tài nghiên cứu sẽ đóng góp cho việc phát triển du lịch của địa phương.

## II. LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KDL NÚI SAM TP CHÂU ĐỐC

Du lịch xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử loài người. Mỗi thời đại, quan niệm về du lịch khác nhau, buổi ban đầu thường đi kèm với hoạt động truyền giáo, buôn bán hoặc thám hiểm các vùng đất mới. Việc cung ứng các dịch vụ cho du khách để thu lợi nhuận với mục tiêu ưu tiên hàng đầu là thương mại hoá các sản phẩm du lịch. Từ đó xuất hiện hình thức du lịch đầu tiên và tồn tại cho đến ngày nay.

Khu du lịch được định nghĩa tại Khoản 6 Điều 3 Luật Du lịch 2017 với nội dung như sau: Khu du lịch là khu vực có ưu thế về tài nguyên du lịch, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Khu du lịch bao gồm khu du lịch cấp tỉnh và khu du lịch quốc gia.

Bên cạnh đó tại Điều này còn có định nghĩa về tài nguyên du lịch như sau: Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài



nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.

### **III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH NÚI SAM TP CHÂU ĐỐC**

#### **- Vị trí địa lý:**

Khu vực nghiên cứu có vị trí địa lý ở phía Tây của tỉnh An Giang, có đường biên giới tiếp giáp của Việt Nam với Campuchia; thuộc địa phận hành chính phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khu du lịch Núi Sam bao gồm diện tích Núi Sam và khu vực phụ cận với tổng diện tích rộng 1.487 ha. Phường Núi Sam được thành lập năm 2002 được tách ra từ xã Vĩnh Tế (*Theo Nghị định số 29/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc - nay là thành phố Châu Đốc*).

- Diện tích: 14.870.000 m<sup>2</sup>

- Địa giới hành chính phường Núi Sam:

+ Phía Đông Bắc giáp phường Châu Phú A.

+ Phía Đông Nam giáp phường Châu Phú B.

+ Phía Tây Bắc giáp xã Vĩnh Tế.

+ Phía Tây Nam giáp phường đất nông nghiệp.

#### **- Đặc điểm tự nhiên**

Theo quan điểm lãnh thổ và quan điểm hệ thống tổng hợp ta xem xét điều kiện tự nhiên của khu du lịch Núi Sam trên phương diện toàn thành phố Châu Đốc:

#### **- Về địa hình**

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ và đặc biệt là du lịch.

#### **- Về khí hậu**

An Giang mang một đặc thù của khu vực thuộc vùng nhiệt đới cận xích đạo, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, với 2 mùa mưa, nắng rất rõ rệt, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25°C - 29°C, nhiệt độ cao nhất từ 36°C - 38°C, nhiệt độ thấp nhất dưới 18°C. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.500 mm. Khí hậu thành phố Châu Đốc có nhiều điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch.

#### **- Về thủy văn**

Trữ lượng nguồn nước của TP. Châu Đốc khá dồi dào, có thể khai thác và phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt từ sông Hậu và kênh rạch chằng chịt.

#### **- Đặc điểm kinh tế - xã hội**

- Khu du lịch Núi Sam nằm trên địa phận đường Núi Sam, TP. Châu Đốc, cách trung tâm thành phố khoảng 5,5 km. Phường Núi Sam có 10 khóm - ấp: Vĩnh Đông, Vĩnh Đông 1, Vĩnh Đông 2, Vĩnh Phước 1, Vĩnh Phước 2, Vĩnh Xuyên, Vĩnh Tây, Vĩnh Tây 1, Vĩnh Tây 2, Vĩnh Tây 3.

- Tổng số dân: 26.450 người (năm 2018)

- Mật độ dân số: 1.830 người/km<sup>2</sup>

Thành phần dân tộc: có 4 dân tộc Kinh, Hoa, Chăm và Khmer. Trong đó người Kinh chiếm đa số với hơn 95% dân số của phường. Đa số các dân tộc đều hòa nhập với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương.

#### **3.1. Về quản lý du lịch và vai trò của nhà nước**

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch chậm được đổi mới; Luật du lịch và các luật, pháp lệnh liên quan, hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành còn thiếu đồng bộ và chưa huy động được các nguồn

lực cho phát triển du lịch. Nhiều chính sách còn chồng chéo. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành chưa được hình thành; thủ tục hành chính còn rườm rà và quy trình quản lý chất lượng dịch vụ còn nhiều yếu kém.

- Tổ chức bộ máy của ngành có nhiều thay đổi, chưa thực sự ổn định để phát huy hiệu lực, hiệu quả; quản lý liên ngành, liên vùng rất yếu. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch du lịch còn nhiều bất cập, hiệu quả chưa được như mong muốn.

- Công tác quản lý đảm bảo phát triển bền vững, an ninh, an toàn, văn minh du lịch còn thiếu kinh nghiệm và chưa có tầm nhìn dài hạn nên kém hiệu quả và thiếu tính bền vững; quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nhận thức về du lịch cả ở cấp quản lý nhà nước, quản lý kinh doanh và trong nhân dân còn thấp, chưa đầy đủ và đồng bộ, tầm nhìn ngắn hạn trong tư duy chịu tác động của nhóm lợi ích cục bộ do vậy vẫn còn khoảng cách xa so với yêu cầu phát triển.

### **3.2. Về quy hoạch, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch**

- Mặc dù KDL Núi sam Châu Đốc sở hữu nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú và đa dạng nhưng cho tới nay chưa khai thác tương xứng với tiềm năng đó, thể hiện hệ thống sản phẩm du lịch vẫn còn nghèo nàn, đơn điệu.

- Cho đến nay tài nguyên du lịch cả tự nhiên và nhân văn chưa được thống kê, đánh giá, phân loại và xếp hạng để quản lý khai thác một cách bền vững, hiệu quả. Dẫn tới tài nguyên du lịch thì nhiều nhưng khai thác bừa bãi, mới dừng ở bề nổi, khai thác cái sẵn có chưa phát huy giá trị của tài nguyên.

- Sự khai thác bừa bãi, cạn kiệt tài nguyên du lịch gắn với quá trình cạnh tranh

và trách nhiệm của các bên không rõ ràng dẫn tới nguy cơ suy thoái nhanh giá trị của tài nguyên. Sự xung đột về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể kinh tế và các ngành, tầm nhìn ngắn hạn và hạn chế về công nghệ dẫn tới một số tài nguyên du lịch bị tàn phá, sử dụng sai mục đích...tác động tiêu cực tới phát triển du lịch bền vững.

### **3.3. Về nguồn nhân lực du lịch**

- Đây cũng vẫn là điểm yếu trường kỳ. Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác phát triển nguồn nhân lực du lịch thời gian qua nhưng so với yêu cầu về tính chuyên nghiệp của ngành dịch vụ hiện đại và hội nhập, toàn cầu hóa thì nhân lực du lịch chưa đáp ứng kịp về kỹ năng chuyên nghiệp, hội nhập, liên kết toàn cầu.

- Lực lượng lao động du lịch tuy đông đảo nhưng tỷ lệ được đào tạo bài bản chuyên nghiệp du lịch thấp, hơn nữa chất lượng đào tạo du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thích ứng kịp với xu hướng hội nhập, cạnh tranh toàn cầu.

- Đánh giá mặt bằng chung chất lượng nhân lực du lịch vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về tính chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, giao tiếp và chất lượng phục vụ. Ngành du lịch thực sự thiếu đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp du lịch kiểu mẫu của thời đại với yêu cầu cạnh tranh và hội nhập cao. Đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp với nhiều loại hình du lịch và ứng với các ngôn ngữ thuộc thị trường mục tiêu vẫn chưa sẵn sàng đầy đủ.

### **3.4. Về nguồn lực đầu tư cho phát triển sản phẩm du lịch và công nghệ**

- Nhu cầu đầu tư vào khu du lịch là rất lớn trong khi đó nguồn lực về vốn và công nghệ của khu du lịch Núi sam Châu Đốc còn rất hạn chế. Thị trường vốn của thành phố Châu Đốc mới được hình thành nhưng tiềm lực còn yếu và vì vậy chưa ổn định và chưa phát huy được vai trò điều tiết.

- Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên, hiện nay sản phẩm du lịch vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách, các khu vui chơi giải trí ít về số lượng, đơn điệu về chất lượng và nghèo nàn về chủng loại, chưa tạo được ấn tượng sâu sắc về sản phẩm đặc thù của du lịch Châu Đốc. Những nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch thông qua việc nâng chất lượng khách sạn, nhà hàng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, dịch vụ vui chơi, giải trí mới chưa thực sự hiệu quả do nguồn lực đầu tư của thành phố Châu Đốc còn hạn hẹp.

- Sự tự lực khánh sinh về công nghệ, kỹ thuật và nguồn nhân lực bậc cao của thành phố Châu Đốc còn rất hạn chế và phụ thuộc vào phía đối tác liên doanh liên kết bên ngoài.

### **3.5. Về thị trường và sản phẩm du lịch**

- Sản phẩm du lịch chậm đổi mới; phần lớn các doanh nghiệp du lịch có quy mô vừa và nhỏ, thiếu vốn, công nghệ nên khai thác những tài nguyên có sẵn hoặc sao chép để hình thành sản phẩm du lịch. Vì vậy tính chất độc đáo, giá trị nguyên bản và ý tưởng của sản phẩm du lịch rất nghèo nàn và trùng lặp giữa các vùng miền. Quá trình phát triển sản phẩm chưa được nghiên cứu bài bản vì vậy chất lượng và giá trị hàm chứa trong sản phẩm thấp. Sự nghèo nàn, ít sáng tạo, thiếu tính độc đáo, đặc sắc; thiếu đồng bộ và thiếu liên kết là thuộc tính phổ biến của sản phẩm du lịch hiện nay và là điểm yếu chính của khu du lịch Núi Sam Châu Đốc. Kết quả là sản phẩm, dịch vụ du lịch có hàm lượng giá trị gia tăng thấp, sản phẩm trùng lặp.

- Sự hạn chế, yếu kém trong nghiên cứu thị trường du lịch cả ở tầm vĩ mô và ở cấp doanh nghiệp. Việc nghiên cứu phân đoạn thị trường để xác định thị trường mục tiêu chưa thực sự đi trước một bước và thường thụ động. Kết quả nghiên cứu thị trường chưa được ứng dụng, theo đuổi triệt

để, dẫn tới các chính sách thị trường rất cảm tính, thiếu cơ sở và bị nhiễu loạn thông tin, biểu hiện trong sự a ru a, bầy đàn trong đầu tư và cạnh tranh trên thị trường.

- Xúc tiến quảng bá du lịch chưa chuyên nghiệp, chưa bài bản, chưa hiệu quả; mới dừng ở quảng bá hình ảnh chung, chưa tạo được tiếng vang và sức hấp dẫn đặc thù cho từng sản phẩm, thương hiệu du lịch. Một số địa danh du lịch được du khách biết đến như: Chùa Tây An, Chùa Hang, Lăng Thoại Ngọc Hầu, Đình Châu Phú, Đình Vĩnh Nguơn, Chùa Huỳnh Đạo,... nhưng hình ảnh vẫn chưa đậm nét.

### **3.6. Về chất lượng cơ sở lưu trú và ẩm thực du lịch**

#### **\* Cơ sở lưu trú:**

- Lưu trú du lịch là sản phẩm không thể thiếu trong chuỗi dịch vụ du lịch, có vị trí quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng du lịch, thu hút du khách. Chỉ dịch vụ có chất lượng mới tạo ra được uy tín, góp phần nâng cao tính cạnh tranh và tạo nên thương hiệu cho từng đơn vị và toàn ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả khu du lịch Núi Sam Châu Đốc, hoạt động lưu trú du lịch cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Theo đánh giá sơ bộ, ngoài hệ thống khách sạn cao cấp, các cơ sở lưu trú khỏi nhà nghỉ du lịch, nhà có phòng cho thuê (home-stay) và các cơ sở lưu trú chưa xếp loại còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhiều cơ sở lưu trú chưa chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, đáng lưu ý là khỏi khách sạn 2 sao trở xuống. Đặc biệt nhiều cơ sở lưu trú hoạt động tự phát, chưa được xếp loại, cơ sở vật chất, nhân lực hạn chế gây ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ, thương hiệu của điểm đến.

Công tác quản lý hoạt động lưu trú của địa phương đã được phân cấp chưa thực sự hiệu quả, nhiều cơ sở hoạt động tự phát. Dễ thấy hoạt động còn bộc lộ những hạn chế như: Lao động chưa qua đào tạo

nghiệp vụ chiếm cao, chạy theo lợi nhuận trước mắt, thiếu ngoại ngữ đặc biệt là ngoại ngữ hiếm như: Hàn, Nhật, Nga; chất lượng cơ sở lưu trú không đồng đều ...

Công tác thanh kiểm tra chưa thường xuyên, để rà soát cải thiện và chấn chỉnh các cơ sở lưu trú về đảm bảo các tiêu chuẩn về trang thiết bị, chất lượng dịch vụ, chất lượng đội ngũ...

#### \* **Ấm thực:**

Những nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực ở từng vùng miền khác nhau sẽ thể hiện thói quen, phong tục tập quán, lịch sử, văn hóa của vùng miền ấy. Sẽ là một thiếu sót lớn trong hành trình du lịch khám phá mà không có dấu ấn của một món ăn, thức uống nơi vùng đất mình đã đi qua. Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang nhận thức rất rõ vai trò của văn hóa ẩm thực trong sự phát triển của ngành du lịch. Ở một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Pháp, Ý... ẩm thực được định vị như một thế mạnh góp phần tạo nên sự khác biệt, thu hút du khách.

Thế nhưng trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ thức ăn, đồ uống và những lĩnh vực liên quan còn chưa được chú trọng, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng trong việc chế biến và cung cấp thức ăn và đồ uống cho khách, đặc biệt là khách nước ngoài. Đây là một vấn đề lớn không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe của khách mà ảnh hưởng tới toàn bộ cộng đồng trong xã hội.

Đặc biệt hơn là hành vi “chặt chém”, “móc túi” du khách, ảnh hưởng xấu đến nền du lịch trong nước nói chung và khu du lịch Núi Sam Châu Đốc nói riêng, tình trạng trên đã khiến nhiều người dân phẫn nộ.

### **3.7. Về cơ sở hạ tầng du lịch**

- Hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp cận điểm đến còn nghèo nàn, thiếu đồng bộ. Hiện tại chỉ có số ít các bến xe đón khách bằng đường bộ; chưa có bến tàu đáp ứng yêu cầu đón tàu du lịch; hệ thống đường bộ,

đường sắt, đường sông đến các điểm du lịch chưa đồng bộ và chất lượng thấp, chưa kết nối thành mạng lưới. Vì vậy những trở ngại về cơ sở hạ tầng tiếp tục là điểm yếu cần đầu tư dài hơi.

## **IV. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KDL NÚI SAM TP.CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2025**

*Để đưa ra các giải pháp tác giả còn phải thu thập thông tin, phỏng vấn trực tiếp đối với những người quản lý trực tiếp Khu du lịch Núi Sam Châu Đốc như:*

1. Bà Lê Thị Tuyết Em - Trưởng ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và Du lịch núi Sam.
2. Ông Trần Lê Kiên Tâm - Phó Trưởng Ban Quản lý Khu di tích văn hóa, lịch sử và Du lịch núi Sam.
3. Ông Huỳnh Văn Đường - Trưởng ban Quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam.
4. Ông Đào Minh Tâm - Phó Trưởng ban quản trị Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam.
5. Bà Vũ Thanh Trúc - Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc.

**Thực trạng** quản lý du lịch, quy hoạch tổng thể, xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch, kinh doanh du lịch, cơ sở hạ tầng du lịch...trong thời gian qua. Nhằm khai thác những thế mạnh và khắc phục hạn chế trong công tác quản lý khu du lịch Núi sam tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới cụ thể như:

### **4.1. Giải pháp quản lý du lịch và vai trò của nhà nước**

- Rà soát các quy định pháp luật về du lịch và dịch vụ liên quan; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các quy định không hợp lý, không còn phù hợp; cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính; cải thiện hơn quyền tự do kinh doanh, tăng mức độ an toàn và giảm chi phí kinh doanh.

- Hình thành cơ chế phối hợp hữu hiệu giữa cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch với các cấp trong hệ thống quản lý du lịch của tỉnh (thành phố), thành phố Châu Đốc.

- Phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ tầng du lịch. Thu hút đầu tư phát triển sản phẩm du lịch quy mô lớn, chất lượng cao tại các địa bàn thành phố động lực phát triển du lịch.

- Xem xét tiến độ đầu tư phát triển các trung tâm, công trình hạ tầng du lịch hiện có; xác định những khó khăn, vướng mắc; trực tiếp hỗ trợ giải quyết, đồng thời, khuyến khích đẩy nhanh tiến độ đầu tư mở rộng.

- Tiêu chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các điều kiện, tiện nghi phục vụ du lịch, bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh (hiện nay trên địa bàn thành phố chỉ có 4 nhà vệ sinh), trạm dừng nghỉ, nhà hàng, cơ sở mua sắm bảo đảm yêu cầu phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường tính kết nối và đảm bảo sự đồng bộ về chất lượng trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch.

- Phổ biến và tuyên truyền Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trong địa bàn tỉnh An Giang được (Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 10/08/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh An Giang), đây là những quy định mang tính chuẩn mực nhằm định hướng hành vi, thái độ, thói quen, cách thức ứng xử văn minh của tổ chức và cá nhân khi tham gia các hoạt động du lịch. Nội dung bộ quy tắc tập trung tuyên truyền các vấn đề về cách ứng xử văn minh, lịch sự của những người làm du lịch, cộng đồng địa

phương và cả du khách trong việc tuân thủ các nội quy, quy định của điểm đến du lịch góp phần xây dựng môi trường du lịch thân thiện, hấp dẫn và chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường tự nhiên, gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa địa phương.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nắm bắt kịp thời các vấn đề liên quan đến hoạt động của khách du lịch qua lại biên giới, có phương án xử lý kịp thời các tình huống. Cấp và thu hồi phép, giấy hoạt động trong hoạt động du lịch.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên, giá trị của thương hiệu điểm đến để bảo đảm hiệu quả bền vững từ hoạt động du lịch; thực hiện đúng nguyên tắc tham vấn cộng đồng với các kế hoạch phát triển du lịch và dịch vụ trong khu vực.

- Nghiên cứu thuê tư vấn (có thể tư vấn chuyên nghiệp nước ngoài) xây dựng quy hoạch sử dụng các tài nguyên du lịch (thiên nhiên và văn hóa); xây dựng các trung tâm, điểm du lịch; thực hiện đấu thầu xây dựng, sử dụng và phát triển tài nguyên du lịch theo hình thức hợp tác công - tư (PPP),...

## **4.2. Giải pháp quy hoạch, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch**

- Đề xuất mô hình quản lý khu du lịch Quốc gia Núi Sam theo quy định của Luật du lịch và pháp luật liên quan để thống nhất quản lý các hoạt động đầu tư, phát triển du lịch, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, thắng cảnh Núi Sam; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, lập quy hoạch xây dựng khu du lịch Quốc gia, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong khu du lịch Quốc gia. Tiến hành rà soát các dự án đã được phê duyệt trong khu du lịch Quốc gia để bảo đảm theo đúng định hướng của quy hoạch này.

**- Tập trung phát triển khu du lịch với 8 phân khu chức năng chính như:**

+ *Phân khu đô thị cũ để bảo tồn kiến trúc, văn hóa truyền thống Châu Đốc:*

Trục đường Nguyễn Văn Thoại, tiếp giáp sông Châu Đốc thuộc, phường Châu Phú A.

+ *Phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp dịch vụ, du lịch:*

Trục Châu Đốc - Núi Sam và trục đường Nguyễn Văn Thoại.

- *Phân khu công viên văn hóa du lịch, vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng phục vụ khách du lịch:*

Giáp phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp, dịch vụ, du lịch.

+ *Phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ phục vụ khách du lịch:*

Giáp trục Châu Đốc - Núi Sam, giáp phân khu công trình công cộng, nhà ở kết hợp dịch vụ, du lịch.

+ *Phân khu cơ sở lưu trú nghỉ dưỡng của khách du lịch:*

Giáp khu công viên văn hóa du lịch, vui chơi giải trí, thể thao.

+ *Phân khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái:*

Giáp phân khu du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ phục vụ khách du lịch.

+ *Phân khu nghỉ dưỡng kết hợp nông nghiệp sạch (Eco-Farm):*

Giáp khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái.

+ *Phân khu du lịch văn hóa - tâm linh, lễ hội Núi Sam:*

Tại khu Núi Sam, phường Núi Sam.

- Việc đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi khu du lịch Quốc gia Núi Sam tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch xây dựng được duyệt, quy chế quản lý khu du lịch Quốc gia Núi Sam, các quy định pháp luật

khác có liên quan. Tuyệt đối chấp hành khu vực khoanh vùng bảo vệ khu di tích Núi Sam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định có liên quan.

- Chuyên giao đất quốc phòng về địa phương quản lý (khu vực: giáp biên giới, đỉnh Núi Sam, đường kênh Hòa Bình...) sử dụng trong phạm vi Quy hoạch này thực hiện theo đúng quy định tại Điều 148 Luật đất đai.

- Bảo đảm hành lang bảo vệ nguồn nước; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định pháp luật liên quan khác trong phạm vi Quy hoạch.

- Thực hiện nghiêm túc công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích trong phạm vi Khu du lịch Quốc gia; xây dựng các chính sách phù hợp để du lịch đóng góp tích cực và trách nhiệm cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường đối với Khu du lịch Quốc gia và thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định về thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch thân thiện môi trường; sử dụng năng lượng tái tạo và áp dụng các công nghệ để tiết kiệm năng lượng trong các cơ sở dịch vụ du lịch trong phạm vi Khu du lịch Quốc gia.

- Tập trung triển khai các giải pháp thu gom, xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn trước khi xả thải vào môi trường để phòng, chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

- Các dự án đầu tư cụ thể trong khuôn khổ quy hoạch phải tuân thủ các quy định về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Ưu tiên các dự án đầu tư du lịch có các giải pháp cụ thể giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, mang lại các

hiệu quả trực tiếp cho cộng đồng và lâu dài cho toàn xã hội,

- Xây dựng và lựa chọn các giải pháp phù hợp nhằm ứng phó với ảnh hưởng bất lợi như: cạn kiệt nguồn nước, phòng chống xâm nhập mặn... và khắc phục giảm thiểu những hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng, về biến đổi khí hậu.

#### **4.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch**

- Nhà nước hỗ trợ một phần từ ngân sách để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực, đặc biệt tập trung vào đội ngũ quản lý, quản trị và lao động nghiệp vụ bậc cao.

- Nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp địa phương, đồng thời tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng. Chú trọng dạy nghề nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng căn bản về du lịch cho lao động gián tiếp, người dân địa phương tham gia kinh doanh du lịch.

- Tăng cường năng lực đào tạo của hệ thống các cơ sở đào tạo du lịch trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch. Hiện nay Trường trung cấp nghề Châu Đốc đang thực hiện Đề án ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo nghề trọng điểm “Nghề nghiệp vụ nhà hàng” trình độ trung cấp, được nhà nước miễn thu học phí toàn khóa học.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực du lịch, tiếp thu trình độ công nghệ tiên tiến quốc tế.

#### **4.4. Giải pháp về nguồn lực đầu tư cho phát triển sản phẩm du lịch và công nghệ**

- Nghiên cứu và đề xuất ban hành cơ chế thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư (cơ sở chế biến, các làng nghề truyền thống, doanh nghiệp,...) theo hướng khuyến khích các dự án đầu tư đa

năng kết hợp dịch vụ du lịch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Xây dựng, quảng bá và cung cấp sản phẩm có trách nhiệm đến với người tiêu dùng. Nâng cao sự hiểu biết và hiệu quả của cơ sở, doanh nghiệp sẽ hỗ trợ họ thực hiện các vai trò như là “nhà cung cấp” sản phẩm du lịch có trách nhiệm và đóng quan trọng vào sự phát triển chung, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch cũng như xây dựng hình ảnh khu du lịch Núi Sam Châu Đốc như là điểm đến du lịch có trách nhiệm.

- Tạo điều kiện cho các làng nghề thủ công truyền thống phát triển như: nghề mộc chạm trổ, nghề trồng dâu nuôi tằm, nghề rèn, nghề dệt, nghề gạch ngói, nghề vẽ tranh trên kiếng... Nhu cầu về du lịch sẽ định hướng cho sự phát triển của ngành, và đóng góp vai trò ảnh hưởng lớn trong việc định hình xây dựng các sản phẩm và dịch vụ có trách nhiệm. Qua cách lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ các hoạt động tham gia và chi tiêu của mình, khách du lịch có thể mang tạo nên những tác động mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

- Khuyến khích sự tham gia của địa phương, phát triển sản phẩm du lịch có trách nhiệm sẽ giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường, mang lại nhiều lợi ích hơn cho người dân tham gia vào quá trình quyết định những vấn đề ảnh hưởng tới kinh tế của họ, từ đó tác động đến ý thức cộng đồng của địa phương. Giảm thiểu các tác động đối với xã hội như: thương mại hóa các nền văn hóa truyền thống, đánh mất các kỹ năng và giá trị truyền thống, khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường do rác thải du lịch.

#### **4.5. Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm du lịch**

*- Về thu hút thị trường:*

+ *Đối với thị trường khách du lịch nội địa:* Có chính sách kích cầu vào mùa thấp điểm nhằm khắc phục tính thời vụ của du lịch Núi Sam. Tập trung thu hút phân đoạn thị trường du lịch gắn với mục đích lễ hội kết hợp với hành hương; thị trường khách trẻ tuổi yêu thích khám phá, thể thao, sinh thái trải nghiệm nông nghiệp, tham quan vườn ươm, trang trại.

+ *Đối với thị trường khách du lịch quốc tế:* Chú trọng phát triển thị trường khách quốc tế đi đường bộ từ Thái Lan và Campuchia qua các cửa khẩu quốc tế của An Giang. Phát triển thị trường khách quốc tế khác thông qua các hãng lữ hành tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **- Về phát triển sản phẩm:**

*Cần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch An Giang.*

+ Ưu tiên nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch kể các tuyến du lịch khám phá Núi Sam kết hợp với chương trình tìm hiểu vườn thực vật; xây dựng trung tâm diễn giải môi trường và thông tin du lịch, hệ thống đường mòn, chòi vọng cảnh, điểm dừng chân, nhà vệ sinh và lắp đặt hệ thống biển chỉ dẫn.

+ Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí: xây dựng hệ thống các cơ sở lưu trú đa dạng hướng tới các phân đoạn thị trường khác nhau; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí với các tính chất, hình thức đa dạng.

+ Phát triển sản phẩm du lịch thể thao và tổ chức các sự kiện thể thao nhằm thu hút sự quan tâm của khách du lịch.

+ Phát triển sản phẩm dòng du lịch sinh thái ngâm nước (tại rừng tràm Trà Sư), du lịch cộng đồng (Mỹ Hòa Hưng nằm trên Cù lao Hổ giữa sông Hậu), du lịch thể thao sông nước (Đua ghe ngo trên kênh Trà Sư - Lễ hội của người Khmer), du lịch biên giới (Campuchia).

+ Phát triển sản phẩm du lịch ẩm thực: trong xu thế phát triển du lịch, ẩm thực không chỉ đóng vai trò phục vụ về ăn uống đơn thuần mà đã trở thành mục đích của du khách trong các tuyến du lịch. Chính vì thế, để phát huy tiềm năng và khai thác thế mạnh của ẩm thực, góp phần phát triển du lịch, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của du khách. Do vậy cần nâng cao kỹ năng nghề pha chế, quan tâm đến chất lượng phục vụ, nội dung trình bày bắt mắt... và thỏa mãn nhu cầu thưởng thức ẩm thực của du khách.

#### **4.6. Giải pháp phát triển dịch vụ lưu trú và ẩm thực du lịch**

Nghiên cứu phân bố các cơ sở lưu trú ở cả trong Khu du lịch Quốc gia và các khu vực lân cận phù hợp quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm mật độ xây dựng và sức chứa của Khu du lịch Quốc gia. Hình thành các khu lưu trú du lịch có chất lượng cao gắn với không gian sinh thái (khu biệt thự cao cấp, khu nghỉ dưỡng sinh thái), gắn với sông nước hướng tới dòng khách có khả năng chi trả cao. Ưu tiên phát triển loại hình cơ sở lưu trú tại nhà dân (homestays).

Để thu hút khách các điểm lưu trú cần phải đầu tư nâng chất cả phần "cứng" và "mềm". Phần "cứng" là cơ sở hạ tầng, vật chất của khách sạn cần phải đầu tư, nâng chất thường xuyên; phần "mềm" chính là con người, nhân viên phục vụ phải là những người được đào tạo bài bản, kỹ năng chuyên nghiệp, tận tâm trong phục vụ khách có như vậy mới giữ chân được khách dài lâu.

Một trong những cơ sở quan trọng quyết định thành công trong một chuyến du lịch là chỗ lưu trú của du khách. Do vậy, việc nâng chất cơ sở hạ tầng, chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú cũng là một trong những yếu tố phát triển cho ngành du lịch của địa phương.



#### **4.7. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch**

##### **- Hệ thống giao thông:**

+ Tuyến giao thông đối ngoại: nâng cấp tuyến tránh Quốc lộ 91, tỉnh lộ 55A chạy dọc theo kênh Vĩnh Tế, đường đê kênh Hòa Bình, tuyến đường kênh đào, đường dẫn cầu Cồn Tiên đến khu công viên văn hóa Núi Sam, đường trục chính nối đường Tôn Đức Thắng với khu du lịch sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ. Nạo vét tuyến kênh Vĩnh Tế từ Châu Đốc đến Kiên Giang phục vụ phát triển du lịch.

+ Đường tránh quốc lộ 91 (tại phường Vĩnh Mỹ, TP.Châu Đốc) cụ thể:

. Giáp với các tuyến đường như: Nguyễn Tri Phương, Tôn Đức Thắng, Thủ Khoa Huân.

+ Tuyến giao thông đối nội: nâng cấp, cải tạo đường lên đỉnh Núi Sam; tuyến đường vòng công viên văn hóa Núi Sam, đường Nguyễn Văn Thoại; nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đạo Cật, đường Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong (đoạn từ 955A-N1) để điều tiết giao thông khu vực Núi Sam.

##### **- Hệ thống cầu cảng, bãi đỗ xe, trạm dừng chân:**

+ Xây dựng trạm dừng chân ở Núi Sam phục vụ khách du lịch, cầu Châu Đốc để kết nối với tuyến N1 vào Khu du lịch Núi Sam nhằm điều tiết các phương tiện giao thông của du khách.

+ Nâng cấp bến tàu cao tốc Châu Đốc phục vụ khách du lịch đường sông; xây dựng mới cảng hành khách - dịch vụ du lịch.

+ Bãi đỗ xe và bến thuyền: xây dựng mới các bãi đỗ xe đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Xây dựng bến thuyền, bến tàu du lịch trên kênh Vĩnh Tế, kênh Bờ Sáng, kênh đào du lịch.

#### **V. KẾT LUẬN**

1. Núi Sam là điểm đến có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh đặc sắc, vượt ra khỏi ranh giới của tỉnh An Giang, mang tính đại diện cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đây là yếu tố quan trọng để Núi Sam có thể phát triển để trở thành một điểm đến du lịch không chỉ có ý nghĩa địa phương mà còn có ý nghĩa quốc gia và khu vực.

2. Núi Sam đã được xác định là điểm du lịch quốc gia trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Điều này cũng phù hợp với vai trò của Núi Sam là một trung tâm du lịch của An Giang và vùng ĐBSCL, là yếu tố tiền đề để phát triển thành KDL Quốc gia.

3. Thời gian qua, kết cấu hạ tầng xã hội của Núi Sam đã có những bước phát triển đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tạo điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch. Tuy nhiên sự phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng này còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò và khả năng phát triển của Khu du lịch Núi Sam.

4. Bước vào giai đoạn phát triển mới, du lịch Núi Sam sẽ có nhiều thuận lợi và cơ hội khi có được sự quan tâm của Chính phủ, UBND tỉnh An Giang để tạo sự quan tâm và sức hút của du khách, đặc biệt là khách du lịch quốc tế khi được định hướng phát triển thành Khu du lịch Quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội, du lịch Núi Sam sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn về năng lực phát triển khi nhiều điều kiện còn chưa sẵn sàng và trong bối cảnh cạnh tranh giữa các điểm đến du lịch ngày càng gay gắt.

5. Trên cơ sở phân tích một cách tổng quan và có hệ thống về nguồn lực phát triển du lịch; những kết quả và hạn chế của Khu du lịch Núi Sam thời gian qua; xu thế và bối cảnh phát triển du lịch trong giai đoạn phát triển mới với những thuận lợi – cơ hội,

khó khăn - thách thức đặc ra đối với phát triển du lịch của Núi Sam với vai trò là Khu du lịch Quốc gia, những định hướng phát triển cơ bản theo ngành và lãnh thổ của du

lịch Núi Sam đã được xác định. Đây là yếu tố để định hướng phát triển Khu du lịch Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang trong tương lai./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Phòng kinh tế thành phố Châu Đốc, các báo cáo phát triển kinh tế hàng năm của thành phố.
- Theo báo cáo tình hình KT-XH năm 2018 của UBND tỉnh An Giang.
- Luật Du lịch Việt Nam (2017), thông qua kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/6/2017 có hiệu lực thi hành 01/01/2018.
- UBND tỉnh An Giang (2005), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, An Giang.

### ***Tác giả chịu trách nhiệm bài viết:***

Họ tên : Phạm Thanh Cường  
Đơn vị : Trường Trung cấp nghề Châu Đốc  
Điện thoại : 0966010029  
Email : phamthanhuongcdag1978@gmail.com

## **XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN**

TS.Nguyễn Thị Thanh Vân

